

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ câu hỏi/tra lời về những vấn đề thường gặp
trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính của
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công dịch vụ công quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BVHTTDL ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ câu hỏi/tra lời về những vấn đề thường gặp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cấp trung ương (Phụ lục I) và cấp địa phương (Phụ lục II) của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP (Cục Kiểm soát TTHC);
- Lưu: VT, VP (KSTTHC), TN.20.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Khánh Hải

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

Phụ lục I
BỘ CÂU HỎI/TRẢ LỜI VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP TRONG QUÁ TRÌNH
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày /6/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	STT	Câu hỏi	Câu trả lời	Ghi chú
I.	TỔNG CỤC DU LỊCH (Từ câu 01 - 51)				
Lĩnh vực Lữ hành					
01	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	01	Doanh nghiệp phải đáp ứng những điều kiện nào để được kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế?	Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch Số 09/2017/QH14; Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; 2. Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế tại ngân hàng với mức ký quỹ cụ thể: Nội địa: 100.000.000 đồng. Inbound: 250.000.000 đồng. Outbound: 500.000.000 đồng.	

				3. Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế.	
		02	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế thì phải gửi hồ sơ đến đâu? Thời gian thực hiện thủ tục này được quy định như thế nào?	1. Tại khoản 2 Điều 33 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và Nghị định số 168/2017/NĐ-CP quy định: Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Tổng cục Du lịch. Địa chỉ: Số 80 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. 2. Tại điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Du lịch Số 09/2017/QH14 quy định: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Du lịch thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		03	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế gồm những gì?	Tại khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và Điều 18 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (<i>Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch</i>); (2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan nhà	

				nước có thẩm quyền cấp; (3) Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành; (4) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 của Luật Du lịch; (5) Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành.	
		04	Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế là bao nhiêu?	Theo Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định: Cấp mới: 3.000.000 đồng/giấy phép.	
		05	Tôi có thể nộp lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế tại đâu?	Có 2 hình thức nộp lệ phí: 1. Nộp tiền mặt tại Tổng cục Du lịch. Địa chỉ: Số 80 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. 2. Chuyển khoản tới số tài khoản của Văn phòng Tổng cục Du lịch.	
02	Thủ tục cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	06	Doanh nghiệp cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp nào?	Tại khoản 1 Điều 35 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: 1. Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; 2. Thay đổi phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	
		07	Hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	Tại khoản 2 Điều 35 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và Điều 18 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định quy định: * Hồ sơ gồm:	

			bao gồm những gì?	(1) Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (Mẫu số 05, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch); (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp; (3) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành phù hợp với phạm vi kinh doanh trong trường hợp thay đổi phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	
		08	Lệ phí cấp đổi giấy phép này là bao nhiêu?	Theo Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định: Cấp đổi: 2.000.000 đồng/giấy phép.	
		09	Tôi muốn nộp lệ phí cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế qua chuyển khoản thì nộp tại tài khoản nào?	Văn phòng Tổng cục Du lịch Tên chủ tài khoản: Văn phòng Tổng cục Du lịch Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 105.8012 Số tài khoản: 3511.0.1058012 Tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội - 15 Trần Khánh Dư	
03	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	10	Doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp nào?	Tại khoản 1 Điều 34 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: Doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong trường hợp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành bị mất hoặc bị hư hỏng.	

		11	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế thì phải đến đâu?	Tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và Điều 18 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: Doanh nghiệp gửi đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (<i>Mẫu số 05, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch</i>) đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Tổng cục Du lịch. Địa chỉ: Số 80 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	
		12	Thời gian thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trong bao lâu?	Tại điểm b khoản 2 Điều 34 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của doanh nghiệp, Tổng cục Du lịch có trách nhiệm cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		13	Lệ phí cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế là bao nhiêu?	Theo Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định: Cấp lại: 1.500.000 đồng/giấy phép.	
04	Các câu hỏi/trả lời chung ở cấp trung ương trong lĩnh vực Lữ hành	14	Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành về lữ hành, cụ thể là chuyên ngành	Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: * Các chuyên ngành về lữ hành, cụ thể: 1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; 2. Quản trị lữ hành; 3. Điều hành tour du lịch;	

			nào?	4. Marketing du lịch; 5. Du lịch; 6. Du lịch lữ hành; 7. Quản lý và kinh doanh du lịch.	
		15	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có được kinh doanh dịch vụ lữ hành outbound không?	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.	
		16	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có được kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa không?	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.	
		17	Tôi có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế thì có được kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa không?	Tại khoản 3 Điều 30 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế được kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và dịch vụ lữ hành nội địa, trừ trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	
		18	Doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành trong trường hợp nào?	Tại khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: Doanh nghiệp bị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành trong các trường hợp sau: 1. Chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản; 2. Không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh dịch vụ	

			lữ hành quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 31 của Luật Du lịch; 3. Không đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật Du lịch; 4. Làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh; 5. Lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam trái pháp luật; 6. Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh; 7. Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 37 của Luật Du lịch, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch; 8. Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.	
	19	Thời gian thực hiện thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành trong bao lâu?	Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành. Quyết định thu hồi giấy phép được gửi đến doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về xuất nhập cảnh, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, công bố trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành.	
	20	Hồ sơ đề nghị chấm	Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-	

			dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành gồm những gì trong trường hợp doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động kinh doanh lữ hành?	BVHTTDL quy định về trường hợp doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động kinh doanh lữ hành: * Hồ sơ gồm: (1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành; (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đã được cấp.	
		21	Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành gồm những gì trong trường hợp doanh nghiệp giải thể hoặc bị giải thể?	Tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định trường hợp doanh nghiệp giải thể hoặc bị giải thể: * Hồ sơ gồm: (1) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành; (2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đã được cấp; (3) Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp; (4) Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp.	
		22	Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành gồm những gì trong trường hợp doanh	Tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định trường hợp doanh nghiệp phá sản: * Hồ sơ gồm: (1) Quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản;	

			ng nghiệp phá sản?	(2) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đã được cấp.	
		23	Sau khi có quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, sau bao lâu doanh nghiệp sẽ được hoàn trả tiền ký quỹ?	Tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp phép và trang mạng quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ; trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan giải quyết theo quy định của pháp luật.	
		24	Trường hợp doanh nghiệp bị phá sản thì tiền ký quỹ sẽ xử lý như thế nào?	Tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: Trường hợp doanh nghiệp bị phá sản, tiền ký quỹ do tòa án quyết định theo quy định của pháp luật về phá sản.	
05	Thủ tục công nhận khu du lịch quốc gia	25	Điều kiện để công nhận khu du lịch quốc gia được quy định như thế nào?	Điều 13 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP quy định điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia, cụ thể: 1. Có ít nhất 02 tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên du lịch cấp quốc gia; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực. 2. Có trong danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	

			3. Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ chất lượng cao, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm: a) Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 500.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 300.000 lượt khách lưu trú mỗi năm, trong đó có cơ sở lưu trú du lịch được công nhận hạng từ 4 sao trở lên; b) Các điều kiện quy định tại các điểm a, c, và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP. 4. Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia. 5. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm: a) Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường; b) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 4 Điều 12 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP.	
		26	Hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia bao gồm những giấy tờ gì? Tại khoản 1 Điều 28 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và Điều 18 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: *Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia (<i>Mẫu số 03 tại phụ lục số II, Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch quốc	

				gia quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Du lịch.	
		27	Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia được quy định như thế nào?	Tại khoản 2 Điều 28 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Du lịch thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định công nhận và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố khu du lịch quốc gia; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		28	Trong trường hợp nào khu du lịch bị thu hồi quyết định công nhận khu du lịch quốc gia?	Tại khoản 4 Điều 28 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: Khu du lịch bị thu hồi quyết định công nhận khu du lịch quốc gia khi không còn đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Du lịch, cụ thể: 1. Có tài nguyên du lịch đa dạng, đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định; 2. Có trong danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; 3. Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ chất lượng cao, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch;	

				4. Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia; 5. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.	
		29	Cấp nào có thẩm quyền quyết định công nhận và thu hồi quyết định công nhận khu du lịch quốc gia?	Điều 28 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: 1. Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định và thu hồi quyết định công nhận khu du lịch quốc gia 2. Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên: Thủ tướng Chính phủ quyết định và thu hồi quyết định công nhận khu du lịch quốc gia.	
		30	Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì cơ quan nào có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia và cơ quan nào có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia?	Tại khoản 3 Điều 28 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận khu du lịch quốc gia.	
Lĩnh vực Khách sạn					
01	Các thủ tục hành chính	31	Tôi muốn được công nhận hạng khách sạn	Theo khoản 3 Điều 50 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định về thẩm quyền thẩm định, công nhận xếp hạng sao khách	

	trong lĩnh vực khách sạn		04 sao và hạng 05 sao thì phải liên lạc với đơn vị nào?	sạn: Tổng cục Du lịch thẩm định, công nhận cơ sở lưu trú du lịch hạng 04 sao và hạng 05 sao.	
		32	Hồ sơ xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch bao gồm những gì?	Theo khoản 4 Điều 50 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 và Điều 18 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: * Hồ sơ đăng ký công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch bao gồm: (1) Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (<i>Mẫu số 07, phụ lục số II, Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch; (3) Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch; (4) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.	
		33	Sau khi nộp hồ sơ đầy đủ đề nghị xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch 4 sao, thì khi nào khách sạn tôi được thẩm định xếp hạng?	Theo Điều 50 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 quy định: * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Du lịch chủ trì, phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch thẩm định và ra quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	

				2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Tổng cục Du lịch phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung.	
		34	Phí thăm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch là bao nhiêu?	Điều 4 Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thăm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cụ thể: Hạng 1 sao, 2 sao: 1.500.000 đồng/hồ sơ. Hạng 3 sao: 2.000.000 đồng/hồ sơ. Hạng 4 sao, 5 sao: 3.500.000 đồng/hồ sơ.	
		35	Hồ sơ công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch hiện tại có gửi online được không?	Hiện tại các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch có thể truy cập trang web http://dichvucong.bvhttdl.gov.vn để nộp hồ sơ online.	
		36	Hiện nay, nhiều khách sạn có phòng lớn với nhiều giường nhưng trong TCVN 4329:2009 khách sạn-xếp hạng không có quy định cụ thể mà chỉ có quy định về diện tích buồng ngủ gồm buồng một giường đơn và buồng một giường đôi.	Theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4391:2009 Khách sạn -Xếp hạng, yêu cầu tối thiểu về diện tích buồng ngủ, phòng vệ sinh, kích cỡ giường đối với khách sạn hạng từ 1 sao đến 5 sao (không áp dụng đối với khách sạn nổi) được quy định trong Bảng 1 - Tiêu chí xếp hạng, cụ thể: 1. Hạng 1 sao: Buồng một giường đơn 9m²; buồng một giường đôi hoặc hai giường đơn 12m²; phòng vệ sinh 3m². 2. Hạng 2 sao: Buồng một giường đơn 12m²; buồng một giường đôi hoặc hai giường đơn 14m²; phòng vệ sinh 3m². 3. Hạng 3 sao: Buồng một giường đơn 14m²; buồng một	

			Vậy, các khách sạn có được xây dựng phòng lớn với nhiều giường không? Có quy định cụ thể nào về diện tích buồng/phòng có nhiều giường không?	giường đôi hoặc hai giường đơn 18m²; phòng vệ sinh 4m². 4. Hạng 4 sao: Buồng một giường đơn 16m²; buồng một giường đôi hoặc hai giường đơn 20m²; phòng vệ sinh 5m²; buồng đặc biệt 36m² (không bao gồm phòng vệ sinh và ban công). 5. Hạng 5 sao: Buồng một giường đơn 18m²; buồng một giường đôi hoặc hai giường đơn 26m²; phòng vệ sinh 6m²; buồng đặc biệt 50m² (không bao gồm phòng vệ sinh và ban công). Vì vậy, chủ đầu tư các khách sạn có thể xây dựng cơ sở lưu trú du lịch với những buồng có diện tích lớn hơn yêu cầu tối thiểu hoặc có buồng gia đình/căn hộ gồm nhiều phòng ngủ. Trong quá trình phục vụ, tùy thuộc và quy mô, diện tích phòng ngủ và nhu cầu của khách, các khách sạn có thể kê thêm các giường phụ (extra bed), tuy nhiên phải đảm bảo yêu cầu về nội thất, ngoại thất thiết kế, bài trí, trang trí hợp lý, thuận tiện với tất cả các hạng và đẹp, sang trọng với hạng 4-5 sao.	
		37	Hiện tại, Sở y tế địa phương không cấp Giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm trong nhà hàng của khách sạn nữa, Vì vậy, các khách sạn phải đáp ứng quy định an toàn thực	Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm quy định: Nhà hàng trong khách sạn không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Nghị định cũng xác định cơ sở sơ chế biến và cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc diện phải thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm nhưng	

			phẩm như thế nào?	phải tuân thủ các yêu cầu về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tương ứng. Việc đảm bảo điều kiện về an toàn thực phẩm do Bộ Y tế quy định và tổ chức kiểm tra.	
		38	Theo quy định, cơ sở lưu trú du lịch phải đủ điều kiện về an ninh trật tự và Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy. Chủ các căn hộ kinh doanh lưu trú có được phép sử dụng lại các giấy nêu trên của chủ đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho tòa nhà chung cư không?	Về việc xác định Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy đối với căn hộ đơn lẻ trong tòa nhà chung cư, Biên bản này có hiệu lực đối với cả tòa nhà thì cũng có hiệu lực đối với từng căn hộ. Về điều kiện đảm bảo an ninh, trật tự, căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch phải được cơ quan công an có thẩm quyền cấp giấy phép đảm bảo điều kiện an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	
		39	Trường Bộ phận khách sạn không có Chứng chỉ nghề quốc gia mà chỉ có chứng nhận đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn của các trường đào tạo về du lịch có được chấp nhận không?	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4391:2015 Khách sạn - Xếp hạng: - Trường bộ phận lễ tân, buồng, bàn khách sạn 2 sao cần tốt nghiệp sơ cấp nghề (lễ tân, buồng, bàn) trở lên hoặc có chứng chỉ nghề du lịch quốc gia; trường hợp có chứng chỉ sơ cấp nghề khác phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ. Vậy nếu trường bộ phận lễ tân, buồng, bàn khách sạn 2 sao đã tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nghề lễ tân, buồng, bàn là đạt tiêu chí về nghiệp vụ.	

			- Trưởng bộ phận lễ tân, buồng, bàn bar, bếp khách sạn 3 sao yêu cầu cao hơn với khách sạn 2 sao, mức thấp nhất cần tốt nghiệp trung cấp nghề (lễ tân, buồng, bàn, bar, bếp) hoặc chứng chỉ nghề quốc gia. - Trưởng bộ phận lễ tân, buồng, bàn bar, bếp khách sạn 4, 5 sao yêu cầu cao hơn với khách sạn 3 sao, cần tốt nghiệp cao đẳng nghề (lễ tân, buồng, bàn, bar, bếp) hoặc chứng chỉ nghề quốc gia. Tất cả bằng, chứng chỉ của các trường/cơ sở đào tạo có tư cách pháp nhân, được Bộ Giáo dục - Đào tạo hoặc Tổng cục Dạy nghề công nhận đều có giá trị để đánh giá.	
	40	Trong Tiêu chuẩn Xếp hạng Khách sạn năm 2009 có quy định đối với khách sạn 4 sao thì tỷ lệ nhân viên so với số lượng buồng là 0.8 đến 1.1, tuy nhiên, trong Tiêu chuẩn năm 2015 lại không đề cập. Vậy, hiện tại có quy định nào bắt buộc về số lượng nhân viên trong khách sạn không?	Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4391:2015 Khách sạn - Xếp hạng không có tiêu chí bắt buộc về số lượng nhân viên trong khách sạn. Các đơn vị bố trí nhân viên tùy theo công suất, mùa vụ và dịch vụ cung cấp, cần đảm bảo sẵn sàng phục vụ và đáp ứng yêu cầu của hạng sao tương ứng.	
	41	Trong Tiêu chuẩn -	Các dịch vụ bắt buộc với khách sạn 5 sao là chăm sóc sắc đẹp,	

			Xếp hạng Khách sạn TCVN 4391:2015 có quy định đối với khách sạn 5 sao, dịch vụ spa là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, khuôn viên khách sạn của tôi không đủ diện tích, vì vậy, nếu tôi kết hợp cùng đơn vị spa ở ngoài để cung cấp cho khách lưu trú tại khách sạn thì có được chấp nhận đạt tiêu chuẩn không?	xông hơi, mát - xa... phải nằm trong khuôn viên khách sạn, do khách sạn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng. Các đơn vị kết hợp ở ngoài khách sạn không phải là tiêu chí để đánh giá.	
		42	Tôi muốn xếp hạng biệt thự du lịch thì căn cứ vào đâu?	Tiêu chuẩn biệt thự du lịch TCVN 7795:2009 hiện không còn phù hợp với Luật Du lịch 2009, vì chỉ phân thành 2 hạng cao cấp và đạt tiêu chuẩn, vì vậy, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang tiến hành rà soát TCVN 7795:2009 Biệt thự du lịch - xếp hạng. Bản chính thức sẽ ban hành vào năm 2021, phân thành 5 hạng từ 1 đến 5 sao.	
		43	Trình độ ngoại ngữ của Trưởng lễ tân khách sạn 2, 3, 4, 5 sao được quy định như thế nào?	1. Trưởng lễ tân khách sạn 2 sao cần biết 01 ngoại ngữ thông dụng tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. 2. Trưởng lễ tân khách sạn 3 sao cần biết 01 ngoại ngữ thông dụng tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. 3. Trưởng lễ tân khách sạn 4 - 5 sao cần biết 01 ngoại ngữ	

				thông dụng tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	
		44	Tại sao không có tiêu chí đối với trường bộ phận khách sạn 1 sao?	Các khách sạn 1 sao thường có quy mô nhỏ chỉ từ 10 đến 20 buồng ngủ, dịch vụ ít, có nơi chỉ phục vụ dịch vụ lưu trú, số lượng nhân viên phục vụ ít, nhiều trường hợp một nhân viên kiêm nhiệm vừa làm buồng, vừa làm bếp phục vụ khách ăn sáng, không có trường bộ phận. Vì vậy, không có tiêu chí bắt buộc đối với trường bộ phận khách sạn 1 sao.	
		45	Nếu trong một cơ sở lưu trú du lịch có nhiều loại hình: khách sạn, căn hộ, biệt thự thì xếp hạng theo loại nào?	Căn cứ vào tỷ lệ của loại hình để xếp hạng. Nếu số phòng và dịch vụ khách sạn nhiều hơn sẽ xếp theo hạng khách sạn, nếu tỷ lệ căn hộ nhiều hơn sẽ xếp theo tiêu chuẩn căn hộ du lịch. Tạm thời loại hình biệt thự du lịch đang chờ bộ tiêu chuẩn mới. Trong trường hợp tỷ lệ các loại buồng tương đương sẽ sử dụng cả 02 bộ tiêu chí xếp hạng và tên gọi sẽ là Khách sạn - Căn hộ.	
		46	Tàu thủy lưu trú du lịch có tiêu chí xếp hạng bắt buộc không?	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9372:2012, Tàu thủy lưu trú du lịch - Xếp hạng: Có quy định tối thiểu với hạng 1 sao của tàu thủy lưu trú du lịch. Khi xếp hạng tàu thủy lưu trú du lịch sẽ xem xét ở quy định tối thiểu và chấm điểm theo các tiêu chí tương ứng, yêu cầu đạt 95% tiêu chí với từng hạng tương ứng.	
Lĩnh vực Hợp tác quốc tế					
01	Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực	47	Tôi muốn thực hiện thủ tục thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Tổng cục Du lịch. Địa chỉ: Số 80 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	

	hợp tác quốc tế		lich nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực thì phải đến đâu nộp hồ sơ?	hoặc nộp hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: http://dichvucong.bvhttdl.gov.vn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
		48	Thủ tục thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực được quy định tại văn bản pháp luật nào?	- Điều 69 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.	
		49	Hồ sơ thành lập văn phòng đại diện gồm những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị thành lập văn phòng đại diện (<i>Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017</i>); (2) Quyết định thành lập cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực; (3) Quyết định thành lập văn phòng đại diện của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực; (4) Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện.	
		50	Hồ sơ có phải hợp pháp hóa lãnh sự không?	Hồ sơ phải được hợp pháp hóa lãnh sự. (Quyết định thành lập và bổ nhiệm người đứng đầu phải được hợp pháp hóa lãnh sự).	

		51	Hình thức trả kết quả như thế nào?	Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện sẽ được trả cho tổ chức qua đường bưu điện hoặc trả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Tổng cục Du lịch, tùy vào hình thức đăng ký nhận kết quả của tổ chức nộp hồ sơ.	
II.	TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO (Từ câu 52 - 59)				
01	Thủ tục đăng cai tổ chức Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; Đại hội thể thao toàn quốc	52	Tôi muốn thực hiện thủ tục đăng cai tổ chức Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; Đại hội thể thao toàn quốc, vậy trình tự và cách thức thực hiện như thế nào?	* Trình tự thực hiện: 1. Tổ chức đề nghị đăng cai tổ chức Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; Đại hội thể thao toàn quốc nộp hồ sơ đến cơ quan trực tiếp thực hiện là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; Đại hội thể thao toàn quốc theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. * Cách thức thực hiện: - Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Tổng cục Thể dục thể thao. - Địa chỉ: Số 36 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.	
		53	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.	
		54	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận	

				động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức; (2) Điều lệ giải thể thao; (3) Chương trình thi đấu. - Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ. *Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
02	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao	55	Để thực hiện thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao thì trình tự và cách thức thực hiện như thế nào?	* Trình tự thực hiện: 1. Tổ chức đề nghị đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao nộp hồ sơ đến cơ quan trực tiếp thực hiện là Liên đoàn thể thao quốc gia. 2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao theo đề nghị của các liên đoàn thể thao quốc gia. * Cách thức thực hiện: - Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Tổng cục Thể dục thể thao.	

				- Địa chỉ: Số 36 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.	
		56	Yêu cầu của thành phần hồ sơ gồm những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, sau bao lâu sẽ hoàn tất thủ tục?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức; (2) Điều lệ giải thể thao; (3) Chương trình thi đấu. - Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ. * Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
03	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia	57	Trình tự và cách thức thực hiện thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia được quy định như thế nào?	* Trình tự thực hiện: Tổng cục Thể dục thể thao tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia. * Cách thức thực hiện: - Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Tổng cục Thể dục thể thao. - Địa chỉ: Số 36 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.	
		58	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội thể thao quốc gia được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật	1. Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. 2. Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về	

			nào?	tổ chức, hoạt động và quản lý hội. 3. Thông tư số 01/2013/TT-BVHTTDL ngày 02/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hội thể thao quốc gia.	
		59	Yêu cầu của thành phần hồ sơ gồm những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, sau bao lâu sẽ hoàn tất thủ tục?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn xin công nhận Ban vận động thành lập hội, trong đơn nêu rõ tên hội, tôn chỉ, mục đích của hội, lĩnh vực mà hội dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động, dự kiến thời gian trù bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp; (2) Danh sách và trích ngang của những người dự kiến trong Ban vận động thành lập hội: Họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; trú quán; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn. - Số lượng hồ sơ: Không quy định. *Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp.	
III.	CỤC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (Từ câu 60 - 82)				
01	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc trung ương	60	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc trung ương thì phải đến đâu?	- Cá nhân, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Nghệ thuật biểu diễn. - Địa chỉ: Số 32 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội.	
		61	Hồ sơ yêu cầu những loại giấy tờ nào? Thời	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ	

			hạn giải quyết quy định trong bao lâu? thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh Mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang; (3) 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu (đối với bản nhạc hoặc kịch bản sử dụng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chứng nhận của công ty dịch thuật); (4) 01 bản sao chứng thực quyết định cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (đối với chương trình có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài); (5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
--	--	--	--	--

		62	Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.	
02	Thủ tục cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc cơ quan Trung ương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	63	Thành phần hồ sơ của thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc cơ quan Trung ương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gồm những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh Mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang; (3) 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu; (4) 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).	
		64	Khi thực hiện thủ tục này căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.	

				2. Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. 3. Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ.	
03	Thủ tục cấp Giấy phép cho tổ chức thuộc cơ quan Trung ương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	65	Thành phần hồ sơ gồm những gì? số lượng hồ sơ phải nộp cần bao nhiêu bộ?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản sao văn bản thoả thuận với tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (3) 01 bản sao hộ chiếu; (4) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). * Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.	
04	Thủ tục cấp	66	Đối tượng nào được	- Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ	

	Giấy phép cho doanh nghiệp mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc không trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi thành lập doanh nghiệp		quy định thực hiện thủ tục này ở Cục Nghệ thuật biểu diễn?	thuật, trình diễn thời trang mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc không trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi thành lập doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Nghệ thuật biểu diễn. - Địa chỉ: Số 32 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội.	
		67	Thủ tục yêu cầu thành phần hồ sơ gồm những gì? Nếu hồ sơ của tôi đầy đủ thì trong bao lâu tôi sẽ nhận được giấy phép?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản sao văn bản thoả thuận với tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (3) 01 bản sao hộ chiếu; (4) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). * Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
05	Thủ tục cấp Giấy phép cho đối tượng mời cá nhân là người	68	Thủ tục yêu cầu thành phần hồ sơ gồm những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm</i>	

	Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang			<i>theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);</i> (2) 01 bản sao văn bản thoả thuận với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài; (3) 01 bản sao hộ chiếu; (4) 01 bản sao văn bản nhận xét của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại; (5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).	
06	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức thi người đẹp quy mô toàn quốc (cuộc thi Hoa hậu toàn quốc)	69	Tôi muốn đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp quy mô toàn quốc (cuộc thi Hoa hậu toàn quốc) thì phải nộp hồ sơ ở đâu? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	- Tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hoá, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hoá, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp có quy mô toàn quốc nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Nghệ thuật biểu diễn. - Địa chỉ: Số 32 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do.	
		70	Thành phần hồ sơ của	* Thành phần hồ sơ, gồm:	

			thủ tục này gồm những gì? (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi (<i>Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 đề án tổ chức cuộc thi, trong đó nêu rõ: - Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt trước, tên nước ngoài sau). - Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi phải thể hiện rõ và phù hợp với tên gọi của cuộc thi, quy mô, phạm vi tổ chức cuộc thi. - Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi. - Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi. - Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải. - Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi. - Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải. - Danh sách và quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo. - Kinh phí tổ chức cuộc thi. - Mẫu đơn đăng ký dự thi của thí sinh (<i>Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL</i>). (3) 01 văn bản chấp thuận địa điểm đăng cai tổ chức vòng chung kết cuộc thi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan cấp phép; (4) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục	
--	--	--	---	--

				hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).	
		71	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp quy mô toàn quốc (cuộc thi Hoa hậu toàn quốc được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. 2. Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. 3. Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ. 4. Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016.	
07	Thủ tục cấp Giấy phép tổ	72	Tôi muốn đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi;	

	chức thi người đẹp quốc tế, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam		người đẹp quốc tế, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam thì hồ sơ cần những gì?	(2) 01 đề án tổ chức cuộc thi, trong đó nêu rõ: - Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt trước, tên nước ngoài sau). - Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi phải thể hiện rõ và phù hợp với tên gọi của cuộc thi, quy mô, phạm vi tổ chức cuộc thi. - Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi. - Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi. - Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải. - Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi. - Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải. - Danh sách và quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo. - Kinh phí tổ chức cuộc thi. - Mẫu đơn đăng ký dự thi của thí sinh. (3) 01 văn bản chấp thuận địa điểm đăng cai tổ chức vòng chung kết cuộc thi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan cấp phép; (4) 01 bản sao chứng thực hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức Việt Nam với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục	
--	--	--	--	---	--

				hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).	
		73	Tên mẫu đơn của thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp quốc tế, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam?	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước (<i>Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>). 2. Đơn đăng ký tham dự cuộc thi của thí sinh (<i>Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL</i>).	
08	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức thi người đẹp quy mô vùng, ngành, đoàn thể Trung ương và người mẫu quy mô toàn quốc	74	Ban giám khảo cuộc thi người đẹp, người mẫu được quy định như thế nào?	Điều 8 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL quy định về Ban giám khảo cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau: 1. Mỗi cuộc thi người đẹp, người mẫu chỉ thành lập 01 Ban giám khảo. 2. Ban giám khảo gồm các nhà chuyên môn trong các lĩnh vực: Nhân trắc học, mỹ học, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, nhiếp ảnh, xã hội học. Tùy theo tính chất của từng cuộc thi, Ban tổ chức có thể mời thêm các nhà chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác. 3. Cơ quan cấp phép, đơn vị tổ chức, nhà tài trợ không tham gia Ban giám khảo.	
		75	Để được cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp quy mô vùng, ngành, đoàn thể Trung ương và người mẫu quy mô toàn quốc, thành phần	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi (<i>Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 đề án tổ chức cuộc thi, trong đó nêu rõ: - Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt	

			hồ sơ gồm những gì?	trước, tên nước ngoài sau). - Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi phải thể hiện rõ và phù hợp với tên gọi của cuộc thi, quy mô, phạm vi tổ chức cuộc thi. - Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi. - Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi. - Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải. - Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi. - Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải. - Danh sách và quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo. - Kinh phí tổ chức cuộc thi. - Mẫu đơn đăng ký dự thi của thí sinh (<i>Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL</i>). (3) 01 văn bản chấp thuận địa điểm đăng cai tổ chức vòng chung kết cuộc thi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan cấp phép; (4) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).	
		76	Danh hiệu chính tại	Điều 11 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL quy định: Danh	

			cuộc thi người đẹp, người mẫu được quy định như thế nào?	hiệu chính là một trong ba danh hiệu trao cho thí sinh đạt Điểm cao nhất, được tính từ cao xuống thấp.	
09	Thủ tục cấp Giấy phép đưa thí sinh đi tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế	77	Tôi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đưa thí sinh đi tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tại đâu? Quy định về thời hạn giải quyết như thế nào?	Khoản 2, 3 Điều 22 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP quy định: - Tổ chức đại diện đề nghị cấp giấy phép dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Nghệ thuật biểu diễn. - Địa chỉ: Số 32 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		78	Hồ sơ của thủ tục cấp giấy phép đưa thí sinh đi tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế gồm những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép dự thi (<i>Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản sơ yếu lý lịch của thí sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; (3) 01 đơn đăng ký dự thi của thí sinh; (4) 01 bản sao giấy mời tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế của tổ chức nước ngoài; (5) 01 bản sao bằng chứng nhận danh hiệu của cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước; (6) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục	

				hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).	
10	Thủ tục cấp Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương	79	Thành phần hồ sơ của thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương gồm những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (<i>Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 danh mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn; (3) 01 bản nhạc và lời hoặc kịch bản văn học (đối với tác phẩm nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (4) 01 bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu; (5) 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thoả thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả; (6) 01 bản sao chứng thực quyết định phổ biến tác phẩm và quyết định cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật (nếu trong chương trình có sử dụng tác phẩm sáng tác trước năm 1975, tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác và nghệ sĩ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn); (7) 01 mẫu thiết kế vỏ bản ghi âm, ghi hình; (8) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP	

				nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).	
		80	Mức phí thẩm định đối với thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương như thế nào?	* Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). * Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: - <i>Đối với bản ghi âm:</i> + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình. - <i>Đối với bản ghi hình:</i> + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình	
11	Thủ tục cấp phép phổ biến tác phẩm sáng	81	Hồ sơ của thủ tục cấp phép phổ biến tác phẩm sáng tác trước	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép phổ biến tác phẩm sáng tác trước năm 1975 hoặc tác phẩm của người Việt Nam định cư ở nước	

	tác trước năm 1975 hoặc tác phẩm của người Việt Nam đang sinh sống và định cư ở nước ngoài		năm 1975 hoặc tác phẩm của người Việt Nam đang sinh sống và định cư ở nước ngoài gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu? ngoài (<i>Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản sao bản nhạc hoặc kịch bản sân khấu (có chứng nhận của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm); (3) 01 bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của tác giả (đối với cá nhân đề nghị cho phép phổ biến); (4) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu); (5) 01 bản sao văn bản nhận xét của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại (đối với cá nhân đề nghị phổ biến lần đầu); (6) 01 bản ghi âm có nội dung tác phẩm. * Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
		82	Mức phí thẩm định của thủ tục cấp phép phổ biến tác phẩm sáng tác trước năm 1975 hoặc tác phẩm của người Việt Nam đang sinh sống và định cư ở nước ngoài như thế nào? - Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). - Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;	

				+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.	
IV.	CỤC DI SẢN VĂN HÓA (Từ câu 83 - 111)				
01	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ	83	Trình tự thực hiện thủ tục này được pháp luật quy định như thế nào?	Điều 2 Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ như sau: 1. Tổ chức có chức năng thăm dò, khai quật khảo cổ gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ tới Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ; trường hợp không cấp giấy phép, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
		84	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ gồm những giấy tờ gì?	Theo quy định tại Điều 12 Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ ban hành kèm theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ; Trường hợp tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ mời tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thăm dò, khai quật khảo cổ thì tổ chức chủ trì phải có văn bản báo cáo nêu rõ tên của	

			tổ chức, cá nhân đó và những tài liệu giới thiệu về chương trình hợp tác của các bên tham gia thăm dò, khai quật khảo cổ; (2) Văn bản thỏa thuận đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có địa điểm thăm dò, khai quật khảo cổ đối với trường hợp tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ không phải là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hoặc không phải là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (3) Sơ đồ vị trí địa điểm thăm dò, khai quật khảo cổ tỉ lệ 1:500, trong đó thể hiện rõ vị trí, diện tích các khu vực thăm dò, khai quật khảo cổ; (4) Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của tổ chức phối hợp thăm dò, khai quật khảo cổ (nếu có). Trường hợp tổ chức phối hợp thăm dò, khai quật khảo cổ mời tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thăm dò, khai quật khảo cổ thì tổ chức phối hợp phải có văn bản báo cáo tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ. Căn cứ ý kiến thỏa thuận của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ sẽ xem xét, quyết định; (5) Trong trường hợp cần thiết, nếu việc thăm dò, khai quật tại các địa điểm có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc nghiên cứu lịch sử của đất nước, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sẽ yêu cầu tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ đệ trình kế hoạch thăm dò, khai quật khảo cổ và các tài liệu liên quan để xem xét trước khi cấp giấy phép thăm dò, khai	
--	--	--	---	--

				quật khảo cổ.	
02	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	85	Trình tự thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên được pháp luật quy định như thế nào?	Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ quy định: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài xin nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Địa chỉ: Số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	
		86	Để được cấp phép thủ tục này, cần phải nộp những loại giấy tờ gì?	Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ quy định: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể; (2) Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể.	
		87	Pháp luật quy định thời hạn giải quyết đối với thủ tục này như thế nào?	Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ quy định: Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét cấp phép. Trường hợp từ chối, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
03	Thủ tục cấp Giấy phép mang	88	Tôi đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thủ	- Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày	

	di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ra nước ngoài		tục này, vậy sau bao nhiêu ngày tôi sẽ được cấp Giấy phép theo quy định? Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép được quy định như thế nào?	04/01/2012 của Chính phủ quy định: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đơn đề nghị cấp giấy phép mang di vật, cổ vật ra nước ngoài được quy định theo Mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.	
04	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng quốc gia	89	Văn bản quy phạm pháp luật nào quy định việc thực hiện thủ tục này?	Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.	
		90	Thành phần hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng quốc gia được quy định như thế nào?	Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (<i>Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL</i>); (2) Ý kiến thẩm định bằng văn bản của Hội đồng khoa học của bảo tàng (hoặc các hội đồng khác của bảo tàng có liên quan đến hiện vật); (3) Hồ sơ hiện vật, gồm: + Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL</i>);	

				+ Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số; + Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa); + Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật; + Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL.	
		91	Hiện vật của bảo tàng quốc gia để được công nhận là bảo vật quốc gia cần đáp ứng những điều kiện nào?	Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa quy định: Hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia phải có các tiêu chí sau đây: 1. Là hiện vật gốc độc bản; 2. Là hiện vật có hình thức độc đáo; 3. Là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có	

				giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên.	
05	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương	92	Trình tự thực hiện thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương được quy định như thế nào?	Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: 1. Bảo tàng chuyên ngành thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương gửi văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật đến người đứng đầu Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương là đơn vị chủ quản của bảo tàng kèm theo ý kiến thẩm định bằng văn bản của Hội đồng khoa học của bảo tàng (hoặc các hội đồng khác của bảo tàng có liên quan đến hiện vật). 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem	

				xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. 5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.	
		93	Mẫu văn bản và Mẫu Bản thuyết minh về hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia của thủ tục này được quy định như thế nào?	1. Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (<i>Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia</i>). 2. Bản thuyết minh về hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia</i>).	
06	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương	94	Thành phần hồ sơ công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương được quy định như thế nào?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (<i>Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL</i>); (2) Ý kiến thẩm định bằng văn bản của Hội đồng khoa học của bảo tàng (hoặc các hội đồng khác của bảo tàng có liên quan đến hiện vật); (3) Hồ sơ hiện vật, gồm: + Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm</i>	

				theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL); + Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số; + Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa); + Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật; + Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL.	
		95	Thời hạn giải quyết thủ tục này được quy định như thế nào?	* Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp của bảo tàng có trách nhiệm xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến người đứng đầu Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương là đơn vị chủ quản của cơ quan, tổ chức. 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã	

				hội ở trung ương xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. 4 Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. 5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.	
07	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước	96	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản quy định.	
		97	Hồ sơ đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước bao gồm những giấy tờ gì?	Điều 5 Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản xác nhận đồng ý tham gia việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Chủ	

			tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích có bảo vật quốc gia, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia; (2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg</i>); (3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; (4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài; (5) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu bảo vật quốc gia đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.	
		98	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước được quy định như thế nào? Điều 4 Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định: 1. Phải bảo đảm các điều kiện: - Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia; - Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài. 2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa	

				trở lại Việt Nam. 3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm. 4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu. 5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước. 6. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.	
08	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam	99	Trình tự thực hiện thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam được quy định như thế nào?	Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định: * Trình tự thực hiện: 1. Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chủ quản của bảo tàng quốc gia gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định);	

				trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 3. Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự: - Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản; - Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết; - Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định; - Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; - Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam. 4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong	
--	--	--	--	---	--

				thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.	
		100	Công văn đề nghị và Danh mục bảo vật quốc gia đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng quốc gia đưa ra nước ngoài của thủ tục này được quy định như thế nào?	1. Công văn về việc đề nghị đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ</i>). 2. Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ</i>).	
09	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng chuyên ngành ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam	101	Quy định của pháp luật về trình tự thực hiện thủ tục này ra sao?	Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định: * Trình tự thực hiện: 1. Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 3. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương gửi văn	

				bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). 4. Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài, Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài và đưa bảo vật quốc gia trở lại Việt Nam theo trình tự: - Ký kết hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc hợp đồng đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản; - Yêu cầu đối tác nước ngoài hoàn thành việc mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia theo hợp đồng đã được ký kết; - Thực hiện các thủ tục giao nhận, tạm xuất, tái nhập và các thủ tục cần thiết khác để đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo quy định; - Tổ chức đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; - Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản bảo vật quốc gia ở nước ngoài, tổ chức đưa bảo vật quốc gia trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt Nam. 5. Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện ngay sau khi bảo vật quốc gia được đưa trở lại nơi lưu giữ ban đầu ở Việt	
--	--	--	--	--	--

				Nam; nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết với đối tác nước ngoài và tình trạng bảo vật quốc gia trong thời gian ở nước ngoài, tình trạng khi trở lại Việt Nam.	
		102	Hồ sơ đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng chuyên ngành ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam được quy định như nào?	Điều 5 Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị của Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg</i>); (2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg</i>); (3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; (4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài; (5) Bản thuyết minh nội dung trưng bày, giới thiệu bảo vật quốc gia đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm hoặc bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản.	
10	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia	103	Đề đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng cấp	Điều 4 Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định:	

	thuộc bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng ngoài công lập và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam		tỉnh, bảo tàng ngoài công lập và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam cần đáp ứng những điều kiện gì?	1. Phải bảo đảm các điều kiện: - Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia; - Có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài. 2. Phải được xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn, không bị hư hại đối với bảo vật quốc gia trong quá trình vận chuyển ra nước ngoài, lưu giữ tạm thời tại nước ngoài và đưa trở lại Việt Nam. 3. Phải được xác định giá trị bằng tiền của bảo vật quốc gia làm cơ sở cho việc mua bảo hiểm. 4. Được miễn kiểm tra thực tế khi giải quyết thủ tục hải quan tại cửa khẩu. 5. Bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích chỉ được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu, bảo quản hoặc phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước. 6. Bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập và bảo vật quốc gia thuộc sở hữu tư nhân được đưa ra nước ngoài khi có bảo tàng công lập đại diện cho chủ sở hữu trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài. 7. Đối tác nước ngoài tiếp nhận bảo vật quốc gia phải bảo đảm tính hợp pháp, có cơ sở vật chất, năng lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ phù hợp với việc trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.	
		104	Xin hỏi về thời hạn giải quyết thủ tục này trong bao lâu?	* Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có	

				trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do; 2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).	
11	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc	105	Muốn thực hiện thủ tục này thì phải đến đâu nộp hồ sơ? Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	- Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chủ quản di tích gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Địa chỉ: Số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. - Thủ tục này được quy định tại Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.	

	bảo quản				
12	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản	106	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.	
		107	Thành phần hồ sơ thủ tục đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản bao gồm những gì?	Điều 5 Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg</i>); (2) Danh mục bảo vật quốc gia đưa ra nước ngoài (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-TTg</i>); (3) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài; (4) Bản sao có chứng thực và bản dịch tiếng Việt có chứng thực hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm quốc tế từ phía tiếp nhận bảo vật quốc gia khi đưa ra nước ngoài; (5) Bản thuyết minh mục đích và kết quả dự kiến của việc nghiên cứu, bảo quản đối với bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài để nghiên cứu hoặc bảo quản; (6) Văn bản thỏa thuận giữa bảo tàng ngoài công lập hoặc tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu bảo vật quốc gia với bảo tàng công lập là đại diện trong việc hợp tác với đối tác nước ngoài đối với bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng ngoài công lập hoặc	

				sở hữu tư nhân.	
		108	Thời hạn giải quyết thủ tục này được quy định trong bao nhiêu ngày?	* Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời gian 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, thành lập Hội đồng xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho bảo vật quốc gia được đưa ra nước ngoài; xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan, trong đó có ý kiến về việc đưa bảo vật quốc gia đang được lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích ra nước ngoài không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích; hoàn thiện hồ sơ và có ý kiến đồng ý bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. 2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài (kèm 01 bộ hồ sơ theo quy định và ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).	
13	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm là di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh thuộc	109	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm là di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1. Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. 2. Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP 12/04/2012 của Chính phủ. 3. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của	

	thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ.	
		110	Thành phần hồ sơ của thủ tục này được pháp luật quy định như thế nào?	Điều 6 Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (<i>Mẫu đơn ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy ủy quyền; (3) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).	
		111	Thời gian cấp phép thủ tục này được quy định thực hiện trong bao lâu?	* Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Di sản văn hóa cấp phép. 2. Trường hợp cần xin ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan, thời hạn cấp phép có thể kéo dài không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp không cấp giấy phép, phải có văn bản nêu rõ lý do.	
V.	CỤC ĐIỆN ẢNH (Từ câu 112 - 132)				
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	112	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim	Tổ chức có nhu cầu đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Điện ảnh.	

	sản xuất phim		thì phải đến đâu nộp hồ sơ?	Địa chỉ: Số 147 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội.	
		113	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006. 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009. 3. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009. 4. Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 5. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.	
		114	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL</i>); (2) Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; (3) Lý lịch của người được đề nghị làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp sản xuất phim có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.	

				* Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
02	Thủ tục cấp Giấy phép cho tổ chức trong nước hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài	115	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006. 2. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh. 3. Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.	
		116	Thành phần hồ sơ yêu cầu những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL</i>); (2) Kịch bản văn học bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. * Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
03	Thủ tục tổ chức chiếu, giới thiệu phim nước ngoài tại Việt Nam	117	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006. 2. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009. 3. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.	

				4. Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.	
		118	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL</i>) hoặc công hàm (đối với cơ quan đại diện ngoại giao); (2) Bản dịch thuyết minh phim bằng tiếng Việt; (3) Bản phim dự kiến chiếu giới thiệu. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
04	Thủ tục tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài	119	Hồ sơ của thủ tục tổ chức những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL</i>). * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
05	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam	120	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị thể hiện bằng song ngữ Việt - Anh (<i>Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL</i>); (2) Văn bản xác nhận tư cách pháp nhân của cơ sở điện ảnh nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; (3) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được cơ sở điện ảnh nước ngoài tồn tại và hoạt động trong năm tài chính gần nhất;	

				(4) Bản sao Điều lệ hoạt động của cơ sở điện ảnh nước ngoài. * Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
06	Thủ tục cho phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài	121	Tôi muốn thực hiện thủ tục cho phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài thì phải đến đâu?	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Điện ảnh. - Địa chỉ: Số 147 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội.	
		122	Văn bản quy phạm pháp luật nào quy định việc thực hiện thủ tục này?	1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006. 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009 3. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009. 4. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.	
		123	Thành phần hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL</i>); (2) Văn bản chấp thuận cho đặt văn phòng đại diện của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của nước sở tại.	

				* Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
07	Thủ tục cho phép tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề	124	Hồ sơ của thủ tục cho phép tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL</i>); (2) Điều lệ liên hoan phim. * Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
08	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim truyện do cơ sở điện ảnh trong cả nước sản xuất hoặc nhập khẩu (trừ trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép theo khoản 3 Điều 18 Nghị định số 54/2010/NĐ-CP); - Phim tài liệu,	125	TTHC này được quy định tại những văn bản nào?	1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006. 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009. 3. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009. 4. Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim. 5. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh. 5. Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.	

	phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc Trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Phim được sản xuất từ việc hợp tác, cung cấp dịch vụ sản xuất, liên doanh sản xuất với tổ chức, cá nhân nước ngoài)	126	Hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận bản quyền phim. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.	
09	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc Trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu)	127	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim được quy định tại những văn bản nào?	1. Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim. 2. Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim. 3. Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.	
		128	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo</i>	

			trong bao lâu?	<i>Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận bản quyền phim. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.	
10	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh có nội dung là phim	129	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh có nội dung là phim được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. 2. Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ. 3. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.	
		130	Yêu cầu của thành phần hồ sơ như thế nào? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì sau bao nhiêu ngày tôi được cấp giấy phép?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản dịch tóm tắt nội dung phim; (3) Vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có); (4) Giấy ủy quyền của Đài Truyền hình. * Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.	

11	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu - Phim truyện do cơ sở điện ảnh trong cả nước nhập khẩu, trừ trường hợp phim truyện của các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng được các điều kiện về sản xuất và nhập khẩu phim theo quy định. - Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc Trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu	131	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
		132	Đối với thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu, hồ sơ yêu cầu những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đăng ký xét duyệt nội dung tác phẩm (<i>Mẫu 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản sao chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tác phẩm hoặc sản phẩm; (3) Tác phẩm đề nghị xét duyệt nội dung để nhập khẩu; * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Điện ảnh có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, Cục Điện ảnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	

VI.	CỤC MỸ THUẬT NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM (Từ câu 133 - 169)				
01	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	133	Tôi muốn thực hiện thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật thì phải đến đâu?	Tổ chức, cá nhân tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm. Địa chỉ: Số 38 Cao Bá Quát, Ba Đình, Hà Nội.	
		134	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01/12/2013. 2. Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	
		135	Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục này gồm những gì? Thời gian giải quyết được quy định như thế nào?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi; (2) Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thỏa thuận giữa các bên. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) xem xét cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
02	Thủ tục cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật	136	Đối tượng nào được tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật?	Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL quy định: 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật theo quy định của pháp	

			luật, gồm: a) Các Bộ (Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ), ngành trung ương; b) Các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-ngành nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghiệp; c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị trực thuộc; d) Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao; đ) Doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật; e) Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật; g) Cơ quan báo chí; h) Tổ chức, cá nhân trưng bày, mua bán tác phẩm mỹ thuật; i) Các tổ chức, cá nhân khác có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật tại Việt Nam phải phối hợp với cơ quan, tổ chức của Việt Nam có chức năng quy định như trên.	
		137	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật yêu cầu thành phần hồ sơ gồm những gì? Quy định về thời gian thực hiện như thế nào? * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác; (3) Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10x15 cm. Riêng	

				đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch; (4) Đối với triển lãm ngoài trời được tổ chức tại Việt Nam phải có văn bản của chủ địa điểm triển lãm cam kết đảm bảo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ; (5) Đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm, ngoài đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>) và hồ sơ quy định tại các Điểm 2 và 3 thành phần hồ sơ phải kèm theo giấy mời hoặc văn bản thoả thuận của đối tác nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) xem xét cấp giấy phép. trường hợp không cấp giấy phép sẽ trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
03	Thủ tục thoả thuận cấp phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (công trình cấp quốc gia)	138	Tôi muốn đề nghị cấp phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng cấp quốc gia,	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 02 bộ hồ sơ xin ý kiến thoả thuận đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Địa chỉ: Số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	

	gia, công trình về Chủ tịch Hồ Chí Minh; công trình khu di tích đã được Nhà nước xếp hạng)		công trình về chủ tịch Hồ Chí Minh, công trình tượng đài, công trình khu di tích đã được nhà nước xếp hạng thì phải đến đâu?		
		139	Dự án công trình nào phải tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo?	1. Đối với dự án công trình tượng đài, tranh hoành tráng xây dựng trong khu vực bảo vệ di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt, dự án tượng đài, tranh hoành tráng xây dựng ở trung tâm hành chính cấp tỉnh, dự án công trình tượng đài Bác Hồ phải tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. 2. Đối với dự án công trình tượng đài, tranh hoành tráng khác được chỉ định tác giả sáng tác mẫu phác thảo hoặc tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo.	
		140	Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục này gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị; (2) Tóm tắt Đề án. * Thời hạn giải quyết: Trong thời 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời.	
04	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	141	Điều kiện để tổ chức trại sáng tác điêu khắc được quy định như thế nào?	Cơ quan, tổ chức Việt Nam được cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc, phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Có chức năng hoạt động văn hóa nghệ thuật; 2. Có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;	

05	Thủ tục thông			3. Có thể lệ tổ chức trại sáng tác điều khắc.	
		142	Đề án tổ chức trại sáng tác điều khắc gồm những nội dung gì?	* Nội dung đề án bao gồm: 1. Tên đề án, đơn vị tổ chức; 2. Mục đích, ý nghĩa của đề án; 3. Thời gian, địa điểm tổ chức trại; 4. Địa điểm kèm theo bản vẽ thiết kế mặt bằng trưng bày tác phẩm; 5. Kinh phí tổ chức; 6. Quy mô tổ chức trại: số lượng tác giả, tác phẩm; 7. Chất liệu, giải pháp thi công, nhân công thực hiện tác phẩm; 8. Cơ chế quản lý, phương án bảo vệ, bảo quản, tu bổ và khai thác sử dụng tác phẩm; 9. Trách nhiệm và quyền lợi của tác giả.	
		143	Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục này gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>); (2) Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Thẻ lệ. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	
05	Thủ tục thông	144	TTHC này được quy	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	

	báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan		định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	về hoạt động nhiếp ảnh. Có hiệu lực từ ngày 15/8/2016.	
		145	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? Thời gian thực hiện được quy định như thế nào?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản thông báo nêu rõ thông tin của tổ chức, cá nhân tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh, tên gọi, chủ đề, nội dung, thời gian, địa điểm của cuộc thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh; (2) Danh sách tác phẩm bằng tiếng việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả); (3) Ảnh sẽ dự thi, liên hoan có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13x18cm hoặc ghi vào đĩa CD; (4) Thư mời, thể lệ của cuộc thi, liên hoan đã được dịch ra tiếng Việt. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, nếu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) không có văn bản trả lời, tổ chức gửi văn bản thông báo được triển khai thực hiện. Trường hợp có văn bản trả lời không đồng ý thì phải nêu rõ lý do. 2. Trường hợp có thay đổi nội dung ghi trong văn bản thông báo đã gửi thì tổ chức đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan với danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam phải gửi văn bản thông báo lại.	
06	Thủ tục cấp Giấy phép triển	146	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép đối với: Triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh quy mô đại diện cho quốc gia	

	lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam		quyền cấp giấy phép đối với triển lãm nào?	hoặc nhiều quốc gia; triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh có quy mô toàn quốc, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tổ chức tại 02 tỉnh, thành phố trở lên; triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tổ chức đại diện cho quốc gia hoặc có sự phối hợp của nhiều quốc gia.	
		147	Quy định triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam như thế nào?	1. Tác phẩm tham gia triển lãm phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm đã được cấp giấy phép; có nguồn gốc, xuất xứ và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp; 2. Địa điểm tổ chức triển lãm phù hợp tính chất, quy mô của triển lãm.	
		148	Để thực hiện thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam thì thành phần hồ sơ cần những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì sau bao nhiều ngày tôi sẽ được cấp giấy phép?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP</i>): (2) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng); (3) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18cm; (4) Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm; (5) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khóa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác	

				phẩm. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 2. Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh phải làm lại thủ tục xin cấp phép.	
07	Thủ tục cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	149	Việc đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm cần thực hiện theo quy định nào?	Quy định đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm: 1. Tác phẩm tham gia triển lãm có nguồn gốc, xuất xứ và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp; 2. Tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm phải thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 5 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP.	
		150	Thủ tục này quy định thành phần hồ sơ như thế nào? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng); (3) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước	

				nhỏ nhất 13 x 18cm; (4) Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm; (5) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khóa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm. Trường hợp không cấp giấy phép, phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
08	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức tại Việt Nam đưa ra nước ngoài đối với: Triển lãm do các tổ chức ở trung ương đưa ra nước ngoài	151	Tôi muốn thực hiện thủ tục này thì phải đến đâu nộp hồ sơ?	Tổ chức tại Việt Nam có nhu cầu tổ chức triển lãm đưa ra nước ngoài nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến thuộc Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm Địa chỉ: Số 38 Cao Bá Quát, Ba Đình, Hà Nội.	
		152	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? Thời hạn giải quyết được quy định như thế	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác	

	không vì mục đích thương mại; Triển lãm do tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại		nào?	giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (3) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10 x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số; (4) Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm; (5) Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến). * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật,	
--	---	--	-------------	---	--

				Nhiếp ảnh và Triển lãm) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) có văn bản trả lời.	
09	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam không vì mục đích thương mại	153	Thời hạn về tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp giấy phép tổ chức triển lãm được tính như thế nào?	* Quy định về thời hạn tiếp nhận và giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ gửi trực tiếp, tính theo ngày nhận hồ sơ được ghi rõ trong Giấy biên nhận cấp cho người nộp hồ sơ; 2. Trường hợp hồ sơ gửi qua bưu điện, tính theo dấu bưu điện; 3. Trường hợp hồ sơ gửi qua dịch vụ công trực tuyến, tính theo ngày phần mềm tự động gửi thông tin xác nhận.	
		154	Thành phần hồ sơ của thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam không vì mục đích thương mại gồm những gì? thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (3) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10 x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số; (4) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm	

				triển lãm; (5) Hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến); (6) Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành	
--	--	--	--	--	--

				văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) có văn bản trả lời.	
10	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức tại Việt Nam đưa ra nước ngoài đối với: Triển lãm do các tổ chức ở trung ương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại; Triển lãm do tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết đưa ra nước ngoài không vì mục đích	155	Triển lãm đã được cấp phép tổ chức, nhưng có một số thay đổi, vậy cần làm như thế nào?	Trường hợp triển lãm đã được cấp phép tổ chức, nhưng có thay đổi một hoặc nhiều nội dung ghi trong giấy phép thì thực hiện như sau: 1. Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm triển lãm: tổ chức, cá nhân phải gửi Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ghi rõ các thay đổi, kèm theo các giấy tờ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP. Thủ tục gửi Thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP. 2. Trường hợp thay đổi tên của triển lãm, thay thế hoặc bổ sung tác phẩm, hiện vật, tài liệu: tổ chức, cá nhân phải làm thủ tục xin cấp lại giấy phép. Hồ sơ xin cấp lại giấy phép gồm: Giấy phép đã được cấp; đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); danh sách, ảnh chụp tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung, theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP. Thủ tục cấp lại giấy phép thực hiện như cấp phép lần đầu.	
		156	Để thực hiện thủ tục này, hồ sơ cần những	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Giấy phép đã được cấp;	

	thương mại.		gì? thời hạn giải quyết được quy định như thế nào? (2) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (3) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (4) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10 x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành	
--	--------------------	--	---	--

				văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) có văn bản trả lời.	
11	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam không vì mục đích thương mại	157	Thủ tục yêu cầu thành phần hồ sơ gồm những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Giấy phép đã được cấp; (2) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (3) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (4) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10 x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.	
		158	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền cấp giấy phép đối với những triển lãm nào?	1. Triển lãm do các tổ chức ở Trung ương đưa ra nước ngoài; 2. Triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam; 3. Triển lãm do các tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết đưa ra nước ngoài.	
		159	Quy định về thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do tổ chức quốc tế, tổ chức nước	* Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) gửi văn bản yêu cầu tổ chức	

			ngoài tổ chức tại Việt Nam không vì mục đích thương mại?	bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) có văn bản trả lời.	
12	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở trung ương, tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết tổ chức tại Việt Nam không vì	160	Những lý do nào khiến hoạt động triển lãm bị tạm dừng?	1. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai hồ sơ, Thông báo không trung thực hoặc vi phạm quy định tại Điều 8 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP, cơ quan tiếp nhận Thông báo yêu cầu tạm dừng hoạt động triển lãm bằng văn bản (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>). 2. Tổ chức, cá nhân phải dừng hoạt động triển lãm ngay khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền; kịp thời khắc phục hậu quả, đề xuất phương án tiếp tục tổ chức triển lãm gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	

	mục đích thương mại			3. Kết quả xem xét, quyết định của cơ quan có thẩm quyền phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho tổ chức, cá nhân biết để thực hiện. Thời hạn gửi văn bản cho tổ chức, cá nhân là 03 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận được văn bản đề xuất phương án tiếp tục tổ chức triển lãm của tổ chức, cá nhân.	
		161	Triển lãm nào phải gửi Thông báo tổ chức triển lãm?	Các triển lãm phải gửi Thông báo tổ chức triển lãm: 1. Triển lãm do tổ chức ở Trung ương tổ chức tại Việt Nam. 2. Triển lãm do các tổ chức thuộc 02 tỉnh, thành phố trở lên liên kết tổ chức tại Việt Nam. 3. Triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương.	
		162	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: Thông báo tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>). * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo. 2. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) không có	

				ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo.	
13	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh	163	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
		164	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh yêu cầu hồ sơ như thế nào? Thời hạn giải quyết được quy định ra sao?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị của Thương nhân nhập khẩu (<i>Mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung hồ sơ đầy đủ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	

14	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm là tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	165	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. 2. Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP. 3. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 07/2012/TT-BVHTTDL.	
		166	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (<i>Mẫu số 03 (BM.NK) ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy ủy quyền ; (3) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm cấp giấy phép. Trường hợp xin ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan, thời hạn cấp phép có thể kéo dài không quá 10 ngày làm việc.	
15	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào ra khỏi	167	Tôi muốn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày triển lãm văn hóa	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến: - Cục Di sản văn hóa	

	lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật		nghệ thuật thì phải đến đâu nộp hồ sơ?	Địa chỉ: 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hoặc: - Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm Địa chỉ: Số 38 Cao Bá Quát, Ba Đình, Hà Nội.	
		168	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật; trình tự thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ.	
		169	Để thực hiện thủ tục này, thành phần hồ sơ yêu cầu những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì trong thời gian bao nhiêu ngày tôi sẽ được cấp giấy phép?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị cho phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015</i>); (2) Văn bản đề nghị cho phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào hoặc ra khỏi lãnh thổ Việt Nam của cơ quan có thẩm quyền; (3) Giấy giới thiệu của người đến liên hệ; (4) Bản sao quyết định hoặc kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra để luyện tập, thi đấu thể thao, triển lãm, trưng bày, chào hàng, giới thiệu sản phẩm. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Di sản văn hóa/Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển	

				lâm gửi hồ sơ đến Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an để cấp giấy phép.	
VII.	CỤC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ (Từ câu 170 - 197)				
Nhóm thủ tục hành chính về đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan					
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả	170	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả thì phải đến đâu và cách thức nộp như thế nào?	- Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Bản quyền tác giả. - Địa chỉ: Số 33, ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.	
		171	Thành phần hồ sơ đăng ký quyền tác giả gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, gồm: (1) Tờ khai đăng ký quyền tác giả (<i>Mẫu số 01 ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) 02 bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả; (3) Giấy uỷ quyền, nếu người nộp hồ sơ là người được uỷ quyền; (4) Tài liệu chứng minh quyền nộp hồ sơ, nếu người nộp hồ sơ thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa; (5) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả; (6) Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả thuộc sở hữu chung. (Các tài liệu quy định tại các điểm 3, 4, 5 và 6 phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng tiếng nước ngoài thì	

				phải được dịch ra tiếng Việt). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho người nộp hồ sơ. Trong trường hợp từ chối thì Cục Bản quyền tác giả phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ.	
02	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan	172	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005. 2. Luật số 36/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009. 3. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan. 4. Thông tư số 08/2016/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. 5. Thông tư số 211/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến tác giả.	
		173	Thành phần hồ sơ đăng ký quyền liên quan gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đăng ký quyền liên quan gồm: (1) Tờ khai đăng ký quyền liên quan (<i>Mẫu số 02 ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) 02 bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan (cuộc biểu diễn; bản ghi âm, ghi hình; chương trình	

				phát sóng); (3) Giấy uỷ quyền, nếu người nộp hồ sơ là người được uỷ quyền; (4) Tài liệu chứng minh quyền nộp hồ sơ, nếu người nộp hồ sơ thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa; (5) Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền liên quan thuộc sở hữu chung. (Các tài liệu quy định tại các điểm 3, 4 và 5 phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho người nộp hồ sơ. Trong trường hợp từ chối thì Cục Bản quyền tác giả phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ.	
03	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả	174	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp lại trong trường hợp nào và cách thức nộp?	1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp lại trong trường hợp GCNĐKQTG đã cấp bị mất hoặc rách nát. 2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có nhu cầu được cấp lại GCNĐKQTG nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại GCNĐKQTG tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Bản quyền tác giả. Địa chỉ: Số 33, ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.	

		175	Thành phần hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đề nghị cấp lại GCNĐKQTG gồm: (1) Tờ khai đăng ký quyền tác giả (<i>Mẫu số 01 ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) 02 bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả; (3) Giấy uỷ quyền, nếu người nộp hồ sơ là người được uỷ quyền. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho người nộp hồ sơ. Trong trường hợp từ chối cấp lại thì Cục Bản quyền tác giả phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ.	
04	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả	176	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp đổi trong trường hợp nào và cách thức nộp?	1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả được cấp đổi trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả hoặc thay đổi thông tin về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, tên tác phẩm. 2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, có nhu cầu được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp đổi G Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Bản quyền tác giả. Địa chỉ: Số 33, ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.	
		177	Thành phần hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả gồm	* Hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNĐKQTG gồm: (1) Tờ khai đăng ký quyền tác giả (<i>Mẫu số 01 ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL</i>);	

			những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	(2) 02 bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả; (3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi; (4) Nộp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho người nộp hồ sơ. Trong trường hợp từ chối cấp đổi thì Cục Bản quyền tác giả phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ.	
05	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan	178	Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được cấp lại trong trường hợp nào và cách thức nộp?	1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được cấp lại trong trường hợp GCNĐKQLQ đã cấp bị mất hoặc rách nát. 2. Chủ sở hữu quyền liên quan có nhu cầu được cấp lại GCNĐKQLQ nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại GCNĐKQLQ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Bản quyền tác giả. Địa chỉ: Số 33, ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.	
		179	Thành phần hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đề nghị cấp lại GCNĐKQLQ gồm: (1) Tờ khai đăng ký quyền liên quan (<i>Mẫu số 02 ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) 02 bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng	

				nhận đăng ký quyền liên quan cho người nộp hồ sơ.	
06	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan	180	Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được cấp đổi trong trường hợp nào và cách thức nộp?	1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được cấp đổi trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thay đổi thông tin chủ sở hữu quyền liên quan, tên cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng. 2. Chủ sở hữu quyền liên quan có nhu cầu được cấp đổi Giấy Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Bản quyền tác giả. Địa chỉ: Số 33, ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.	
		181	Thành phần hồ sơ của thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNĐKQLQ gồm: (1) Tờ khai đăng ký quyền liên quan (<i>Mẫu số 02 ban hành theo Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) 02 bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan; (3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi; (4) Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho người nộp hồ sơ. Trong trường hợp từ chối cấp đổi thì Cục Bản quyền tác giả phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ.	

07	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan	182	Tôi muốn biết điều kiện thực hiện thủ tục này và cách thức thực hiện?	- Cá nhân, tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan có văn bản đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan hoặc theo Bản án, Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Bản quyền tác giả. - Địa chỉ: Số 33, ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.	
		183	Thành phần hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Bản án, Quyết định có hiệu lực của Tòa án hay Quyết định của cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quy định tại Điều 200 của Luật Sở hữu trí tuệ về việc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan. Hoặc văn bản của cá nhân, tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp cho họ. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các giấy tờ tại thành phần hồ sơ, Cục Bản quyền tác giả có trách nhiệm ra quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.	
		Nhóm thủ tục hành chính về giám định quyền tác giả, quyền liên quan			

08	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	184	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. 2. Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL ngày 13/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan.	
		185	Thành phần hồ sơ của TTHC này gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (<i>Theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản sao kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định hoặc văn bản của Hội đồng kiểm tra chấp nhận được miễn kiểm tra nghiệp vụ giám định; (3) Bản sao Giấy CMND; (4) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4cm. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả ra quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan hoặc văn bản thông báo về việc từ chối cấp Thẻ giám định viên.	
09	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên	186	Thẻ Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan được cấp lại trong trường hợp nào?	Chỉ cấp lại Thẻ giám định viên trong trường hợp Thẻ giám định viên bị mất hoặc hư hỏng. Trường hợp bị mất phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc bị mất. Trường hợp bị hư hỏng phải nộp lại Thẻ	

	quan			giám định viên bị hư hỏng.	
		187	Hồ sơ gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản nêu lý do yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên; (2) Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (<i>Theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL</i>); (3) Bản sao Giấy CMND; (4) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4cm. * Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
		188	Thẻ Giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan bị thu hồi trong trường hợp nào?	* Thẻ giám định viên bị thu hồi đối với một trong các trường hợp sau đây: 1. Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định tại Điều 5 Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; 2. Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật; 3. Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.	
10	Thủ tục cấp bản kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định	189	Tôi muốn đề nghị cấp bản kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định thì phải đến đâu?	- Cá nhân yêu cầu cấp Thẻ Giám định viên mà chưa có bản kết quả đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ giám định nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Bản quyền tác giả.	

				- Địa chỉ: Số 33, ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.	
		190	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. Có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006; 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009. 3. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả và quyền liên quan. 4. Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. 5. Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP. 6. Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL ngày 13/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan. 7. Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. 8. Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018 của	

				Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL.	
		191	Hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan (<i>Mẫu phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL</i>); (2) Sơ yếu lý lịch của người đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan; (3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học học sau đại học; (4) Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác về quá trình thực tế hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành giám định từ 05 (năm) năm liên tục trở lên; (5) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe; (6) 02 ảnh màu cỡ 3 x 4cm. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Bản quyền tác giả thông báo về việc chấp nhận hoặc từ chối hồ sơ.	
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền	192	Để được cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan,	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định (<i>Mẫu Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL</i>);	

	tác giả, quyền liên quan		hồ sơ cần những gì?	(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; (3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức.	
		193	Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, Cục Bản quyền tác giả thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.	
		194	Hiệu lực của Giấy chứng nhận được quy định như thế nào?	Tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL quy định: Giấy chứng nhận tổ chức giám định có hiệu lực kể từ ngày cấp.	
12	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan	195	Giấy chứng nhận tổ chức giám định được cấp lại trong trường hợp nào?	Chỉ cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định.	
		196	Trong trường hợp nào Giấy chứng nhận tổ chức giám định sẽ bị thu hồi?	* Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị thu hồi đối với một trong các trường hợp sau đây: 1. Tổ chức giám định không còn đáp ứng các quy định tại Điều 9 của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; 2. Tổ chức giám định có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định theo quy định của	

				pháp luật; 3. Có chứng cứ khẳng định Giấy chứng nhận tổ chức giám định được cấp trái với quy định của pháp luật; 4. Tổ chức giám định chấm dứt hoạt động giám định.	
		197	Thành phần hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (<i>Mẫu Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức (trong trường hợp có sự thay đổi so với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã được cấp); (3) Trường hợp bị hư hỏng phải nộp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định bị hư hỏng. Trường hợp có sự thay đổi về thông tin phải có giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi đó và nộp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định. * Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
VIII.	CỤC VĂN HÓA CƠ SỞ (Từ câu 198 - 209)				
01	Thủ tục thẩm định sản phẩm quảng cáo	198	Tôi muốn thực hiện thủ tục thẩm định sản phẩm quảng cáo thì phải đến đâu?	Cục Văn hóa cơ sở là cơ quan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao thực hiện việc thẩm định sản phẩm quảng cáo, do đó khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thẩm định sản phẩm quảng cáo thì thực hiện thủ tục tại cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định là Cục Văn hóa cơ sở.	

				Địa chỉ: Số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	
		199	Thủ tục thẩm định sản phẩm quảng cáo được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2013. 2. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. 3. Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 6/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.	
		200	Hồ sơ thẩm định quảng cáo gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị thẩm định sản phẩm quảng cáo (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL</i>); (2) Các giấy tờ chứng minh yêu cầu thẩm định. * Thời hạn giải quyết: Sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định, Cục Văn hóa cơ sở tổ chức thẩm định và gửi văn bản thẩm định cho tổ chức, cá nhân.	
02	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp Trung ương	201	Đối với lễ hội quy mô cấp quốc gia, cấp khu vực, lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài thì trình tự tiếp nhận hồ sơ được thực hiện như thế nào?	Tại Điều 11 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP quy định: 1. Đơn vị tổ chức lễ hội gửi hồ sơ đăng ký đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trực tiếp, qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến) trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày. 2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định nội dung sau: a) Sự đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ;	

			b) Các chương trình, hoạt động trong khuôn khổ lễ hội; c) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; 3. Trường hợp hoạt động lễ hội có nội dung liên quan đến các bộ, ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải có văn bản xin ý kiến, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc chấp thuận tổ chức hoạt động lễ hội. 4. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Chỉ được tổ chức lễ hội sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 5. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, cơ quan tiếp nhận đăng ký phải có văn bản thông báo những nội dung cần bổ sung. Đơn vị tổ chức lễ hội bổ sung hồ sơ và thực hiện lại trình tự đăng ký theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP.	
		202 Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội, gồm: (1) Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời; (2) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; (3) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (4) Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống); (5) Văn bản đồng ý tổ chức lễ hội tại Việt Nam của Đại sứ quán hoặc Lãnh sự hoặc Tổng Lãnh sự quốc gia, vùng lãnh	

				thổ và văn bản đồng ý của Bộ Ngoại giao (đối với lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài). * Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
03	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp Trung ương	203	Trước khi tổ chức, Lễ hội nào phải đăng ký với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch?	Lễ hội phải đăng ký với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi tổ chức gồm: 1. Lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề do cơ quan trung ương tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp quốc gia) được tổ chức lần đầu. 2. Lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có từ 02 tỉnh trở lên tham gia tổ chức (lễ hội cấp khu vực) được tổ chức lần đầu. 3. Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên.	
		204	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội, gồm: Văn bản Thông báo tổ chức lễ hội: Nội dung văn bản thông báo tổ chức lễ hội: tên lễ hội, sự cần thiết tổ chức lễ hội; dự kiến thành phần, số lượng khách mời; Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
04	Thủ tục tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề	205	Các bộ, ngành, địa phương muốn thực hiện TTHC đề nghị	Căn cứ tại khoản 2, Điều 8 của Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ quy định: Các bộ, ngành, địa phương nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi	

	ng nghị công nhận ngày truyền thống của bộ, ngành, địa phương		công nhận ngày truyền thống của mình thì phải gửi hồ sơ đến cơ quan nào?	qua đường bưu điện đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Địa chỉ: Số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	
		206	Hồ sơ đề nghị công nhận ngày truyền thống gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	Theo Điều 6 của Nghị định số 111/2018/NĐ-CP quy định: * Hồ sơ đề nghị bao gồm: (1) Công văn đề nghị công nhận ngày truyền thống; (2) Bản thuyết minh sự cần thiết, tính giáo dục, ý nghĩa của việc công nhận ngày truyền thống; (3) Bản chụp các tài liệu chứng minh sự ra đời hoặc ngày diễn ra sự kiện đáng ghi nhớ. * Thời hạn giải quyết: Theo khoản 2, 3 Điều 8 của Nghị định số 111/2018/NĐ-CP quy định: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ. Khi nhận được văn bản thông báo, cơ quan đề nghị công nhận bổ sung hồ sơ gửi cơ quan thẩm định. 2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ và ra văn bản thẩm định, gửi đến cơ quan đề nghị công nhận. Trong trường hợp cần thiết, khi tiến hành thẩm định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị công nhận giải trình.	
05	Thủ tục thông	207	Tôi là chủ trang thông	Theo quy định tại Điều 13, 14, 15 Nghị định số 181/2013/NĐ	

	báo của chủ trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới		tin điện tử của nước ngoài khi muốn thực hiện quảng cáo tại Việt Nam cần phải thực hiện thủ tục gì?	ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định: Chủ trang thông tin điện tử nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam khi khai thác quảng cáo tại Việt Nam phải: 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý sử dụng internet và thông tin trên mạng. 2. Thông báo bằng văn bản cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước 15 ngày khi thực hiện khai thác quảng cáo.	
		208	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2013. 2. Nghị định số 181/2013/NĐ ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.	
		209	Có quy định về biểu mẫu văn bản thông báo của chủ trang thông tin điện tử xuyên biên giới không?	Việc quy định thông báo đối với hoạt động quảng cáo xuyên biên giới là yêu cầu đối với chủ trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài không đặt máy chủ tại Việt Nam. Do vậy, tại Luật Quảng cáo không quy định biểu mẫu, thay vào đó, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi văn bản thông báo theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với đầy đủ nội dung sau: 1. Tên, địa chỉ của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam được ủy quyền thực hiện dịch vụ quảng cáo. 2. Ngành nghề kinh doanh chính của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam.	
IX.	CỤC HỢP TÁC QUỐC TẾ (Từ câu 210 - 234)				
01	Thủ tục cấp	210	Tôi muốn đề nghị cấp	- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	

	Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam		Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam thì phải đến đâu?	đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Cục Hợp tác quốc tế. - Địa chỉ: Số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	
		211	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.	
		212	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký (<i>Mẫu số 01 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP (01 bộ, bản chính)</i>); (2) Dự kiến cơ cấu tổ chức và bộ máy (01 bộ, bản sao); (3) Dự thảo Quy chế hoạt động; (01 bộ, bản sao); (4) Lý lịch người được dự kiến bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật. Các văn bản trong hồ sơ nêu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt đã được công chứng * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho bên nước ngoài để bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

				cấp Giấy chứng nhận đăng ký.	
02	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	213	Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam hoạt động dựa trên những nguyên tắc nào?	Nguyên tắc hoạt động 1. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam chỉ được hoạt động sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép. Chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam chỉ được hoạt động sau khi có Giấy chứng nhận. Mọi hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam phải phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận. 2. Trong quá trình hoạt động, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phong tục, tập quán, văn hóa của Việt Nam; không được phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sử dụng danh nghĩa, cơ sở vật chất của mình để chống lại nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc làm phương hại đến lợi ích hợp pháp của nước khác. 3. Trong trường hợp hoạt động trong các lĩnh vực khác có liên quan, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam đối với lĩnh vực đó. 4. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam trong quá trình hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đều bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.	
		214	Hồ sơ của thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>);	

			hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam gồm những gì? Thời hạn giải quyết được quy định như thế nào?	(2) Giấy chứng nhận đăng ký (đối với trường hợp bị rách, hỏng); (3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký có công chứng và các tài liệu chứng minh việc thay đổi về tên gọi, địa điểm trụ sở, người đại diện theo pháp luật hoặc nội dung hoạt động khi điều ước quốc tế có điều chỉnh. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ; 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
		215	Trong các trường hợp nào Giấy chứng nhận đăng ký sẽ được cấp lại?	Giấy chứng nhận đăng ký được cấp lại theo một trong các trường hợp sau: 1. Bị rách, hỏng hoặc bị mất; 2. Thay đổi về tên gọi, địa điểm trụ sở, người đại diện theo pháp luật hoặc nội dung hoạt động khi điều ước quốc tế có điều chỉnh.	
03	Thủ tục gia hạn Giấy chứng	216	Thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký	Thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký: 1. Nếu điều ước quốc tế có quy định về thời hạn hiệu lực, thời	

	nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam		được quy định như thế nào?	hạn Giấy chứng nhận đăng ký được căn cứ theo thời hạn hiệu lực của điều ước quốc tế đó và được gia hạn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 126/2018/NĐ-CP. 2. Nếu điều ước quốc tế không quy định về thời hạn hiệu lực, thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký là 05 năm và được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 126/2018/NĐ-CP.	
		217	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam yêu cầu thành phần hồ sơ gồm những gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị gia hạn (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>); (2) Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam kể từ khi có Giấy chứng nhận đăng ký đến thời điểm đề nghị gia hạn. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.	
		218	Quy định về trình tự, cách thức, thẩm quyền và thời hạn giải quyết của thủ tục này như thế nào?	1. Ít nhất 45 ngày làm việc, trước ngày Giấy chứng nhận đăng ký hết thời hạn, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Hợp tác quốc tế); 2. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Hợp tác quốc tế) thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ; 3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	

				theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
04	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	219	Bên nước ngoài phải đáp ứng những điều kiện nào để được phép thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam?	Bên nước ngoài được phép thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: 1. Có tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng; 2. Có dự án thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; 3. Có phương án đảm bảo tài chính cho hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; 4. Có tư cách pháp nhân (đối với tổ chức).	
		220	Thủ tục này yêu cầu hồ sơ gồm những gì? Quy định về thời hạn giải quyết như thế nào?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép (<i>Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>); (2) Bản sao giấy chứng nhận tư cách pháp nhân (đối với tổ chức) hoặc lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (đối với cá nhân) được hợp pháp hóa lãnh sự; (3) Dự kiến cơ cấu tổ chức và bộ máy, dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; (4) Lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) của người dự kiến được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước đặt cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam cấp và được hợp pháp hóa lãnh sự. Nếu người dự kiến được bổ nhiệm đã cư trú tại Việt Nam trên 06 tháng thì cần có	

				lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt đã được công chứng. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho bên nước ngoài để bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP, sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan và được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
05	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	221	Nếu muốn đề nghị cấp lại Giấy phép thì trong trường hợp nào sẽ được cấp lại?	Giấy phép được cấp lại trong các trường hợp sau: 1. Bị rách, hỏng hoặc bị mất. 2. Thay đổi về tên gọi, địa điểm trụ sở, người đại diện theo pháp luật. 3. Bổ sung nội dung hoạt động ghi trong Giấy phép.	
		222	Thời hạn của Giấy phép được quy định như thế nào?	Thời hạn Giấy phép là 05 năm và được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 126/2018/NĐ-CP.	
		223	Trong thành phần hồ sơ yêu cầu những giấy tờ gì? Thủ tục này quy	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>);	

			định về thời hạn giải quyết như thế nào? (2) Giấy phép (đối với trường hợp bị rách, hỏng); (3) Bản sao Giấy phép có công chứng và các tài liệu chứng minh việc thay đổi về tên gọi, địa điểm trụ sở, người đại diện theo pháp luật; bổ sung nội dung hoạt động ghi trong Giấy phép. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ. 2. Trường hợp Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam bị rách, hỏng hoặc bị mất; thay đổi về tên gọi, địa điểm trụ sở, người đại diện theo pháp luật, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép. 3. Đối với trường hợp bổ sung nội dung hoạt động ghi trong Giấy phép, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
06	Thủ tục gia hạn	224	Tôi muốn thực hiện thủ	Ít nhất 45 ngày làm việc, trước ngày Giấy phép hết thời hạn,

	Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam		tục gia hạn Giấy phép này thì cần nộp hồ sơ trước khi giấy phép hết hạn bao nhiêu ngày?	cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy phép nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Hợp tác quốc tế). Địa chỉ: Số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	
		225	Thời hạn và thẩm quyền giải quyết được quy định cụ thể như thế nào nếu thực hiện thủ tục hành chính này?	1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Hợp tác quốc tế) thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy phép. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
		226	Đối với thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có quy định hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị gia hạn (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>); (2) Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài kể từ khi có Giấy phép đến thời điểm đề nghị gia hạn. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu	

				điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy phép. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
07	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	227	Chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được thành lập dựa trên những điều kiện gì?	Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được thành lập chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau: 1. Đã hoạt động tại Việt Nam trong thời gian ít nhất 02 năm; 2. Tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Việt Nam.	
		228	Hồ sơ của thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (<i>Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>); (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; (3) Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép đến thời điểm đề nghị thành lập chi nhánh; (4) Lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) của người dự kiến được bổ nhiệm là người đứng đầu chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước đặt cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt	

				Nam cấp và được hợp pháp hóa lãnh sự. Nếu người dự kiến được bổ nhiệm đã cư trú tại Việt Nam trên 06 tháng thì cần có lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ; 2. Trong thời hạn 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP, sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt chi nhánh và các cơ quan liên quan. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
08	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	229	Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh được cấp lại trong trường hợp nào?	Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh được cấp lại trong các trường hợp sau: 1. Bị rách, hỏng hoặc bị mất. 2. Thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận.	
		230	Thời hạn của Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh quy định như	Thời hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh là 05 năm và được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 126/2018/NĐ-CP và bảo đảm không dài hơn thời hạn hiệu lực của Giấy	

			thế nào?	chứng nhận đăng ký, Giấy phép.	
		231	Hồ sơ thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>); (2) Giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị rách, hỏng); (3) Giấy chứng nhận và các tài liệu chứng minh việc thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ. 2. Đối với trường hợp bị rách, hỏng hoặc bị mất, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP. 3. Đối với trường hợp thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài	

				nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
09	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	232	Hồ sơ thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam gồm những gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị gia hạn (<i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP</i>); (2) Báo cáo kết quả hoạt động của chi nhánh kể từ khi có Giấy chứng nhận đến thời điểm đề nghị gia hạn. Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.	
		233	Trình tự, cách thức, thời hạn, và thẩm quyền giải quyết thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận được quy định bao nhiêu ngày?	1. Ít nhất 45 ngày làm việc trước ngày Giấy chứng nhận hết thời hạn, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ. 3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy chứng nhận. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
		234	Người đại diện theo pháp luật, người quản	1. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban	

			lý, nhân viên cơ sở văn hóa nước ngoài có trách nhiệm ra sao?	nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở về người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên cũng như thời gian bắt đầu và kết thúc làm việc của người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên. 2. Người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam, bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con của người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên có trách nhiệm tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam trong thời gian sinh sống, làm việc tại Việt Nam.	
X.	VỤ KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH (Từ câu 235 - 243)				
01	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu (cấp trung ương và địa phương)	235	Những mặt hàng nhập khẩu nào thuộc danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật nào?	Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, những mặt hàng nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gồm: 1. Tác phẩm điện ảnh, tác phẩm nghệ thuật biểu diễn và sản phẩm nghe nhìn khác, được ghi trên mọi chất liệu. 2. Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh. 3. Máy, thiết bị trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trò chơi điện tử; máy, thiết bị trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trò chơi điện tử có thưởng và bàn thiết bị trò chơi chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc/casino.	
		236	Đồ chơi trẻ em khi	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ	

	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng dành cho người nước ngoài và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc		nhập khẩu có phải xin ý kiến cơ quan văn hóa không? Thủ tục hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu của cơ quan văn hóa đối với mặt hàng đồ chơi trẻ em được thực hiện như thế nào?	quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Điều 9 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: - Mặt hàng đồ chơi trẻ em cơ quan văn hóa không cấp phép nhập khẩu, thủ tục hồ sơ nhập khẩu doanh nghiệp trực tiếp thực hiện tại cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật liên quan. - Đồ chơi trẻ em khi nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ trong trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ mặt hàng đồ chơi trẻ em do doanh nghiệp nhập khẩu có khả năng vi phạm khoản 3 Điều 9 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL thì cơ quan hải quan lấy ý kiến giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan.	
		237	Danh mục hàng hóa là đồ chơi trẻ em xác định theo mã số hàng hóa nhập khẩu (mã HS) được quy định ở văn bản pháp luật nào?	Danh mục hàng hóa là đồ chơi trẻ em xác định theo mã số hàng hóa nhập khẩu (mã HS) được quy định tại: - Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 24/2018/TT-BVHTTDL ngày 23/8/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	

		238	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn nhập khẩu có nội dung vui chơi giải trí, trò chơi điện tử (trừ trò chơi điện tử trực tuyến và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài) được quy định tại văn bản pháp luật nào?	Sản phẩm nghe nhìn nhập khẩu có nội dung vui chơi giải trí, trò chơi điện tử (trừ trò chơi điện tử trực tuyến và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài) được quy định tại: - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
		239	Danh mục hàng hóa là sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu xác định theo mã số hàng hóa nhập khẩu (mã HS) được quy định ở văn bản pháp luật nào?	Danh mục hàng hóa là sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu xác định theo mã số hàng hóa nhập khẩu (mã HS) được quy định tại: - Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 24/2018/TT-BVHTTDL ngày 23/8/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	
		240	Mặt hàng là phần mềm hệ thống không có nội	Mặt hàng phần mềm hệ thống nêu trên nếu không chứa, ghi nội dung, hình ảnh, âm thanh vui chơi giải trí, các loại hình	

			dung về văn hóa (ví dụ: chương trình hệ điều hành máy tính hoặc là chương trình điều khiển phần cứng, thiết bị, máy móc; phần mềm ứng dụng văn phòng, kế toán, kiến trúc hoặc các chương trình xử lý dữ liệu nói chung) có thuộc đối tượng quản lý, cấp phép nhập khẩu của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch không?	trò chơi điện tử, điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, ca múa nhạc, sân khấu, mỹ thuật, nhiếp ảnh và các nội dung văn hóa khác thì không thuộc đối tượng quản lý, cấp phép nhập khẩu của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL.	
--	--	--	--	--	--

		241	Thủ tục nhập khẩu thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc/casino được quy định tại văn bản pháp luật nào?	Thủ tục nhập khẩu thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc/casino được quy định tại: - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Điều 10 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
		242	Danh mục hàng hóa là máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng dành cho người nước ngoài và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc/casino xác định theo mã số hàng hóa nhập khẩu (mã HS) được quy định ở văn bản pháp luật nào?	Danh mục hàng hóa là máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng dành cho người nước ngoài và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc/casino xác định theo mã số hàng hóa nhập khẩu (mã HS) được quy định tại: 1. Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính; 2. Thông tư số 24/2018/TT-BVHTTDL ngày 23/8/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	
		243	Thời gian giải quyết thủ tục nhập khẩu sản phẩm nghe nhìn có nội	Theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TTBVHTTDL quy định: 1. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận	

			dung vui chơi giải trí quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2014/TTBVHTTDL trong bao lâu?	được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của thương nhân và nêu rõ lý do.	
XI.	VỤ THI ĐUA KHEN THƯỞNG (Từ câu 244 - 264)				
01	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	244	Tiêu chuẩn và thời gian xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được quy định như thế nào?	Tại Điều 8 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP quy định: Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP khi đạt các tiêu chuẩn sau đây: 1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương; 2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống, tận tụy với nghề; có tài năng nghệ thuật xuất sắc, tiêu biểu cho ngành, nghề nghệ thuật; có uy tín nghề nghiệp; được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ; 3. Có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp từ 20 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật Xiếc, Múa thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp từ 15 năm trở lên; 4. Đã được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và có ít nhất 02 giải Vàng quốc gia sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu	

			tú”. Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP. * Thời gian xét tặng: 03 năm một lần.	
		245	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào? 1. Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”. 2. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
		246	Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” gồm những loại giấy tờ gì? * Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” gồm: (1) Bản kê khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (<i>Mẫu số 1a tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP</i>); (2) Các quyết định tặng giải thưởng quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện); (3) Bản xác nhận của cơ quan tổ chức cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp về sự tham gia của cá nhân	

				trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP (nếu có); (4) Bản sao các Quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).	
02	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	247	Tiêu chuẩn và thời gian xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được quy định như thế nào?	Tại Điều 9 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định: Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP khi đạt các tiêu chuẩn sau đây: 1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương; 2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống, tận tụy với nghề; có tài năng nghệ thuật xuất sắc; có uy tín nghề nghiệp; được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ; 3. Có thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp từ 15 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật Xiếc, Múa thời gian hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp từ 10 năm trở lên; 4. Có ít nhất 02 Giải Vàng quốc gia hoặc 01 Giải Vàng quốc gia và 02 Giải Bạc quốc gia. Các giải Vàng trong nước hoặc quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể được quy đổi để tính thành tích cho cá nhân theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP.	

			Tỷ lệ quy đổi các giải Bạc trong nước và quốc tế khác của cá nhân hoặc tập thể sang giải Bạc quốc gia được tính như tỷ lệ quy đổi của giải Vàng. * Thời gian xét tặng: 03 năm một lần.	
	248	Quy định về số lượng hồ sơ đối với cá nhân hoạt động nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật cơ sở và cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do?	1. Cá nhân hoạt động nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật cơ sở gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến đơn vị nghệ thuật cơ sở nơi cá nhân đó công tác theo thời gian quy định trong Kế hoạch. 2. Cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi cá nhân đó đăng ký hộ khẩu thường trú theo thời gian quy định trong Kế hoạch.	
	249	Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” gồm những loại giấy tờ gì?	* Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” gồm: (1) Bản kê khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (<i>Mẫu số 1b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 89/2014/NĐ-CP</i>); (2) Các quyết định tặng giải thưởng quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện); (3) Bản xác nhận của cơ quan tổ chức cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp về sự tham gia của cá nhân	

				trong các tác phẩm đạt giải Vàng hoặc Bạc dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP của Chính phủ (nếu có); (4) Bản sao các Quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).	
03	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”	250	Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” gồm những gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP</i>); (2) Các tài liệu, băng, đĩa hình, ảnh mô tả, chứng minh tri thức, kỹ năng đang nắm giữ; (3) Giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng, bằng khen liên quan tới đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).	
		251	Văn bản quy phạm pháp luật nào quy định việc thực hiện thủ tục này?	1. Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể. 2. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng	

				quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
		252	Theo quy định của pháp luật, “Nghệ nhân nhân dân” có quyền và nghĩa vụ như thế nào?	Tại Điều 3 Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định Nghệ nhân nhân dân có các quyền và nghĩa vụ sau đây: 1. Được nhận Huy hiệu, Giấy chứng nhận của Chủ tịch nước và tiền thưởng kèm theo danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; 2. Đối với nghệ nhân nhân dân có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp sinh hoạt hằng tháng theo quy định của Chính phủ; 3. Không ngừng hoàn thiện tri thức và kỹ năng; 4. Tích cực truyền dạy, phổ biến tri thức và kỹ năng; 5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về di sản văn hóa.	
04	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”	253	Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được quy định như thế nào?	* Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” gồm: (1) Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” (<i>Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 62/2014/NĐ-CP</i>); (2) Các tài liệu, băng, đĩa hình, ảnh mô tả, chứng minh tri thức, kỹ năng đang nắm giữ; (3) Giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng, bằng khen liên quan tới đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng	

				thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).	
		254	Cho tôi hỏi về cách thức nộp hồ sơ của thủ tục này?	Cá nhân đề nghị xét tặng tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân, tổ chức khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang cư trú	
		255	Đối tượng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được quy định như thế nào và gồm những tiêu chuẩn gì?	* Đối tượng xét tặng: 1. Công dân Việt Nam đang nắm giữ, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thuộc các loại hình: Tiếng nói, chữ viết; Ngữ văn dân gian; Nghệ thuật trình diễn dân gian; Tập quán xã hội và tín ngưỡng; Lễ hội truyền thống; Tri thức dân gian. 2. Tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”. * Tiêu chuẩn xét tặng: 1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương. 2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng; đào tạo được cá nhân đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. 3. Có tài năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, có cống hiến to lớn, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của địa phương, thể hiện ở việc nắm giữ	

				kỹ năng, bí quyết thực hành di sản văn hóa phi vật thể, có thành tích, giải thưởng, sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật. 4. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên.	
05	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học nghệ thuật	256	Để được xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật cần những điều kiện gì?	* Điều kiện xét tặng: 1. Tác giả có tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật được xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” phải trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt pháp luật Việt Nam. 2. Tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Đã được công bố, sử dụng dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát và các hình thức khác kể từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) mừng 2 tháng 9 năm 1945. Thời gian công bố tối thiểu là 05 năm đối với “Giải thưởng Hồ Chí Minh” tính đến thời điểm nộp hồ sơ tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật hoặc Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương; b) Không có tranh chấp về quyền tác giả kể từ thời điểm được công bố.	
		257	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy	1. Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng	

			phạm pháp luật nào?	Nhà nước” về văn học, nghệ thuật. 2. Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ. 3. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	
		258	Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật gồm những gì?	* Hồ sơ đề nghị xét tặng, gồm: (1) Bản đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật (<i>Mẫu số 1a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2014/NĐ-CP</i>); (2) Bản sao, ảnh chụp tác phẩm, công trình đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được in trên khổ giấy A4, kèm theo các thông tin cơ bản về năm, tháng được công bố; tóm tắt nội dung tác phẩm; (3) Quyết định tặng thưởng hoặc Giấy chứng nhận Giải thưởng đối với những tác phẩm, công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện);	

				(4) Đối với tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật của tác giả là người nước ngoài mà hồ sơ sử dụng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực; (5) Các tài liệu khác liên quan đến tác phẩm, công trình (nếu có).	
06	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật	259	Tiêu chuẩn để xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật gồm những gì?	Tác giả được xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” phải có tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây: 1. Đối với những tác phẩm, công trình được công bố, sử dụng từ năm 1993 trở về trước: a) Có tác dụng tốt trong giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần đáng kể vào việc thay đổi nhận thức của nhân dân trong sự nghiệp phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; b) Có giá trị xuất sắc về văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. 2. Đối với những tác phẩm, công trình được công bố, sử dụng sau năm 1993: a) Có tác dụng tốt trong giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần đáng kể vào việc thay đổi nhận thức của nhân dân trong sự nghiệp phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; b) Có giá trị xuất sắc về văn học, nghệ thuật, về nội dung tư	

				tưởng và hình thức nghệ thuật: Đã được tặng Giải Nhất, Nhì, Ba (Giải A, B, C hoặc Giải Vàng, Bạc, Đồng) tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hoặc được tặng Giải Nhất, Nhì, Ba (Giải A, B, C hoặc Giải Vàng, Bạc, Đồng) của Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương thuộc lĩnh vực chuyên ngành hoặc được tặng giải thưởng chính tại các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật quốc tế có uy tín.”.	
		260	Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật gồm những gì?	* Hồ sơ đề nghị xét tặng, gồm: (1) Bản đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật <i>(Mẫu số 1b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2014/NĐ-CP)</i>; (2) Bản sao, ảnh chụp tác phẩm, công trình đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” được in trên khổ giấy A4, kèm theo các thông tin cơ bản về năm, tháng được công bố; tóm tắt nội dung tác phẩm; (3) Quyết định tặng thưởng hoặc Giấy chứng nhận Giải thưởng đối với những tác phẩm, công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 133/2018/NĐ-CP: Nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện); (4) Đối với tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật của tác	

				giả là người nước ngoài mà hồ sơ sử dụng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực; (5) Các tài liệu khác liên quan đến tác phẩm, công trình (nếu có).	
		261	Tôi muốn nộp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Giải thưởng Nhà nước” thì thực hiện như thế nào?	- Tác giả đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” theo chuyên ngành gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao hoặc Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương trong trường hợp tác giả là hội viên theo thời gian quy định trong Kế hoạch. - Trường hợp tác giả đã mất thì người đại diện hợp pháp của tác giả hoặc Ban Chấp hành Hội Văn học, nghệ thuật nơi tác giả là hội viên, sau khi thống nhất với người đại diện hợp pháp của tác giả, đăng ký tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật đề nghị xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” theo quy định.	
07	Thủ tục xét tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”	262	Tôi muốn tìm hiểu về đối tượng được xét tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”?	Tại Điều 2 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương, cụ thể: 1. Cá nhân đã, đang công tác trong Ngành văn hóa, thể thao và du lịch (sau đây gọi tắt là Ngành). 2. Cá nhân công tác ngoài Ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển Ngành. 3. Người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển Ngành.	

		263	Để được xét tặng Kỷ niệm chương, người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài cần đạt tiêu chuẩn gì?	Theo Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01/10/2014, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây sẽ được xét tặng Kỷ niệm chương: 1. Có công đóng góp xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa ngành với các nước và các tổ chức quốc tế, các đơn vị thuộc Bộ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 2. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng quyết định.	
		264	Những trường hợp nào sẽ được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn so với quy định?	Căn cứ Điều 8 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01/10/2014, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì những trường hợp được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn so với quy định là: 1. Diễn viên Múa, diễn viên Xiếc, vận động viên có thời gian công tác ít hơn 05 năm so với thời gian công tác quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL. 2. Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, các tác giả, nhóm tác giả có tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình, cụm công trình được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương ngay sau khi có quyết định khen thưởng các danh hiệu này.	

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

Phụ lục II
BỘ CÂU HỎI/TRẢ LỜI VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP TRONG QUÁ TRÌNH
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP ĐỊA PHƯƠNG CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày /6/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	STT	Câu hỏi	Câu trả lời	Ghi chú
I.	TỔNG CỤC DU LỊCH (Từ câu 01 - 30)				
Lĩnh vực Lữ hành					
01	Các câu hỏi/trả lời chung ở cấp địa phương trong lĩnh vực Lữ hành	01	Bằng cấp của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì có được chấp nhận không?	Theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số Điều của Luật Du lịch: Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
		02	Người phụ trách kinh doanh dịch vụ	Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết	

			lữ hành phải giữ những chức danh gì trong doanh nghiệp?	một số Điều của Luật Du lịch: Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: Chủ tịch hội đồng quản trị; Chủ tịch hội đồng thành viên; Chủ tịch công ty; Chủ doanh nghiệp tư nhân; Tổng giám đốc; Giám đốc hoặc Phó giám đốc; Trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.	
		03	Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của công ty không có bằng cấp phù hợp với quy định thì phải xử lý như thế nào?	Tại điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 quy định: Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế.	
02	Thủ tục công nhận điểm du lịch	04	Điều kiện công nhận điểm du lịch được quy định như thế nào?	Điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định: * Điều kiện công nhận điểm du lịch: 1. Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực. 2. Có kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch, bao gồm: a) Có kết nối giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi; b) Có điện, nước sạch; c) Có biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch;	

			d) Có dịch vụ ăn uống, mua sắm. 3. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm: a) Có bộ phận bảo vệ trực 24 giờ mỗi ngày; b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch; c) Có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch; d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm; đ) Có biện pháp thu gom và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường; e) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.	
	05	Hồ sơ đề nghị công nhận điểm du lịch bao gồm những giấy tờ gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch (<i>Mẫu số 1 tại phụ lục số II, Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận điểm du lịch tại Điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP.	
	06	Thủ tục này được thực hiện căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật	1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội khóa 14. 2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của	

			nào?	Luật Du lịch. 3. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.	
		07	Trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề nghị công nhận điểm du lịch được quy định như thế nào?	Tại khoản 2 Điều 24 Luật Du lịch quy định: 1. Tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý điểm du lịch nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về du lịch (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh) nơi có điểm du lịch; 2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		08	Trong trường hợp nào, điểm du lịch bị thu hồi quyết định công nhận điểm du lịch? Cơ quan nào có thẩm quyền thu hồi quyết định này?	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi quyết định công nhận điểm du lịch trong trường hợp điểm du lịch không còn bảo đảm điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP.	
		09	Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ gì khi quản lý điểm du lịch?	Điều 25 Luật Du lịch quy định: 1. Tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch có quyền sau đây: a) Đầu tư, khai thác, bảo vệ tài nguyên du lịch;	

				b) Ban hành nội quy; tổ chức kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch; c) Tổ chức dịch vụ hướng dẫn; quy định, quản lý việc sử dụng hướng dẫn viên du lịch trong phạm vi quản lý; d) Được thu phí theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch có nghĩa vụ sau đây: a) Bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này; b) Tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan; c) Quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trong phạm vi quản lý; d) Bảo đảm an toàn cho khách du lịch, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường tại điểm du lịch; đ) Tổ chức tiếp nhận và giải quyết kịp thời kiến nghị của khách du lịch trong phạm vi quản lý.	
03	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	10	Điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh được quy định như thế nào?	Điều 12 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định: 1. Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực. 2. Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm: a) Có hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch; b) Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi	

			năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm; c) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan; d) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch. 3. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm: a) Có bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn; b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý khu du lịch; c) Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch; d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm; đ) Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý rác thải; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hoặc hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường; e) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.	
		11	Hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh bao gồm những giấy tờ Tại khoản 1 Điều 27 Luật Du lịch và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: * Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (<i>Mẫu số 2 tại phụ</i>	

			gì?	<i>lục số II, Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh tại khoản 1 Điều 26 Luật Du lịch.	
		12	Cơ quan nào có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh?	Tại khoản 2 Điều 27 Luật Du lịch quy định: Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) nơi có khu du lịch là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	
		13	Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh được quy định như thế nào?	Tại khoản 2 Điều 27 Luật Du lịch quy định: 1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		14	Trong trường hợp nào, khu du lịch bị thu hồi quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh?	Tại khoản 4 Điều 27 Luật Du lịch quy định: Khi khu du lịch không còn đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Du lịch sẽ bị thu hồi quyết định công nhận khu du lịch.	
		15	Thẩm quyền quyết định công nhận và thu hồi quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh?	Tại khoản 4 Điều 27 Luật Du lịch quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan quyết định và thu hồi quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	

		16	Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì cơ quan nào có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh và cơ quan nào có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh?	Tại khoản 3 Điều 27 Luật Du lịch quy định: Đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên: 1. Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh và thành lập hội đồng thẩm định, quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	
04	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	17	Thời gian thực hiện thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế trong bao lâu?	Điểm b khoản 2 Điều 60 Luật Du lịch quy định: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		18	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/nội địa thì phải đến đâu?	Điểm a khoản 2 Điều 60 Luật Du lịch quy định: Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về du lịch (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố.	

		19	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội khóa 14. 2. Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. 3. Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.	
		20	Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch bao gồm những gì?	Khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch; Điều 13 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL quy định: * Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch (<i>Mẫu số 11 Phụ lục II, Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</i>); (2) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; (3) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; (4) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ: Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;	

			(5) Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ: Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: - Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ; - Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài; - Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài; - Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc B2 trở lên Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu, còn thời hạn hoặc được cấp trong vòng 05 năm đối với chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận ngoại ngữ không quy định thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017. Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (6) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm.	
	21	Tôi cần nộp mấy bộ hồ sơ khi làm thủ tục cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch?	Điểm a khoản 2 Điều 60, điểm a khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 3 Điều 63 Luật Du lịch quy định: Để thực hiện thủ tục cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch, bạn cần nộp 01 bộ hồ sơ đầy đủ theo quy định đến cơ quan chuyên môn về du lịch (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố.	
	22	Tôi muốn tìm hiểu về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ	1. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm bao gồm:	

		tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm?	a) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch (<i>Mẫu số 11 Phụ lục II, Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</i>); b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; d) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm. 2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm được quy định như sau: a) Cơ quan chuyên môn về du lịch (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố định kỳ hằng năm công bố kế hoạch tổ chức kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm; b) Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về du lịch (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố; c) Cơ quan chuyên môn về du lịch (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố tổ chức kiểm tra và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm đối với người đã đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.	
	23	Lệ phí cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế và nội địa là bao nhiêu?	Khoản 5 Điều 58 Luật Du lịch; Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch (bao gồm: cấp mới, cấp đổi, cấp lại): Đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và nội địa: 650.000 đồng/thẻ.	

		24	Yêu cầu về điều kiện thực hiện thủ tục đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa như thế nào?	Khoản 1 Điều 59 Luật Du lịch quy định: * Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; (3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy; (4) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa.	
Lĩnh vực Khách sạn					
01		25	Tôi muốn đề nghị thẩm định cơ sở lưu trú du lịch hạng 01 sao, hạng 02 sao và hạng 03 sao thì phải liên hệ với đơn vị nào?	Theo khoản 3 Điều 50 Luật Du lịch quy định: Thẩm quyền thẩm định, công nhận xếp hạng sao khách sạn: Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh (Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố thẩm định cơ sở lưu trú du lịch hạng 01 sao, hạng 02 sao và hạng 03 sao.	
		26	Hồ sơ xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch bao gồm những gì?	Theo khoản 4 Điều 50 Luật Du lịch quy định: * Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch (<i>Mẫu số 07 Phụ lục II, Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</i>); (2) Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch; (3) Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch; (4) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận	

				bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.	
		27	Sau khi nộp hồ sơ thì khi nào khách sạn tôi được thẩm định xếp hạng?	Theo Điều 50 Luật Du lịch quy định: 1. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung. 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố chủ trì, phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch thẩm định và ra quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		28	Yêu cầu kinh nghiệm người quản lý khách sạn 3 sao, 4 sao, 5 sao như thế nào?	1. Người quản lý khách sạn 3 sao cần có kinh nghiệm làm việc 2 năm ở khách sạn 3 sao. 2. Người quản lý khách sạn 4 sao cần có kinh nghiệm làm việc 2 năm ở khách sạn 4 sao. 3. Người quản lý khách sạn 5 sao cần có kinh nghiệm làm việc 3 năm ở khách sạn 5 sao.	
		29	Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch có thời hạn bao nhiêu năm?	Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch có thời hạn 05 năm.	

		30	Sau khi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch hết hạn, tôi muốn được cấp lại quyết định thì làm thủ tục như thế nào?	Sau khi hết thời hạn, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch có nhu cầu đăng ký xếp hạng lại cơ sở lưu trú du lịch thực hiện các bước sau: 1. Nộp 01 bộ hồ sơ như hồ sơ đề nghị công nhận mới đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố sẽ thông báo bằng văn bản và nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tỉnh/thành phố chủ trì, phối hợp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch thẩm định và ra quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; trường hợp không công nhận, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. 2. Nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	
II.	TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO (Từ câu 31 - 104)				
01	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn	31	Tôi muốn thực hiện thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn	* Trình tự thực hiện: 1. Tổ chức đề nghị đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do Liên đoàn thể thao quốc gia hoặc Liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức nộp hồ sơ đăng cai tổ chức giải cho Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục là Chủ tịch liên đoàn thể thao quốc gia hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng cai tổ chức giải	

02	thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức		thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức, vậy trình tự và cách thức thực hiện như thế nào?	trong trường hợp chưa có liên đoàn thể thao quốc gia. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức theo đề nghị của Chủ tịch liên đoàn thể thao quốc gia hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng cai tổ chức giải trong trường hợp chưa có liên đoàn thể thao quốc gia. * Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.	
		32	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức; (2) Điều lệ giải thể thao; (3) Chương trình thi đấu. - Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ. * Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực	33	Tôi muốn tìm hiểu trình tự và cách thức thực hiện của thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn	* Trình tự thực hiện: 1. Tổ chức đề nghị đăng cai giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nộp hồ sơ đăng cai tổ chức giải cho cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục là Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.	

	thuộc trung ương		thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương?	2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. * Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.	
		34	Thành phần hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức; (2) Điều lệ giải thể thao; (3) Chương trình thi đấu. - Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ. * Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
03	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ	35	Tôi muốn làm thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thì phải đến đâu và	* Trình tự thực hiện: 1. Tổ chức đề nghị đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức nộp hồ sơ đăng cai tổ chức giải cho Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục là Chủ tịch liên đoàn thể thao tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương tổ chức theo đề nghị của Chủ	

	chức		trình tự, cách thức thực hiện như thế nào?	tịch liên đoàn thể thao tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. * Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.	
		36	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức; (2) Điều lệ giải thể thao; (3) Chương trình thi đấu. - Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ. * Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	37	Tôi muốn hỏi về trình tự và cách thức thực hiện của thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp?	* Trình tự thực hiện: 1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp đến cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, gồm: + Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao chuyên nghiệp. + Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp.	

			+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp. và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. * Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.	
	38	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018. 3. Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. 4. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.	
	39	Theo quy định thì yêu cầu thành phần hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (3) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>), gồm: + Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao chuyên nghiệp. + Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp. + Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp.	

				- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
05	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	40	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao thì phải đến đâu và trình tự như thế nào?	* Trình tự thực hiện: 1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đăng ký địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao hoặc nơi doanh nghiệp có trụ sở chính trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao. 2. Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) cấp cho doanh nghiệp giấy tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. * Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.	
		41	Hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì sau bao nhiêu ngày tôi sẽ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của	

			doanh hoạt động thể thao?	nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
06	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	42	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận thì trình tự và cách thức thực hiện như thế nào?	* Trình tự thực hiện: 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện khi thay đổi một trong các nội dung giấy chứng nhận sau đây: - Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; - Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; - Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh; - Số, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện. 2. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đăng ký địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao hoặc nơi doanh nghiệp có trụ sở chính trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao. 3. Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp cho doanh nghiệp giấy tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. 4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thẩm định	

				hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. * Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.	
		43	Hồ sơ gồm những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì sau bao nhiêu ngày tôi được cấp lại Giấy chứng nhận?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; (3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện. - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	
07	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	44	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng thì phải đến đâu và trình tự, cách thức như thế nào?	* Trình tự thực hiện: 1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đăng ký địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao hoặc nơi doanh nghiệp có trụ sở chính trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao. 2. Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp cho doanh nghiệp giấy tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.	

				3. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. * Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.	
		45	Thành phần hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; (3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện. - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	
08	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	46	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất</i> a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt. b) Khoảng cách từ sàn tập đến trần nhà không thấp hơn 2,7m. c) Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên. d) Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. đ) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp	

			bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác. e) Việc tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga ở ngoài trời phải tuân thủ quy định tại các điểm a, c, d, đ mục này. <i>(2) Trang thiết bị</i> a) Trang thiết bị tập luyện: - Đảm bảo mỗi người tập có 01 thảm tập cá nhân hoặc thảm lớn trên sàn; - Đối với động tác Yoga bay (Yoga fly): Văng lùa (dây) chịu được ít nhất 300 kg trọng lực, được lắp đặt trên một hệ thống treo có khả năng đảm bảo an toàn cho người tập luyện. Chiều dài của dây có thể điều chỉnh để vừa với tư thế người tập; - Các dụng cụ hỗ trợ tập luyện môn Yoga phải đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập. b) Trang thiết bị thi đấu: - Đảm bảo mỗi người có 01 thảm cá nhân hoặc thảm lớn trên sàn; - Có thiết bị liên lạc cho các thành viên tổ chức và điều hành giải; - Đồng hồ bấm giờ, bảng báo giờ, bảng điểm, loa, vạch giới hạn sân thi đấu. <i>(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm tối thiểu 2,5m²/01 người. b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 người trong một giờ học. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.	
--	--	--	--	--

				Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động	
--	--	--	--	---	--

			thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		47	Thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết được quy định như thế nào? * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của	

				nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
09	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	48	Để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf thì cần yêu cầu, điều kiện gì?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: <i>(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Đối với sân tập Golf ngoài trời: - Sân Golf được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và nội dung thi đấu phù hợp với tính chất và quy mô của giải đấu; được Hiệp hội Golf Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh dấu và xác nhận độ khó của sân theo luật thi đấu môn Golf. - Tại những khu vực giáp đường giao thông, khu dân sinh phải có hàng rào ngăn cách ở khu vực giới hạn của sân Golf cao ít nhất 20m, cao dần đều đến ít nhất là 40m kể từ khu vực phát bóng đến điểm cách điểm phát bóng 150m. - Có khu vực thay đồ, nhà vệ sinh. - Có lưới bảo vệ cao ít nhất là 20m ở hai bên và phía trước đường tập (lane); - Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm phát bóng của đường tập không nhỏ hơn 2,5m; - Trường hợp sân tập Golf có kích thước chiều dài nhỏ hơn 200m thì phải có lưới bảo vệ ở trên nóc đường tập; - Trường hợp sân tập Golf trên hồ phải có phao ngăn cách giữa khu vực tập luyện và khu vực bên ngoài, biển cảnh báo. b) Đối với sân tập Golf trong nhà:	

				- Có kích thước chiều dài ít nhất là 6m, chiều rộng ít nhất là 5m và chiều cao ít nhất là 3,5m; - Ở hai bên, phía trước và nóc của đường tập có vật liệu giảm chấn như lưới, mút để đảm bảo khi bóng đánh vào đạt độ nảy không quá 1,5m; - Trường hợp phòng tập có nhiều đường tập: - Khoảng cách giữa các điểm phát bóng không nhỏ hơn 2,5m; - Có lưới ngăn cách giữa các đường tập cao đến trần của sân tập Golf trong nhà. c) Trang thiết bị dùng để tập luyện phải đảm bảo quy định của Hiệp hội Golf quốc tế. d) Nội quy sân tập Golf bao gồm những nội dung chủ yếu sau: đối tượng được phép tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện Golf, giờ luyện tập, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện và các quy định khác. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Sân Golf được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và nội dung thi đấu phù hợp với tính chất và quy mô của giải đấu; được Hiệp hội Golf Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh dấu và xác nhận độ khó của sân theo luật thi đấu môn Golf. b) Có bản đồ mô tả một số vị trí chính: khu vực phát bóng, vị trí từng hố golf, vị trí tạo độ khó của sân và vị trí địa điểm nghỉ sau vòng đấu. c) Tại những khu vực giáp đường giao thông, khu dân sinh phải có hàng rào ngăn cách ở khu vực giới hạn của sân Golf cao ít nhất 20m, cao dần đều đến ít nhất là 40m kể từ khu vực phát bóng đến	
--	--	--	--	--	--

			điểm cách điểm phát bóng 150m. d) Bố trí điểm sơ cứu, cấp cứu tại các khu vực trên sân Golf; đảm bảo thuận lợi cho xe cứu thương di chuyển. đ) Có khu vực thay đồ, nhà vệ sinh. e) Có cờ, còi và biển báo hiệu đánh dấu các mốc khoảng cách. g) Có thiết bị cảnh báo và hệ thống báo động khi có sét. h) Trang thiết bị, dụng cụ thi đấu môn Golf đảm bảo theo quy định của Hiệp hội Golf quốc tế. i) Phương tiện di chuyển cho các thành viên tổ chức, điều hành và các vận động viên trong quá trình thi đấu. k) Bộ đàm, đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo cho các thành viên tổ chức và điều hành giải; đồng hồ thông báo tại hố số 1, hố số 10 và khu vực sân tập. (3) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể	
--	--	--	--	--

			thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;	
--	--	--	---	--

				+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		49	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với	50	Để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông cần	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Mặt sân cầu lông: - Có chiều dài ít nhất 15,40m và chiều rộng ít nhất 8,10m; - Mặt sân phẳng, không trơn trượt. b) Kích thước sân:	

	môn Cầu lông		yêu cầu, điều kiện gì? - Đối với sân đánh đôi: Chiều dài 13,40m, chiều rộng 6,10m, độ dài đường chéo sân là 14,723m; - Đối với sân đánh đơn: Chiều dài 13,40m, chiều rộng 5,18m, độ dài đường chéo sân là 14,366m; - Các đường biên và đường giới hạn có chiều rộng 4cm.; - Khoảng cách từ đường biên ngang, đường biên dọc đến tường bao quanh và đến sân kế tiếp ít nhất 01m; - Đối với sân cầu lông trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m, tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa. c) Chiều cao của lưới là 1,55m, cột lưới có hình trụ, đủ chắc chắn và đứng thẳng khi lưới được căng lên. Hai cột lưới và các phụ kiện không được đặt vào trong sân. d) Lưới được làm từ sợi dây nylon hoặc chất liệu tổng hợp có màu sẫm, các mắt lưới không nhỏ hơn 15mm và không lớn hơn 20mm, mép trên của lưới được nẹp màu trắng. đ) Đảm bảo ánh sáng trên sân ít nhất là 150 lux. e) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế, nơi thay đồ, cất giữ đồ và khu vực vệ sinh. g) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> - Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân. - Cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức thi đấu môn Cầu lông phải đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e mục (1) nêu trên.	
--	---------------------	--	---	--

			(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập. (4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ.	
--	--	--	--	--

			- Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		51	Hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>);	

			hợp lệ thì sau bao nhiêu ngày tôi sẽ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông?	(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taewondo	52	Khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taewondo cần những yêu cầu, điều kiện gì?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên. b) Ánh sáng đảm bảo từ 200 lux trở lên. c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. d) Có khu vực thay đồ, cất giữ đồ, nhà vệ sinh. đ) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện. e) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. g) Trang thiết bị tập luyện: - Võ phục tập luyện: 01 bộ/01 võ sinh. - Địch đá các loại: 10 chiếc/04 võ sinh. (2) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Tuân thủ các điều kiện quy định tại điểm b, c, d mục (1) nêu trên. b) Sàn thi đấu bằng phẳng được trải thảm có tính đàn hồi, kích	

			thước thả thi đấu 10m x 10m. c) Võ phục thi đấu, bảo hộ tay, chân, gối, hạ bộ và bịt răng: 01 bộ/01 võ sinh. d) Giáp, mũ thi đấu Taekwondo: 03 bộ/01 sân. đ) Bảng công bố điểm, cân trọng lượng võ sinh. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 võ sinh; b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh/buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;	
--	--	--	--	--

			+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. (2) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao; - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		53	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>);	

			lâu?	(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	54	Khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate cần những yêu cầu, điều kiện gì?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên. b) Ánh sáng đảm bảo từ 200 lux trở lên. c) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. d) Có võ phục chuyên môn Karate: găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lăngrơ) đ) Có khu vực thay đồ, cất giữ đồ, nhà vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. e) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện, ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ, thời gian theo học và lưu đơn xin học của từng người. (2) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Thảm hình vuông có chiều dài mỗi cạnh từ 10m đến 12m;	

			b) Tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b mục (1) nêu trên. c) Bảo vệ cơ thể, bít răng, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể, cồng và cờ trọng tài gồm hai màu xanh và màu đỏ; d) Có võ phục chuyên môn Karate; găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lăm-pơ); đ) Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 võ sinh; b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh/buổi tập. (4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh	
--	--	--	---	--

			doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. (2) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao; - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		55	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận <i>(Mẫu số 02 ban hành kèm</i>	

			quyết trong bao lâu?	theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	56	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Bể bơi: - Kích thước: Bể bơi được xây dựng hoặc lắp đặt có kích thước không nhỏ hơn 6m x 12m hoặc có diện tích tương đương; - Đáy bể có độ dốc đều, không gập khúc, chênh lệch độ sâu không quá 01m đối với bể bơi có chiều dài từ 25m trở lên hoặc không quá 0,5m đối với bể bơi có chiều dài nhỏ hơn 25m; - Thành bể, đáy bể có bề mặt nhẵn, mịn, dễ làm sạch. b) Bục xuất phát chỉ được lắp đối với bể bơi có độ sâu không nhỏ hơn 1,35m. c) Có phòng thay đồ, khu tắm tráng và khu vệ sinh; sàn các khu vực này và xung quanh bể bơi phải phẳng, không đọng nước, không trơn trượt. d) Khu vực rửa chân được đặt tại vị trí trước khi người tập xuống bể.	

				đ) Có hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt. e) Hệ thống ánh sáng đảm bảo độ sáng không nhỏ hơn 300 Lux ở mọi địa điểm trên mặt nước bể bơi. g) Có dây phao được căng để phân chia các khu vực của bể bơi. h) Dụng cụ cứu hộ: - Sào cứu hộ được đặt trên thành bể ở các vị trí thuận lợi để quan sát và sử dụng, có độ dài 2,5m, sơn màu đỏ - trắng. Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 sào; - Phao cứu sinh được đặt trên thành bể ở vị trí thuận lợi khi sử dụng. Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 phao; - Ghế cứu hộ được đặt trên thành bể với vị trí thuận lợi để quan sát cho nhân viên cứu hộ, có chiều cao ít nhất 1,5m so với mặt bể. i) Bảng nội quy, biển báo: - Bảng nội quy, biển báo được đặt ở các hướng, vị trí khác nhau, dễ đọc, dễ quan sát; - Bảng nội quy bao gồm các nội dung chủ yếu sau: giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn, quy định đối tượng không được tham gia tập luyện và các quy định khác; - Biển báo khu vực dành cho người không biết bơi (có độ sâu từ 01m trở xuống); khu vực dành cho những người biết bơi và khu vực cấm nhảy cắm đầu (có độ sâu ít hơn 1,4m). <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g mục (1) nêu trên. b) Có đường bơi rộng ít nhất 02m, được phân cách bằng dây phao	
--	--	--	--	---	--

			nổi giảm sóng. (3) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ a) Mật độ tập luyện phải bảo đảm ít nhất 01 người/01m² ở khu vực nước nông (độ sâu dưới 01m) hoặc 01 người/02m² ở khu vực nước sâu (độ sâu từ 01m trở lên). b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện chỉ được hướng dẫn không quá 30 người hoặc không quá 20 người đối với trẻ em dưới 10 tuổi trong một buổi tập. c) Phải bảo đảm có nhân viên cứu hộ thường trực khi có người tham gia tập luyện và thi đấu. Số lượng nhân viên cứu hộ phải đảm bảo ít nhất 200m² mặt nước bể bơi/01 nhân viên, trường hợp có đông người tham gia tập luyện phải đảm bảo ít nhất 50 người bơi/01 nhân viên trong cùng một thời điểm. (4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:	
--	--	--	--	--

				+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. (2) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao; - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
--	--	--	--	---	--

				Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao dưới nước - Có nhân viên cứu hộ; - Đối với hoạt động thể thao trên sông, trên biển, trên hồ hoặc suối lớn phải có xuồng máy cứu sinh.	
		57	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	58	Cần có yêu cầu, điều kiện gì khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị</i> a) Khu vực đặt bàn phải có mái che, khoảng cách tính từ mép ngoài bàn tới tường ít nhất là 1,5m, khoảng cách các bàn với nhau ít nhất là 1,2m. b) Cơ sở tổ chức tập luyện và thi đấu Billiards & Snooker phải có ít nhất một trong những loại bàn sau: - Bàn snooker: Chiều dài lòng bàn 3,569m (độ dao động từ 3,556m đến 3,582m), chiều rộng lòng bàn 1,778m (độ dao động từ 1,765m	

			đến 1,791m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 85mm đến 88 mm; - Bàn pool: Chiều dài lòng bàn 2,54m (độ dao động từ 2,537m đến 2,543m), chiều rộng lòng bàn 1,27 m (độ dao động từ 1,267m đến 1,273m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 74mm đến 79mm; - Bàn carom: Gồm bàn lớn và bàn nhỏ. Chiều dài lòng bàn lớn 2,84m (độ dao động từ 2,835m đến 2,845m), chiều rộng lòng bàn lớn 1,42m (độ dao động từ 1,415m đến 1,425m). Chiều dài lòng bàn nhỏ 2,54m (độ dao động từ 2,535m đến 2,545m), chiều rộng lòng bàn nhỏ 1,27m (độ dao động từ 1,265m đến 1,275m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 75mm đến 80mm. c) Mặt bàn phải đảm bảo độ phẳng và được trải bằng vải, nỉ phù hợp với từng loại bàn. d) Có bi sử dụng phù hợp với từng loại bàn. đ) Có cơ, cầu nối, lơ, giá đỡ cơ, bảng ghi điểm. e) Ánh sáng tại các điểm trên mặt bàn và thành băng ít nhất là 300 lux. g) Trường hợp đèn được thiết kế cho mỗi bàn thì khoảng cách từ điểm thấp nhất của đèn đến mặt bàn ít nhất là 1m. h) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có khu vực thay đồ, nơi cất giữ đồ, nhà vệ sinh. i) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn trong tập luyện. (2) Nhân viên chuyên môn	
--	--	--	---	--

				Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh	
--	--	--	--	---	--

				hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		59	Thành phần, số lượng hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số</i>	

				36/2019/NĐ-CP) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	60	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: <i>(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Khu vực đặt bàn phải có mái che, kín gió, không bị chói mắt. Sàn bằng phẳng, không trơn trượt. b) Bàn bóng được đặt trong khuôn viên có kích thước chiều rộng ít nhất 5m, chiều dài ít nhất 8m. c) Mặt bàn có độ nảy đồng đều khoảng 23cm khi thả quả bóng tiêu chuẩn rơi từ độ cao 30cm xuống mặt bàn. d) Quả bóng hình cầu có đường kính 40mm, nặng 2,7g làm bằng chất liệu xen-lu-lô-ít hoặc chất liệu nhựa dẻo tương tự, có màu trắng hoặc màu da cam. đ) Lưới và cọc lưới có chiều cao 15.25cm. Khoảng cách giới hạn ngoài đường biên dọc với cọc lưới là 15.25cm, mép trên của lưới phải cao đều 15.25cm, mép dưới của lưới phải sát với mặt bàn, cạnh bên của lưới phải sát với cọc lưới. e) Bảo đảm ánh sáng đồng đều tới các điểm trên mặt bàn và khu vực bàn bóng ít nhất 300 Lux, đèn được thiết kế cho mỗi bàn có chiều cao ít nhất tính từ mặt bàn là 4m. g) Tầm chắn bóng quanh khuôn viên đặt bàn cao 75cm, sẫm màu,	

				tránh phản quang và lẫn với màu của quả bóng. h) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế, nơi thay đồ, cất giữ đồ và khu vực vệ sinh. i) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h mục (1) nêu trên. b) Bàn bóng được đặt trong khuôn viên có kích thước chiều rộng ít nhất 7m, chiều dài ít nhất 14m. c) Có bàn để bảng lật số, ghế trọng tài. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động	
--	--	--	--	--	--

				thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các	
--	--	--	--	---	--

			điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		61	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn yêu cầu hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu? * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>)(có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
16	Thủ tục cấp Giấy chứng	62	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ * Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất tập luyện, thi đấu và biểu diễn</i>	

	nhận đủ điều kiện kinh doanh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay?	a) Có khu vực xuất phát và khu vực đỗ đáp ứng yêu cầu sau đây: - Độ cao chênh lệch giữa khu vực xuất phát cao hơn khu vực đỗ ít nhất là 70 mét; - Kích thước khu vực xuất phát: + Đối với môn Dù lượn ít nhất là: 15 mét chiều ngang và 10 mét chiều dọc; + Đối với môn Điều bay ít nhất là: 10 mét chiều ngang và 10 mét chiều dọc. - Kích thước khu vực đỗ: + Đối với môn Dù lượn ít nhất là: 30 mét chiều ngang và 30 mét chiều dọc; + Đối với môn Điều bay ít nhất là: 15 mét chiều ngang và 60 mét chiều dọc. b) Điều kiện gió phù hợp để cất cánh: - Đối với dù lượn cấp độ thấp (cấp độ EN A, EN B) là 0-5,5 m/s; - Đối với dù lượn cấp độ cao, dù lượn thi đấu là từ 0-8,8 m/s; - Đối với điều bay không có động cơ là từ 6,6-8,8 m/s; - Đối với điều bay có động cơ là từ 0-8,8 m/s. c) Có các bảng nội quy, bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực xuất phát và khu vực đỗ đối với các nội dung sau đây: - Bảng nội quy quy định về: Giờ tập luyện, đối tượng được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; đối tượng không được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; trang phục tập luyện, thi đấu, biểu diễn; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện, thi đấu và các quy định	
--	---	--	---	--

			khác; - Bảng chỉ dẫn quy định về: Bản đồ khu vực bay, giới hạn khu vực bay, các quy định về khu vực bay, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý bay, tần số bộ đàm và cách thức liên lạc khi cần thiết. d) Kế hoạch an toàn, tìm kiếm và cứu nạn - Kế hoạch nêu rõ các biện pháp bảo đảm an toàn, tìm kiếm và cứu nạn trong vùng hoạt động bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở và phải thường xuyên kiểm tra, cập nhật kế hoạch bay; - Người tham gia hoạt động môn Dù lượn và môn Điều bay phải được phổ biến và hướng dẫn kế hoạch bay để nắm rõ về cách thức liên lạc và trình tự các bước tìm kiếm, cứu nạn. <i>(2) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu và biểu diễn</i> a) Dù chính, dù phụ (đối với môn Dù lượn) và điều, dù phụ (đối với môn Điều bay), đai ngồi, hệ thống dây an toàn, bộ đàm, mũ bảo hiểm, giày, thiết bị đo độ cao, định vị toàn cầu. b) Phải có phương tiện thông tin, liên lạc đảm bảo yêu cầu liên lạc thông suốt từ bộ phận điều hành đến quản lý bay khu vực, các vùng hoạt động dù lượn và điều bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở thể thao và các cơ quan quản lý có thẩm quyền. c) Hình thức Dù lượn và Điều bay phải bảo đảm phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc. <i>(3) Tần suất bay và mật độ hướng dẫn</i> a) Khoảng thời gian cất cánh giữa các lượt bay tối thiểu là 90 giây. b) Mật độ hướng dẫn tập luyện: - Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn phải bảo đảm:	
--	--	--	--	--

				+ Hướng dẫn không quá 05 người trong một giờ học; + Bay kèm không quá 01 người/1 lượt bay. c) Một người tập bay không quá 2 chuyên/một ban bay. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng	
--	--	--	--	--	--

			Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
	63	Thành phần, số	* Thành phần, số lượng hồ sơ:	

			lượng hồ sơ yêu cầu những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì sau bao nhiêu ngày sẽ được cấp Giấy chứng nhận?	(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	64	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao cần yêu cầu, điều kiện gì?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Sàn tập luyện có kích thước ít nhất 08 m x 11m. b) Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt, bề mặt sàn được lát bằng một trong các vật liệu sau: Gỗ tự nhiên, gỗ công nghiệp, gạch men, đá hoa. c) Khoảng cách từ sàn đến điểm thấp nhất trên trần hoặc mái che ít nhất là 2,8m. d). Hệ thống âm thanh có cường độ ít nhất từ 90dBA trở lên. đ) Ánh sáng phục vụ tập luyện ít nhất từ 150Lux trở lên. e) Có ghế ngồi và gương. g) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. h) Có khu vực thay đồ và nhà vệ sinh. i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp	

			đảm bảo an toàn khi tập luyện. <i>(2) Cơ sở vật trang thiết bị tập luyện, thi đấu</i> a) Thực hiện theo quy định tại các khoản a, b, c, d, đ, e, g và h mục (1) nêu trên. b) Ánh sáng phục vụ thi đấu ít nhất từ 200 Lux trở lên. <i>(3) Cơ sở vật chất, trang thiết bị biểu diễn</i> a) Thực hiện theo quy định tại các điểm c, d, h mục (1) và điểm b mục (2) nêu trên. b) Mặt sàn biểu diễn bằng phẳng, không trơn trượt. c) Trang phục không được làm bằng chất liệu hoặc màu trong suốt và phải che kín những vùng nhạy cảm của cơ thể người biểu diễn. <i>(4) Mật độ tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 02m² /01 người tập. b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 35 người trong một buổi tập. <i>(5) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động	
--	--	--	--	--

				thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các	
--	--	--	--	---	--

			điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		65	Hồ sơ của thủ tục này cần những giấy tờ gì? Trong thời hạn bao lâu sẽ được giải quyết? * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
18	Thủ tục cấp Giấy chứng	66	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i>	

	nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ?	a) Sàn tập có kích thước từ 08m x 08m trở lên. b) Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm. c) Khoảng cách từ sàn nhà đến trần ít nhất là 03m. d) Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 90dBA trở lên. đ) Ánh sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên. e) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. g) Trang bị các dụng cụ hỗ trợ phục vụ người tập: Máy chạy bộ, tạ, bục, gậy, vòng, bóng. h) Có khu vực thay đồ và nhà vệ sinh. i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, giờ tập luyện, trang phục tập luyện và các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu</i> a) Thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, đ, e và h mục (1) nêu trên. b) Sàn thi đấu có kích thước ít nhất là 12m x 12m. c) Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 120dBA trở lên. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 02m²/01 người tập. b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.	
--	---	--	---	--

				Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động	
--	--	--	--	---	--

			thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		67	Thủ tục này yêu cầu hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu? * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của	

				nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	68	Tôi muốn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo, vậy cần có yêu cầu, điều kiện gì?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: <i>(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Sàn tập có diện tích ít nhất là 64m² (mỗi chiều ít nhất là 8m). Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm có độ đàn hồi, độ dày ít nhất 4cm. b) Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên. c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. d) Có khu vực thay đồ, nơi cất giữ đồ, nhà vệ sinh. đ) Có võ phục chuyên môn Judo, bảo đảm 01 bộ/người. e) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện. g) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, d và đ mục (1) nêu trên. b) Có các khu vực: Cân vận động viên, khởi động, khu điểm danh, khu kiểm tra võ phục và đặt bàn y tế. c) Có đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo, bảng điểm, cân trọng lượng. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 người.	

			b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh trong một buổi tập. (4) <i>Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
--	--	--	---	--

			- Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		69	Thành phần, số lượng hồ sơ của * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận <i>(Mẫu số 02 ban hành kèm</i>	

			thủ tục này được quy định như thế nào? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
20	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	70	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Địa điểm tập luyện: - Phòng tập luyện diện tích ít nhất 60 m², khoảng cách từ sàn đến trần ít nhất 2,8m, không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng. Khoảng cách giữa các trang thiết bị tập luyện đảm bảo từ 10cm đến 30cm. - Ánh sáng từ 150 lux trở lên; - Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. - Nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện. b) Trang thiết bị tập luyện phải đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày	

			31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Địa điểm thi đấu môn Thể dục thể hình và Fitness diễn ra trong nhà hoặc ngoài trời. b) Sân khấu: Kích thước sân khấu 12m x 12m và có chiều cao 0,8m. Mặt sân khấu phải được trải thảm mềm. Thảm màu xanh nước biển hoặc màu xanh ngọc. c) Phong: Phía sau sân khấu thi đấu phải căng một tấm phong với một trong những màu sắc sau đây: Xanh đen, nâu sẫm, xanh lục sẫm, tím sẫm. d) Bục thi đấu môn Thể dục thể hình đặt ở vị trí trung tâm sân khấu. Kích thước bục dài 06m, rộng 02m và cao 0,3m, có thảm bao xung quanh màu lục nhạt hoặc màu lam nhạt. đ) Ánh sáng từ 1500 lux trở lên. Đối với môn Fitness phải sáng đều khắp sân khấu; đối với môn Thể dục thể hình ánh sáng tập trung chiếu rọi khu vực bục thi đấu. e) Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt. g) Khu vực khởi động phải gần địa điểm thi đấu. Trang thiết bị khởi động cần có gồm: Các cần tạ, bánh tạ, tạ tay, dây chun, dây lò xo, các ghế tập. <i>(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện</i> Mỗi người hướng dẫn tập luyện chỉ được hướng dẫn không quá 70 người trong một buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i>	
--	--	--	--	--

				Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh	
--	--	--	--	---	--

				hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		71	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy	

			định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.	
		72	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness yêu cầu hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết quy định như thế nào? * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	73	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất</i> a) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Lân Sư Rồng trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây: - Sàn tập luyện có diện tích ít nhất 200m²; - Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt; - Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà ít nhất là 05m. Trong trường hợp có sử dụng dàn mai hoa thung khoảng cách từ mặt sàn đến trần	

				nhà ít nhất là 07m; - Hệ thống chiếu sáng bảo đảm độ rọi từ 150 Lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. b) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Lân Sư Rồng ngoài trời phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: - Sàn tập luyện có diện tích ít nhất 200m²; - Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt; - Hệ thống chiếu sáng bảo đảm độ rọi từ 150 Lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Trang thiết bị</i> a) Đầu Rồng, mình Rồng, đầu Lân, đuôi Lân, các loại trang phục và đạo cụ như: loại trống, chiêng, thanh la, nã bạt phải đảm bảo an toàn và phù hợp với quy định của Luật thi đấu Lân Sư Rồng hiện hành hoặc theo truyền thống của từng địa phương. b) Các trang thiết bị, đạo cụ dùng để tập luyện, thi đấu và biểu diễn là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của	
--	--	--	--	---	--

			pháp luật. c) Dàn Mai hoa thung: Độ cao của cột cao nhất không vượt quá 03m, xung quanh dàn Mai hoa thung phải có đệm bảo vệ. d) Cột Lân leo phải bảo đảm chắc chắn, chiều cao tối đa không vượt quá 10m. Cột leo từ 06m trở lên bắt buộc bằng kim loại. Hệ thống chân đế của cột phải chắc chắn, có dây chằng cột, nệm bảo vệ xung quanh cột và dây bảo hiểm bảo đảm an toàn cho người tập luyện. <i>(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện</i> Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người/01 nội dung tập luyện. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các	
--	--	--	---	--

			điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;	
--	--	--	---	--

				+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		74	Thành phần, số lượng hồ sơ của thủ tục này được quy định ra sao? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì sau bao nhiêu ngày tôi được cấp Giấy chứng nhận?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
22	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	75	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất</i> a) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Võ đạo thể thao giải trí trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây: - Diện tích sàn tập tối thiểu 30m²; - Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt; - Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà không thấp hơn 2,7m;	

				- Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. b) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Võ đạo thể thao giải trí ngoài trời phải bảo đảm yêu cầu sau: - <i>Diện tích sàn tập tối thiểu 30m²;</i> - Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt; - Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Trang thiết bị</i> a) Trang thiết bị tập luyện: Mỗi cá nhân tham gia tập luyện phải tự trang bị tấm lót khuỷu tay, tấm lót đầu gối, mũ đội đầu. b) Trang thiết bị thi đấu - Thiết bị liên lạc cho các thành viên tổ chức và điều hành giải; - Bàn chơi nhạc, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, vạch giới hạn sân thi đấu và các trang thiết bị khác bảo đảm an toàn cho vận động viên tham gia thi đấu theo quy định của Luật thi đấu và điều lệ thi đấu	
--	--	--	--	---	--

				của giải. c) Trang thiết bị biểu diễn: Bàn chơi nhạc, thiết bị liên lạc đáp ứng yêu cầu của buổi biểu diễn. <i>(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm tối thiểu 2m²/01 người tập. b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một giờ học. <i>(4) Nhân viên chuyên môn:</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh	
--	--	--	--	--	--

			doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ;	
--	--	--	---	--

				- Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		76	Hồ sơ của thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
23	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	77	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> a) Cơ sở vật chất - Sàn tập có diện tích ít nhất từ 60m² trở lên, mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt; - Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên; - Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; - Có khu vực thay đồ, gửi đồ và nhà vệ sinh; - Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện; - Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp	

			bảo đảm an toàn khi tập luyện. b) Trang thiết bị - Găng tập luyện: 01 đôi/01 người; - Mũ bảo vệ: 01 chiếc/01 người; - Bao đấm (bao cát), găng đấm; - Dụng cụ đỡ đòn (lăm pơ); - Bịt răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đá, dây nhảy: 01chiếc/ 01 người. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> a) Sàn tập có diện tích ít nhất từ 60m² trở lên, mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt; b) Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên; c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; d) Có khu vực thay đồ, gửi đồ và nhà vệ sinh; đ) Găng tập luyện: 01 đôi/01 người; e) Mũ bảo vệ: 01 chiếc/01 người; g) Bịt răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đá, dây nhảy: 01chiếc/ 01 người. h) Khu vực thi đấu: Kích thước ít nhất là 06m x 06m, xung quanh có dây bảo vệ, khoảng cách từ dây bảo vệ đến khu vực khán giả ít nhất là 02m. i) Các khu vực khác: Cân võ sinh, khởi động và bàn y tế. k) Đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể. <i>(3) Mật độ tập luyện</i>	
--	--	--	--	--

			a) Mật độ tập luyện bảo đảm ít nhất 02m²/01người. b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh trong một buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng	
--	--	--	--	--

			Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		78	Hồ sơ gồm những * Thành phần, số lượng hồ sơ:	

			gì? Sau bao nhiêu ngày tôi được cấp Giấy chứng nhận?	(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	79	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam cần yêu cầu, điều kiện gì khi thực hiện?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất</i> a) Cơ sở vật chất môn Võ cổ truyền, môn Vovinam phải đáp ứng những yêu cầu sau: - Sàn tập phải bằng phẳng, không trơn trượt; - Khoảng cách an toàn từ sàn tập đến vật xung quanh ít nhất là 2,5m; - Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện. b) Trường hợp tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền, môn	

			Vovinam trong nhà, khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà không thấp hơn 2,7m. <i>(2) Trang thiết bị</i> a) Trang thiết bị phục vụ tập luyện đối kháng bao gồm: Mũ bảo hiểm, bao răng, bảo vệ hạ bộ, băng chân bảo vệ cổ chân, băng tay bảo vệ khuỷu tay, quần áo tập luyện, găng tay, áo giáp. b) Trang thiết bị thi đấu môn Võ cổ truyền, môn Vovinam theo quy định của Luật thi đấu Võ cổ truyền, Luật thi đấu Vovinam. c) Các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất là 2,5m²/01 người tập. b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 40 người trong một buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
--	--	--	--	--

			quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở	
--	--	--	--	--

				lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		80	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
25	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	81	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất</i> a) Vùng hoạt động mô tô nước phải đáp ứng các yêu cầu sau: - Được xác định bằng hệ thống phao neo, cờ định vị;	

	hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển		điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển? - Phao neo, cờ định vị có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát; khoảng cách giữa các phao neo, cờ định vị nhiều nhất là 50m. Phao neo hình cầu; đường kính ít nhất là 30cm; chất liệu được sử dụng làm phao neo phải là các chất liệu không gây ô nhiễm môi trường. Cờ định vị hình chữ nhật, có kích thước 25cm x 30cm; - Có độ sâu ít nhất là 2m, không có đá ngầm, rạn san hô, công trình trên biển, khu vực bãi tắm hoặc chướng ngại vật khác; - Khoảng cách từ mép nước của bờ biển đến giới hạn ngoài của vùng hoạt động nhiều nhất là 650m và đến giới hạn trong của vùng hoạt động ít nhất là 60m. b) Khoảng cách giữa cửa ra, cửa vào của mỗi bến bãi neo đậu phương tiện ít nhất là 250m. Cửa ra, cửa vào của bến bãi neo đậu phương tiện phải có chiều rộng ít nhất là 06m. c) Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu và các thiết bị sơ cứu, cấp cứu ban đầu khác phù hợp với yêu cầu tập luyện, biểu diễn, thi đấu môn Mô tô nước trên biển. d) Có bảng nội quy được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực xuất phát, cửa ra, cửa vào của bến bãi neo đậu. Bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng không được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; trang phục tập luyện, thi đấu, biểu diễn; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện, biểu diễn và thi đấu; không được điều khiển các phương tiện ra khỏi vùng hoạt động được xác định bằng phao neo, cờ định vị và các quy định khác.	
--	--	--	---	--

			<i>(2) Trang thiết bị</i> a) Động cơ của mô tô nước phải có công suất tính bằng sức ngựa, phù hợp với thiết kế kỹ thuật của phương tiện. b) Mô tô nước khi đưa vào hoạt động phải đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. c) Thông tin liên lạc và cứu hộ - Hệ thống thông tin bảo đảm yêu cầu liên lạc từ bộ phận điều hành và cứu hộ đến các vùng hoạt động mô tô nước; - Trạm quan sát bảo đảm quan sát được toàn bộ vùng hoạt động mô tô nước; - Có ca nô cứu hộ; có ít nhất là 05 phao cứu sinh trên một ca nô cứu hộ; - Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 áo phao. <i>(3) Có xuống máy cứu sinh.</i> <i>(4) Mật độ hướng dẫn tập luyện</i> Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 01 người trong một lần tập. <i>(5) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành	
--	--	--	--	--

			lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:	
--	--	--	--	--

			Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
	82	Tôi cần chuẩn bị hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển như thế nào? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	

26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	83	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: <i>(1) Cơ sở vật chất</i> a) Mặt sân bằng phẳng và được phủ bằng một trong các chất liệu sau: cỏ tự nhiên, cỏ nhân tạo, đất nện, cát mịn, sàn gỗ, chất dẻo tổng hợp, chất nhựa tổng hợp. b) Mặt sân và đường bao quanh sân không có chướng ngại vật và các vật liệu dễ gây chấn thương; đường bao quanh sân không cao hơn mặt sân, nếu cao hơn phải được phủ bằng chất liệu an toàn. c) Khoảng cách từ đường biên dọc, biên ngang của sân đến hàng rào, khán đài hoặc sân liền kề ít nhất là 2,5m. d) Sân bóng đá liền kề nhà ở, công trình công cộng, đường giao thông phải có hàng rào hoặc lưới chắn bao quanh sân cao ít nhất là 05m. đ) Bảo đảm độ chiếu sáng trên sân ít nhất là 150 lux. e) Trường hợp có tường tập sút cầu môn, tường tập sút cầu môn có chiều rộng ít nhất là 05m, chiều cao ít nhất là 2,5m và phải được làm bằng vật liệu bền chắc. g) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. h) Có khu vực vệ sinh, thay trang phục cho người tham gia tập luyện và thi đấu môn Bóng đá. i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; các đối tượng không được tham gia tập luyện; trang phục khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Trang thiết bị</i>	
----	---	----	--	---	--

			a) Trang thiết bị tập luyện - Khung cầu môn được làm bằng một trong các chất liệu sau: Kim loại, gỗ hoặc chất dẻo tổng hợp, bảo đảm kích thước theo quy định của Luật thi đấu bóng đá. Cột cầu môn tròn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện, thi đấu bóng đá. - Bóng có kích thước và trọng lượng theo quy định của Luật thi đấu bóng đá. b) Trang thiết bị thi đấu môn Bóng đá phải bảo đảm theo quy định của Luật thi đấu Bóng đá. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> Mật độ tập luyện trên sân bóng đá bảo đảm ít nhất 25m²/người tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:	
--	--	--	---	--

			- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp	
--	--	--	---	--

				trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		84	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
27	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	85	Thành phần, số lượng hồ sơ gồm những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, sau bao nhiêu ngày tôi sẽ được cấp Giấy chứng nhận?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của	

				nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
28	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	86	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: <i>(1) Cơ sở vật chất</i> a) Hoạt động tập luyện và thi đấu môn Patin trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây: - Diện tích sân phải từ 300m² trở lên; - Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện; - Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà: Đối với sân bằng phẳng, khoảng cách từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 3,5m. Đối với sân có dốc trượt và mô hình chướng ngại vật, khoảng cách từ đỉnh dốc điểm cao nhất của chướng ngại vật đến trần nhà ít nhất là 04m; - Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi	

			tập luyện. b) Hoạt động tập luyện và thi đấu môn Patin ngoài trời phải thực hiện theo quy định như sau: - Diện tích sân phải từ 300m² trở lên; - Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện; - Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. c) Hoạt động biểu diễn môn Patin phải thực hiện theo quy định như sau: - Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện; - Khoảng cách từ mặt sân đến trần nhà: Đối với sân bằng phẳng, khoảng cách từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 3,5m. Đối với sân có	
--	--	--	--	--

				đốc trượt và mô hình chướng ngại vật, khoảng cách từ đỉnh dốc điểm cao nhất của chướng ngại vật đến trần nhà ít nhất là 04m; - Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên; - Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Trang thiết bị</i> a) Trang thiết bị tập luyện và biểu diễn - Tấm lót khủy tay; - Tấm lót đầu gối; - Mũ đội đầu; - Giày trượt phải đáp ứng những yêu cầu sau đây: + Thân giày chắc chắn, ôm chân, không lỏng lẻo, không bị nghiêng, vẹo quá 45°, có khóa chắc chắn, lót trong của giày phải êm, thông thoáng; + Bánh xe cao su, có độ đàn hồi, 02 vòng bi cho một bánh xe với vòng đệm ở giữa, không sử dụng loại một trục; + Khung đỡ và lắp bánh của giày (Frames): Bằng hợp kim nhôm (Alu) có độ cứng trên 5000, có độ dày không nhỏ hơn 01 mm hoặc bằng nhựa có độ dày không nhỏ hơn 02 mm. b) Trang thiết bị thi đấu môn Patin phải bảo đảm theo quy định của	
--	--	--	--	---	--

			Luật thi đấu Patin hiện hành. <i>(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện</i> a) Mật độ tập luyện trên sân bảo đảm ít nhất 05m²/01 người tập. b) Mỗi hướng dẫn viên hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp	
--	--	--	---	--

				trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt	
--	--	--	--	--	--

				động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		87	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	88	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục này cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất</i> a) Khu vực lặn biển phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, biển báo được định vị phù hợp với tọa độ trên hải đồ. Phao tiêu, biển báo phải có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát. b) Có phương tiện thủy nội địa vận chuyển người lặn biển, người hướng dẫn tập luyện, nhân viên cứu hộ và các trang thiết bị, dụng cụ môn Lặn biển thể thao giải trí. c) Có khu vực tập kết phương tiện thủy nội địa và neo đậu phương tiện thủy nội địa. d) Có phòng thay đồ, gửi đồ, nhà tắm, khu vực vệ sinh cho người lặn biển; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.	

			đ) Có sổ theo dõi người lặn biển bao gồm những nội dung chủ yếu: Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, tình trạng sức khỏe của người lặn biển, địa chỉ và số điện thoại liên hệ khi cần thiết. e) Có bảng nội quy lặn biển quy định nội dung chủ yếu: Giờ tập luyện, các đối tượng không được tham gia, trang phục khi tham gia, biện pháp đảm bảo an toàn. <i>(2) Trang thiết bị</i> a) Trang bị bảo hộ cá nhân dành cho người lặn biển và người hướng dẫn tập luyện: Máy nén khí, bình khí nén, bình ô xy, đồng hồ định vị, đồng hồ đo áp lực, đồng hồ đo độ sâu, đồng hồ đo nhiệt độ, đồng hồ đo thời gian lặn, quần áo lặn, thắt lưng chì, chân vịt, kính lặn, ống thở, hệ thống van, đường ống dẫn khí đến miệng thở, phao cứu sinh. b) Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo kết nối liên tục giữa trung tâm tìm kiếm, cứu nạn của địa phương hoặc của quốc gia với các khu vực hoạt động trong phạm vi quản lý của cơ sở. <i>(3) Bảo đảm an toàn</i> a) Khi có người lặn dưới biển, phương tiện thủy nội địa tổ chức hoạt động lặn biển phải treo cờ hiệu để báo hiệu đảm bảo an toàn cho người lặn biển. b) Người hướng dẫn tập luyện phải hướng dẫn người lặn biển biết cách thức sử dụng bình khí, các thiết bị lặn, sử dụng phao cứu sinh và cách thức lặn. c) Người lặn biển có trách nhiệm khai báo tình trạng sức khỏe theo quy định của cơ sở thể thao và chịu trách nhiệm về khai báo của	
--	--	--	--	--

			mình. (4) Có xuống máy cứu sinh. (5) Mật độ hướng dẫn tập luyện Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 01 người lặn biển trong một lần lặn. (6) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp	
--	--	--	--	--

				trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt	
--	--	--	--	--	--

				động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		89	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
30	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	90	Để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao cần những yêu cầu, điều kiện gì?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> 1. Quy định chung a) Có tường bao quanh trường bắn dày ít nhất 20cm, chiều cao trên 03m; b) Ánh sáng chung ít nhất 500 lux, ánh sáng mặt bia tối thiểu 1.500 lux; c) Có kho, nơi cất giữ súng, đạn thể thao bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; d) Có khu vực kiểm tra trang thiết bị tập luyện và thi đấu; đ) Trường bắn phải có tuyến bắn và tuyến bia song song với nhau, lối đi riêng từ tuyến bắn lên tuyến bia có vách ngăn an toàn dày ít nhất 02cm, cao ít nhất 02m;	

			e) Khu vực dành cho khán giả ở phía sau tuyến bắn, cách tuyến bắn ít nhất là 05m; g) Có sổ theo dõi quá trình sử dụng súng, đạn thể thao được thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; h) Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện được thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; i) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; k) Có bảng hướng dẫn cách sử dụng súng thể thao; có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Trích dẫn quy định của pháp luật về trách nhiệm của người tập luyện, người hướng dẫn tập luyện và các cá nhân có liên quan trong việc sử dụng và bảo quản súng thể thao; đối tượng tham gia tập luyện được phép sử dụng súng thể thao, giờ tập luyện, trang phục tập luyện. Người tham gia tập luyện được sử dụng súng thể thao thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. 2. Quy định đối với trường bắn cự ly 50m a) Chiều dài trường bắn ít nhất 60m; chiều dài được thiết kế gồm 50m (trong đó có ít nhất 35m ngoài trời hoặc khoảng trống) + 02m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; Chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m, đảm bảo chứa được không ít hơn 10 bệ bắn; b) Có phễu hoặc tấm chắn đạn đặt sát phía sau bia, làm bằng thép. 3. Quy định đối với trường bắn cự ly 25m a) Chiều dài trường bắn ít nhất 35m; chiều dài được thiết kế gồm 25m (trong đó có ít nhất 12,5m ngoài trời hoặc khoảng trống) +	
--	--	--	---	--

				03m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m; b) Thùng hoặc phễu chắn đạn đặt song song và cách khung bia 01m về phía sau; c) Có lưới chắn vỏ đạn phía trước người bắn. 4. Quy định đối với trường bắn cự ly 10m dùng cho các loại súng hơi Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10m + 20cm tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng đảm bảo chứa được 10 bộ bắn, mỗi bộ bắn rộng 01m và cách nhau 01m. 5. Quy định đối với trường bắn cự ly 10m dùng cho bia di động Chiều dài trường bắn ít nhất 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10m + 02m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả. Chiều rộng trường bắn ít nhất 10m, được chia thành 02 khoang riêng biệt, mỗi khoang rộng 03m. 6. Quy định đối với trường bắn đĩa bay a) Trường bắn có kích thước an toàn mỗi chiều không nhỏ hơn 150m; b) Lưới an toàn cao 03m đặt ở phía trên tường bao quanh trường bắn; c) Đảm bảo chiều dài từ hào phóng đĩa đến vị trí đứng bắn cách nhau không nhỏ hơn 15m; d) Khoảng cách từ vị trí đứng bắn theo hướng bắn đến tường bao quanh ít nhất 70m; đ) Có rào chắn cách ít nhất 07m ở phía sau đường di chuyển chắn	
--	--	--	--	--	--

			giữa khán giả và khu vực bắn. 7. Quy định đối với trường bắn đạn sơn a) Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 100m; b) Bên trong trường bắn đặt ít nhất 03 mục tiêu bắn bằng một trong các chất liệu: đất, gỗ, nhựa. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> 1. Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và i khoản 1 và các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 3 của Thông tư này. 2. Có 20 bệ bắn trở lên đối với các trường bắn cự ly 50m, 25m và 10m. 3. Có 02 khung bắn trở lên đối với trường bắn cự ly 10m súng trường hơi di động. <i>(3) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện</i> 1. Mật độ tập luyện trên vị trí bắn bảo đảm ít nhất 01người/01m². 2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 10 người/buổi. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp	
--	--	--	---	--

				dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các	
--	--	--	--	--	--

			điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		91	Hồ sơ của thủ tục này cần có những giấy tờ gì? Sau bao nhiêu ngày sẽ được cấp Giấy chứng nhận? * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
31	Thủ tục cấp Giấy chứng	92	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ * Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất</i>	

	nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném		tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném?	1. Sân bóng ném a) Sân bóng ném có chiều dài là 44m và chiều rộng là 22m; b) Mặt sân bóng ném phẳng, không có độ dốc, không trơn trượt; c) Tường bao quanh sân bóng ném cách đường biên dọc ít nhất là 1m; cách đường cuối sân ít nhất là 2m; d) Đối với sân bóng ném trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m. 2. Cầu môn có chiều cao là 2m, chiều rộng là 3m tính từ mép trong của cầu môn; cạnh của cột cầu môn có chiều rộng là 8cm. 3. Lưới cầu môn và lưới chắn bóng: a) Lưới cầu môn và lưới chắn bóng có màu sẫm, kích thước các mắt lưới không quá 10cm x 10cm; b) Phía sau khung thành và cách đường khung thành 1,5m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 9m đến 14m và có chiều cao ít nhất là 5m tính từ mặt sân. Đối với sân ngoài trời không có tường bao, phía sau đường biên dọc và cách đường biên dọc 1m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 28m đến 34m và có chiều cao ít nhất là 4m tính từ mặt sân. 4. Quả bóng a) Bóng sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu Bóng ném; b) Bảo đảm ít nhất 01 người/1quả bóng. 5. Độ chiếu sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên. 6. Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.	
--	--	--	---	---	--

			7. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> 1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức thi đấu môn Bóng ném được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 và 3, điểm a mục 4, mục 5 và mục 6 phần (1) nêu trên. 2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp. 3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> 1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập. 2. Mật độ tập luyện phải bảo đảm ít nhất 10m²/1 người. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
--	--	--	---	--

			quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở	
--	--	--	--	--

			lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		93	Thành phần, số lượng hồ sơ quy định như thế nào? Thời hạn giải quyết trong bao lâu? * Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
32	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	94	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ * Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> 1. Sân tập, sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên đối với nội dung đối kháng (Sanshou) và 80 m² trở lên	

	hoạt động thể thao đối với môn Wushu		điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu?	đối với nội dung quyền (Taolu). - Độ chiếu sáng sân tập, sàn tập bảo đảm từ 200 lux trở lên. - Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. - Có khu vực thay đồ, tủ gửi đồ, nhà vệ sinh. - Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện. - Có trang thiết bị tập luyện gồm: - Thảm tập có độ dày ít nhất là 2cm và có tính đàn hồi; - Võ phục, găng, giáp, mũ, kuki trong nội dung đối kháng; - Võ phục, các loại vũ khí thể thao thô sơ: Kiếm, đao, côn, thương đối với các bài quyền như Kiếm thuật, Đao thuật, Côn thuật, Thương thuật, Nam đao, Nam côn, Thái cực kiếm trong nội dung quyền. Việc đăng ký, sử dụng kiếm, đao, côn, thương thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. - Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> - Thực hiện quy định tại các mục 2, 3, 4 phần (1) nêu trên. - Sàn thi đấu: - Đối với nội dung Taolu: Thảm đấu có tính đàn hồi, kích thước 18m x 12m x 0,1m; - Đối với nội dung Sanshou: Đài thi đấu có diện tích 8m x 8m, cao 0,8m, có đệm bảo vệ xung quanh.	
--	--	--	---	--	--

			3. Trang thiết bị thi đấu: a) Thực hiện quy định tại điểm b, c mục 6 phần (1) nêu trên; b) Đối với nội dung Taolu: Có bảng công bố điểm; c) Đối với nội dung Sanshou: Có cân trọng lượng cơ thể võ sinh. <i>(3) Mật độ tập luyện</i> 1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 3m²/01 võ sinh. 2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh/buổi tập. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:	
--	--	--	--	--

			+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng	
--	--	--	--	--

				Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		95	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
33	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	96	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao cần có yêu cầu, điều kiện gì khi thực hiện?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (1) <i>Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với leo núi nhân tạo</i> 1. Tường leo a) Tường leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn: - Bảo đảm chiều cao ít nhất 4,5m khi tổ chức tập luyện; - Bảo đảm chiều cao ít nhất 8m khi tổ chức giải thi đấu cấp tỉnh, thành phố, câu lạc bộ; - Bảo đảm chiều cao ít nhất 12m khi tổ chức giải thi đấu quốc gia. b) Tường leo đối với leo khối đá:	

				- Chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất; - Đối với tường leo độ cao từ 3m trở xuống: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi; - Đối với tường leo độ cao từ 3m đến 4,5m: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi. 2. Máu bám trên tường leo bảo đảm không bị lỏng hoặc xoay vắn và theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi quốc tế. 3. Khung kết cấu tường leo bảo đảm chịu được tải trọng của toàn bộ tường leo và lực tác động của người leo. 4. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu. 5. Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập. <i>(2) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với Leo núi tự nhiên</i> 1. Vách leo a) Vách leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn: Các tuyến leo được cố định sẵn trên vách leo, các chốt an toàn được lắp đặt theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi Quốc tế. b) Vách leo đối với leo khối đá: - Bảo đảm chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất được đặt trên địa hình bằng phẳng; - Đối với độ cao từ 3m trở xuống: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi; - Đối với độ cao từ 3m đến 4,5m: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất	
--	--	--	--	--	--

			20cm và có tính đàn hồi. 2. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu và bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực leo. Nội dung bảng chỉ dẫn quy định về bản đồ khu vực leo, vạch giới hạn khu vực leo, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý leo và cách thức liên lạc khi cần thiết. <i>(3) Trang thiết bị tập luyện và thi đấu</i> 1. Có giấy leo núi chuyên dụng, dây leo núi, đai bảo hiểm, móc leo, thiết bị hãm, móc khóa carabiner, mũ bảo hiểm chuyên dụng, túi phân, dây phụ trợ tùy theo loại hình leo núi. Các thiết bị leo núi phải đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn leo núi quốc tế. 2. Bảo đảm thông tin liên lạc giữa người tập leo núi, người hướng dẫn tập luyện với bộ phận điều hành tại địa điểm tập luyện, thi đấu và cơ sở y tế. <i>(4) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ</i> 1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 15 người trong 01 giờ học. 2. Có nhân viên cứu hộ thường trực, bảo đảm 15 người tập có 01 nhân viên cứu hộ. <i>(5) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động	
--	--	--	---	--

			thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao	
--	--	--	--	--

			và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		97 Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết:	

				07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	98	Yêu cầu, điều kiện khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: <i>(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> 1. Sân bóng rổ a) Sân bóng rổ có chiều dài ít nhất là 28m và chiều rộng ít nhất là 15m; b) Mặt sân bóng rổ phẳng, cứng, không trơn trượt và không có chướng ngại vật; c) Đối với sân bóng rổ ngoài trời, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân cách đường biên dọc của sân ít nhất là 2m và cách đường biên ngang của sân ít nhất là 5m. Trường hợp sân bóng rổ ngoài trời liền kề nhà ở, trường học, công trình công cộng hoặc đường giao thông, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân bóng rổ cao ít nhất là 3m; d) Đối với sân bóng rổ trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m; tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa. 2. Bộ cột rổ a) Cột và vành rổ được làm bằng kim loại; b) Bảng rổ được làm bằng nhựa tổng hợp hoặc bằng gỗ; c) Lưới rổ được làm bằng sợi nylon; d) Khoảng cách tính từ mép trên của vành rổ xuống mặt sân bóng rổ theo chiều thẳng đứng là 3,050m đối với người tập trên 12 tuổi hoặc ít hơn 3,050m đối với người tập từ 12 tuổi trở xuống. 3. Quả bóng rổ	

			a) Quả bóng rổ phải được sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu bóng rổ; b) Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 (một) quả bóng rổ. 4. Độ chiếu sáng bảo đảm trên sân ít nhất là 300 lux. 5. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có nơi thay đồ, cất giữ đồ và có khu vệ sinh. 6. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; trang phục, trang thiết bị khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn trong tập luyện. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> 1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu môn Bóng rổ được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2, 4, 5 và điểm a mục 3 phần (1) nêu trên. 2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp. 3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân. <i>(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện</i> 1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập. 2. Mật độ tập luyện được bảo đảm ít nhất 10m²/người. <i>(4) Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện	
--	--	--	---	--

			(1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục	
--	--	--	--	--

			hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		99 Yêu cầu thành phần, số lượng hồ sơ như thế nào? Quy định thời hạn giải quyết trong bao ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	

				* Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	100	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao cần có yêu cầu, điều kiện gì?	* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: <i>(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện</i> - Sàn tập luyện có kích thước từ 20m x10m trở lên; bằng phẳng, không trơn trượt. - Độ chiếu sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên. - Có chỗ gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế. - Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện. - Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện. - Trang thiết bị tập luyện: - Bộ giáp vải (chịu lực 350N trở lên), áo giáp con (chịu lực 350N trở lên), mặt nạ (chịu lực 350N trở lên), áo giáp điện (đối với kiếm chém và kiếm liễu), găng tay, giày, bút tắt; - Kiểm tập (bao gồm: Kiếm chém, kiếm liễu và kiếm ba cạnh). Việc quản lý, sử dụng kiếm thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. <i>(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu</i> - Cơ sở vật chất thi đấu: - Thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 phần (1) nêu trên. - Đường thi đấu được làm bằng hợp kim có kích thước chiều dài từ	

				17m đến 18m và chiều rộng từ 1,5m đến 2,0m. 2. Trang thiết bị thi đấu: a) Thực hiện theo quy định tại điểm a mục 6 phần (1) nêu trên. b) Kiểm thi đấu, dây điện mặt nạ, dây điện trên người. (3) <i>Nhân viên chuyên môn</i> Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp	
--	--	--	--	--	--

			trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ. - Nhân viên y tế. Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp. (2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm: - Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: + Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh; + Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhân viên cứu hộ; - Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt	
--	--	--	--	--

				động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.	
		101	Hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao gồm những giấy tờ gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>); (2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP</i>) (có kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ). * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
	Cấp xã				
36	Thủ tục công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	102	Tôi muốn thực hiện thủ tục công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở thì phải đến đâu?	Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở.	
		103	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	- Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006. - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở.	

		104	Đề được công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở hồ sơ cần những gì? Thủ tục này quy định thời hạn giải quyết như thế nào?	* Thành phần, số lượng hồ sơ: (1) Quyết định thành lập; (2) Danh sách Ban chủ nhiệm; (3) Danh sách hội viên; (4) Địa điểm luyện tập; (5) Quy chế hoạt động. - Số lượng hồ sơ: Không quy định. * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
III.	CỤC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (Từ câu 105 - 115)				
01	Thủ tục cấp Giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	105	Tôi muốn đề nghị cấp Giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang thì nộp hồ sơ ở đâu?	Tổ chức dưới đây thuộc địa phương đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố: + Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao; + Doanh nghiệp có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; + Hội văn học, nghệ thuật; Cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật; + Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình.	
		106	Hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 03, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>));	

				(2) 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh Mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang; (3) 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu; (4) 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	
02	Thủ tục cấp Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi	107	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp Giấy phép phê duyệt nội dung bản	Tổ chức thuộc cơ quan địa phương muốn lưu hành hoặc nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung bằng cách trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du	

	hình ca múa nhạc, sân khấu		ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu thì phải đến đâu?	lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố.	
		108	Để thực hiện thủ tục này, hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết được quy định như thế nào?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (<i>Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 danh mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn; (3) 01 bản nhạc và lời hoặc kịch bản văn học (đối với tác phẩm nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (4) 01 bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu; (5) 01 bản sao chứng thực quyết định phổ biến tác phẩm và quyết định cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật (nếu trong chương trình có sử dụng tác phẩm sáng tác trước năm 1975, tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác và nghệ sỹ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn); (6) 01 mẫu thiết kế vỏ bản ghi âm, ghi hình; (7) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện TTHC và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu	

				thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ, nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và cấp giấy phép phê duyệt nội dung. Trường hợp cần gia hạn thẩm định, cấp phép cũng không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	
03	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	109	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. - Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. - Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP. - Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL ngày 19/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL.	
		110	Hồ sơ gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: Văn bản thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BVHTTDL</i>); * Thời hạn giải quyết:	

				Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi tiếp nhận thông báo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và trả lại các bản gốc sau khi đối chiếu. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có quyền không đồng ý việc tổ chức trong trường hợp quốc tang, thiên tai, dịch bệnh, an ninh, chính trị ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, đời sống, sinh hoạt, an toàn xã hội tại địa phương.	
04	Thủ tục cấp Giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	111	Để thực hiện thủ tục cấp Giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, Hồ sơ gồm những gì? Quy định về thời gian giải quyết như thế nào?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 02, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản sao văn bản thỏa thuận với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (3) 01 bản sao hộ chiếu và văn bản nhận xét của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài); (4) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép phải có văn	

				bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
05	Thủ tục cấp Giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	112	Hồ sơ của thủ tục cấp Giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp phép ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (<i>Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang; (3) 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm công diễn lần đầu; (4) 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật); (5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	

				lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
06	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	113	Hồ sơ của thủ tục cấp Giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi (<i>Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP</i>); (2) 01 đề án tổ chức cuộc thi; (3) 01 văn bản chấp thuận địa Điểm đăng cai tổ chức vòng chung kết cuộc thi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan cấp phép (không áp dụng đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu cấp tỉnh); (4) 01 bản sao chứng thực hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức Việt Nam với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật, đối với cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế tổ chức tại Việt Nam); (5) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
07	Thủ tục chấp thuận địa điểm	114	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp	Đối tượng tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế; người đẹp, người mẫu toàn quốc; người đẹp, người mẫu phạm vi vùng,	

	đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu		giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương thì phải đến đâu?	ngành, đoàn thể Trung ương đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.	
		115	Hồ sơ gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) 01 đơn đề nghị (<i>Mẫu 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL</i>); (2) Đề án tổ chức cuộc thi; (3) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có nhiệm vụ trình và Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm ban hành văn bản chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
IV.	CỤC DI SẢN VĂN HÓA (Từ câu 116 - 142)				
01	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	116	Trình tự thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được quy định như thế nào?	* Trình tự, thủ tục đăng ký: 1. Chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia gửi một (01) đơn đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (<i>Mẫu phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư 07/2004/TT-BVHTT</i>) tới Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi sở tại bằng	

				cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. 2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký. 3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (mẫu phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT) cho chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”.	
		117	Thời hạn giải quyết thủ tục này quy định trong bao nhiêu ngày?	* Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký. 2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (<i>Mẫu phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT</i>) cho chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	
02	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước	118	Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở	* Trình tự thực hiện: 1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài xin nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể gửi hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể	

	ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương		nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương được quy định như thế nào?	thao tỉnh/thành phố. 2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét cấp phép. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
		119	Thành phần hồ sơ của thủ tục này gồm những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (<i>Mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP</i>); (2) Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (<i>Mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP</i>).	
03	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	120	Muốn thực hiện thủ tục này tôi phải nộp hồ sơ ở đâu?	Tổ chức, cá nhân có yêu cầu xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố nơi đặt trụ sở bảo tàng.	
		121	Thành phần hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập bao	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (<i>Mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP</i>); (2) Đề án hoạt động bảo tàng (<i>Mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP</i>).	

			gồm những giấy tờ gì? Thời hạn giải quyết là bao nhiêu ngày?	* Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
04	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	122	Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập bao gồm những gì? Nộp hồ sơ tại đâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (<i>Mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012</i>); (2) Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố nơi đặt trụ sở bảo tàng.	
05	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	123	Trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp quy định như thế nào?	Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: 1. Tổ chức xin cấp giấy phép khai quật khẩn cấp gửi 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao địa phương nơi có địa điểm khảo cổ cần khai quật khẩn cấp. 2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp	

			giấy phép khai quật khẩn cấp. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép khai quật khẩn cấp và báo cáo ngay cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thời hạn cấp giấy phép khai quật khẩn cấp không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; trường hợp không cấp giấy phép, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
		124	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai quật khẩn cấp bao gồm những thành phần nào?	Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 quy định: *Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị cấp phép khai quật khẩn cấp của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ (<i>Phụ lục 3 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL</i>); (2) Sơ đồ tỉ lệ 1:500, thể hiện rõ vị trí, diện tích địa điểm khảo cổ cần khai quật khẩn cấp; (3) Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của tổ chức phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có).
		125	Người chủ trì cuộc thăm dò, khai quật khảo cổ phải đáp ứng những điều kiện nào?	Luật Di sản văn hóa quy định người chủ trì cuộc thăm dò, khai quật khảo cổ phải có các điều kiện sau đây: 1. Có bằng cử nhân chuyên ngành khảo cổ học hoặc bằng cử nhân chuyên ngành khác có liên quan đến khảo cổ học; 2. Có ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác khảo cổ; 3. Được tổ chức xin phép thăm dò, khai quật khảo cổ đề nghị bằng văn bản với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp cần thay đổi người chủ trì thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

06	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	126	Trình tự thực hiện thủ tục này như thế nào?	Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ quy định: 1. Chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố. 2. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xét cấp chứng chỉ. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
		127	Thành phần hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia bao gồm những giấy tờ gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (<i>Mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP</i>); (2) Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan; (3) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.	
07	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	128	Thành phần hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích được quy định như thế nào?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (<i>Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL</i>); (2) Hồ sơ hiện vật, gồm: + Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL</i>); + Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ	

				9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số; + Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa); + Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật; + Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL.	
08	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	129	Bản thuyết minh và mẫu đơn của thủ tục này được quy định như thế nào?	1. Bản thuyết minh về hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL</i>). 2. Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (<i>Mẫu số 2b ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL</i>).	
		130	Thời hạn giải quyết của thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp	Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. 2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao quyết	

			pháp hiện vật được quy định như thế nào?	định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. 5. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. 6. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.	
09	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	131	Trình tự thực hiện của thủ tục này được quy định như thế nào?	Điều 6, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định: 1. Cơ sở kinh doanh giám định cổ vật nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi cơ sở kinh doanh giám định có trụ sở trên địa bàn.	

				2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
		132	Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật bao gồm những giấy tờ gì?	Điều 6, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP</i>); (2) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý; (3) Danh sách kèm theo lý lịch khoa học (<i>Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP</i>) và bản sao văn bằng, chứng chỉ của các chuyên gia; (4) Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia; (5) Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định.	
10	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	133	Muốn thực hiện thủ tục này thì tôi phải nộp hồ sơ tại đâu?	Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: Khi bị mất, bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã	

				cấp, cơ sở kinh doanh giám định cổ vật nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi cơ sở kinh doanh giám định có trụ sở trên địa bàn (Sở đã cấp Giấy chứng nhận) để đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	
		134	Thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật tiến hành trong bao lâu?	Điểm b, khoản 2, Điều 7 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định: * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	135	Thành phần hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích bao gồm những giấy tờ gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP</i>); (2) Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề; (3) Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích; (4) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp.	

		136	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục này gồm những gì?	Điều 9, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định yêu cầu, điều kiện sau: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân khi đáp ứng các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thể sau: 1. Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích: a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng; b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích: a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng; b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích: a) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng; b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 4. Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích: a) Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình; b) Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành	137	Thời hạn giải quyết thủ tục cấp	Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định:	

	nghề tu bổ di tích		lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích được quy định như thế nào?	* Thời hạn giải quyết: 1. Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 2. Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.	
		138	Đề nghị cho biết mẫu Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích?	Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (<i>Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ</i>).	
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	139	Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích bao gồm những thành phần nào?	Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ được bổ sung, sửa đổi tại Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ quy định: * Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề: - Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.	

				- Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích. - Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích. - Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích. (3) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.	
14	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	140	Trình tự thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích được quy định như thế nào?	Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định: * Trình tự thực hiện: 1. Tổ chức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao (Sở đã cấp Giấy chứng nhận). 2. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.	
		141	Thời hạn giải quyết thủ tục cấp	Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định:	

			lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích được quy định trong bao lâu?	* Thời hạn giải quyết: 1. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 2. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.	
		142	Để thực hiện thủ tục này cần những yêu cầu, điều kiện gì?	Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: 1. Bổ sung nội dung hành nghề; 2. Hết hạn sử dụng; 3. Bị mất hoặc bị hỏng.	
V.	CỤC ĐIỆN ẢNH (Từ câu 143 - 148)				
01	Thủ tục cấp Giấy phép phổ biến phim (- Phim truyện do cơ sở điện ảnh trong cả nước sản xuất hoặc nhập khẩu)	143	Thủ tục cấp Giấy phép phổ biến phim được quy định tại những văn bản nào?	1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006. 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009. 3. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009. 4. Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ	

	(trừ trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép theo khoản 3 Điều 18 Nghị định số 54/2010/NĐ-CP); - Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc Trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Phim được sản xuất từ việc hợp tác, cung cấp dịch vụ sản xuất, liên doanh sản xuất với tổ chức, cá nhân nước ngoài)			Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.	
		144	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận bản quyền phim. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.	
02	Thủ tục cấp	145	TTHC này được	1. Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ	

	Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)		quy định tại những văn bản nào?	Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim. 2. Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim.	
		146	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận bản quyền phim. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.	
03	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu - Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu. - Cấp giấy phép	147	Thủ tục này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/6/2006. 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 39/2009/QH12 ngày 18/6/2009. 3. Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 4. Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL.	
		148	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đăng ký xét duyệt nội dung tác phẩm (<i>Mẫu 03 tại Phụ lục</i>	

	phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến.		quyết trong bao lâu?	<i>II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL);</i> (2) Văn bản chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tác phẩm hoặc sản phẩm; (3) Tác phẩm đề nghị xét duyệt nội dung để nhập khẩu; (4) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
VI.	CỤC MỸ THUẬT NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM (Từ câu 149 - 175)				
01	Thủ tục thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	149	Tôi muốn làm tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật thì phải đến đâu nộp hồ sơ?	Tổ chức, cá nhân tổ chức thi, sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy mô cấp tỉnh gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ thông báo đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức cuộc thi.	

		150	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. 2. Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	
		151	Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đề án tổ chức cuộc thi: - Tên hoặc chủ đề cuộc thi; - Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi; - Cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng (nếu có giải thưởng); - Trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, người dự thi; - Thành phần Ban Chỉ đạo (nếu có), Ban Tổ chức, Hội đồng nghệ thuật hoặc Ban giám khảo; - Nguồn kinh phí tổ chức cuộc thi; - Mẫu phiếu đăng ký tham dự cuộc thi. (2) Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thỏa thuận giữa các bên. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời, trường hợp không đồng ý nêu rõ lý do.	
02	Thủ tục cấp Giấy phép triển	152	Tôi đã được cấp giấy phép triển lãm	Sau khi được cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (<i>Mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>) nếu có thay đổi về nội	

	lãm mỹ thuật		mỹ thuật nhưng có một số thay đổi về nội dung, thời gian, địa điểm ... thì tôi có phải xin cấp phép lại không?	dung, thời gian, địa điểm, thiết kế trưng bày triển lãm thì tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm phải làm lại thủ tục xin cấp giấy phép.	
		153	Thẩm quyền cấp giấy phép triển lãm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép đối với: 1. Triển lãm mỹ thuật tại địa phương do cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức; 2. Đưa tác phẩm mỹ thuật Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.	
		154	Thành phần hồ sơ của thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác; (3) Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10x15 cm. Riêng đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch; (4) Đối với triển lãm ngoài trời được tổ chức tại Việt Nam phải có văn bản của chủ địa điểm triển lãm cam kết đảm bảo các điều kiện	

				về trật tự, an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ; (5) Đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm, ngoài đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>) và hồ sơ quy định tại các Điểm b và c Khoản này phải kèm theo giấy mời hoặc văn bản thoả thuận của đối tác nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
03	Thủ tục cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	155	Việc sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ phải thực hiện theo những quy định nào?	1. Việc sao chép tác phẩm mỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. 2. Đối với sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc đặt ở nơi công cộng phải được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép, trừ trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại Chương IV Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; 3. Tổ chức, cá nhân hành nghề sao chép, trưng bày tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ phải bảo đảm sự tôn kính.	
		156	Thành phần hồ sơ của thủ tục này yêu cầu những gì?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị (<i>Mẫu số 5 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>);	

			Thời hạn giải quyết quy định như thế nào?	(2) Ảnh màu kích thước 18 x 24cm chụp bản mẫu và bản sao; (3) Hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện). * Thời hạn giải quyết: Trong 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	
04	Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	157	Việc chỉ đạo nghệ thuật tượng đài, tranh hoành tráng được quy định như thế nào?	1. Công trình tượng đài, tranh hoành tráng trong quá trình thi công phần mỹ thuật phải có người chỉ đạo nghệ thuật; 2. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của người chỉ đạo nghệ thuật: - Là tác giả, nhà điêu khắc, họa sỹ có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm xây dựng từ 02 công trình tượng đài, tranh hoành tráng trở lên; - Kiểm tra, hướng dẫn, góp ý về quy trình, biện pháp, giải pháp nghệ thuật, đảm bảo các bước thể hiện đúng với mẫu phác thảo được duyệt và những góp ý chỉnh sửa nâng cao của Hội đồng nghệ thuật.	
		158	Đối với việc cấp phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng nào, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xin ý kiến bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cấp phép xây dựng đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng sau: 1. Công trình tượng đài, tranh hoành tráng cấp quốc gia;	

			phải xin ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch?	2. Công trình tượng đài, tranh hoành tráng về Chủ tịch Hồ Chí Minh; 3. Công trình tượng đài, tranh hoành tráng xây dựng trong khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được Nhà nước xếp hạng.	
		159	Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 7 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>); (2) Quyết định chọn mẫu phác thảo bước 2 của hai cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, kèm theo ảnh, phác thảo chụp 4 mặt cỡ ảnh 18 x 24cm có kèm theo chú thích. (3) Các thành phần hồ sơ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 7 ngày làm việc hoặc trong thời hạn 20 ngày với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	
05	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	160	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (<i>Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP</i>); (2) Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Thê lệ. * Thời hạn giải quyết:	

				Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	
06	Thủ tục cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	161	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2016.	
		162	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng); (3) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18cm; (4) Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm; (5) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khoa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	

				Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh phải làm lại thủ tục xin cấp phép.	
07	Thủ tục cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	163	Tôi muốn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam thì phải đến đâu nộp hồ sơ?	Tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
		164	Thủ tục này yêu cầu hồ sơ gồm những gì? Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì sau bao nhiêu ngày tôi được cấp giấy phép?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (<i>Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng); (3) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18cm hoặc ghi vào đĩa CD; (4) Thư mời, thông báo, sách ảnh (nếu có), văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt; (5) Đối với tác phẩm nhiếp ảnh khỏa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm. * Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	

				Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm phải làm lại thủ tục xin cấp phép.	
08	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	165	Để thực hiện thủ tục này, hồ sơ yêu cầu những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu: tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (3) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10 x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số; (4) Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm; (5) Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến). * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao) gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc	

				điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) có văn bản trả lời.	
09	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	166	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại thì phải đến đâu nộp hồ sơ?	Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài có nhu cầu tổ chức triển lãm tại địa phương không vì mục đích thương mại nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến của Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao).	
		167	Thành phần hồ sơ	* Thành phần hồ sơ, gồm:	

		thực hiện thủ tục này gồm những gì? thời gian thực hiện trong bao lâu?	(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (2) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu: tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (3) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10 x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số; (4) Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm; (5) Hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến); (6) Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ. * Thời hạn giải quyết: 1 Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	
--	--	---	---	--

				được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) có văn bản trả lời.	
10	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	168	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Giấy phép đã được cấp; (2) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (3) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu: tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (4) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10 x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số. * Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ	

				hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) có văn bản trả lời.	
11	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	169	Thủ tục này yêu cầu thành phần hồ sơ như thế nào? Thời hạn giải quyết quy định trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Giấy phép đã được cấp; (2) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>); (3) Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo); (4) Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10 x 15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.	

				* Thời hạn giải quyết: 1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. 3. Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) có văn bản trả lời.	
12	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại	170	Đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định thì thời hạn xử lý hồ sơ quy định trong bao lâu?	Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP quy định: Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du	

	địa phương không vì mục đích thương mại			lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo.	
		171	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC gồm những gì? thời gian thực hiện trong bao lâu?	* Thành phần hồ sơ, gồm: Thông báo tổ chức triển lãm (<i>Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP</i>). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo.	
13	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh	172	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL.	
		173	Hồ sơ của thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh gồm những gì? Thời hạn giải quyết quy	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị của Thương nhân nhập khẩu (<i>Mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL</i>); (2) Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung hồ sơ đầy đủ hợp lệ.	

			định như thế nào?	2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
14	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm là tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh không nhằm mục đích kinh doanh	174	Văn bản quy phạm pháp luật nào quy định việc thực hiện thủ tục này?	1. Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. 2. Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP. 3. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL.	
		175	Thành phần hồ sơ của thủ tục gồm những gì? Thời hạn giải quyết được quy định như thế nào?	* Thành phần hồ sơ, gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (<i>Mẫu 03 (BM.NK) ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy ủy quyền; (3) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép. Trường hợp xin ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan, thời hạn cấp phép có thể kéo dài không quá 10 ngày làm việc.	
VII.	CỤC VĂN HÓA CƠ SỞ (Từ câu 176 - 207)				
Cấp tỉnh					

01	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	176	Tôi muốn thực hiện thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội thì phải đến đâu?	Để thực hiện thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố nơi tổ chức lễ hội.	
		177	Hồ sơ của thủ tục này gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội gồm: (1) Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời; (2) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường; (3) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (4) Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống). * Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
02	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	178	Ban tổ chức lễ hội có trách nhiệm như thế nào trong việc tổ chức lễ hội?	Theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, Ban tổ chức lễ hội thực hiện trách nhiệm sau: 1. Ban hành, phổ biến quy chế làm việc và phân công trách nhiệm của các thành viên Ban tổ chức lễ hội; nội quy thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội; 2. Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa, giá trị của lễ hội trên hệ thống loa phát thanh, bảng, biển và các hình thức tuyên truyền khác; thông báo số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của người tham gia lễ hội; 3. Xây dựng và triển khai phương án bảo đảm an ninh trật tự, an	

			toàn xã hội, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; 4. Quy định khu vực vui chơi giải trí và khu vực tổ chức các hoạt động dịch vụ, bảo đảm không lấn chiếm khuôn viên di tích; treo, đặt bảng phổ biến nội dung, biển hướng dẫn ở vị trí phù hợp, thuận tiện cho việc tiếp nhận thông tin của người tham gia lễ hội; 5. Yêu cầu người cung ứng dịch vụ, hàng hóa tại khu vực lễ hội phải niêm yết công khai và bán đúng giá niêm yết; không chèo kéo và ép giá; không bày bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc; không bày bán động vật quý hiếm, các thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định của pháp luật; 6. Không bán vé, thu tiền tham dự lễ hội; hướng dẫn việc đặt tiền lễ đúng nơi quy định; quản lý và sử dụng nguồn thu từ hoạt động lễ hội hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng mục đích.	
	179	Lễ hội nào phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tổ chức?	Lễ hội phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tổ chức gồm: 1. Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp tỉnh được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên. 2. Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có nhiều huyện thuộc một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp tỉnh) được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên.	
	180	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao	* Hồ sơ thông báo tổ chức lễ hội gồm: Văn bản Thông báo tổ chức lễ hội Nội dung Văn bản Thông báo tổ chức lễ hội: tên lễ hội, sự cần thiết	

			lâu?	tổ chức lễ hội; dự kiến thành phần, số lượng khách mời; Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
03	Thủ tục cấp phép kinh doanh vũ trường	181	Tôi muốn thực hiện thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường thì phải đến đâu?	Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân kinh doanh vũ trường phải đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao sở tại làm hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.	
		182	TTHC cấp giấy phép kinh doanh vũ trường được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế hoạt động và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng. 2. Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 9/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. 4. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
		183	Hồ sơ cấp giấy	* Hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh vũ trường gồm:	

			phép kinh doanh vũ trường gồm những gì? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường; (2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm xem xét, kiểm tra điều kiện kinh doanh thực tế và cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
04	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh karaoke	184	Tôi muốn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh karaoke thì phải đến đâu làm thủ tục?	Tổ chức, cá nhân kinh doanh karaoke ngoài cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp có đủ điều kiện theo quy định đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao để làm hồ sơ, thủ tục đăng ký cấp giấy phép kinh doanh.	
		185	Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh karaoke gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu? Việc xin giấy phép kinh doanh vũ trường có phải nộp	* Hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh karaoke gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh karaoke trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh, số phòng, diện tích từng phòng; (2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện). * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	

			phí không?	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. * Lệ phí: Tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định: - Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh vũ trường là 15.000.000 đồng/giấy. - Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh vũ trường là 10.000.000 đồng/giấy.	
05	Thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng rôn quảng cáo	186	TTHC thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng rôn được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng rôn được thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 của Luật Quảng cáo.	
		187	Hồ sơ thực hiện thủ tục này gồm những giấy tờ gì?	Theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Quảng cáo quy định: * Hồ sơ gồm: (1) Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, bảng rôn; (2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo; (3) Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn hợp quy của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ	

				chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật Quảng cáo; (4) Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội; (5) Ma kết sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức; (6) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với bảng rôn; (7) Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo; (8) Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Quảng cáo.	
06	Thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo đoàn người	188	Tôi muốn thực hiện thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo bằng đoàn người thực hiện quảng cáo thì phải thực hiện ở đâu?	Tổ chức, cá nhân muốn thực hiện thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo đoàn người nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố nơi thực hiện quảng cáo.	
		189	Hồ sơ bao gồm những gì? Thời	* Hồ sơ gồm: Tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo phải thông báo bằng văn bản	

			hạn giải quyết thủ tục trong bao lâu? Kết quả giải quyết?	đến cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo tại địa phương. Văn bản này phải nêu rõ: nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo; số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo; thời gian và lộ trình thực hiện. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. * Kết quả giải quyết: Nếu không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện quảng cáo theo nội dung đã thông báo.	
Cấp huyện					
07	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	190	Tôi muốn thực hiện thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội thì phải đến đâu?	Để thực hiện TTHC thông báo tổ chức lễ hội, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi tổ chức lễ hội.	
		191	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.	
		192	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ đăng ký tổ chức lễ hội gồm: (1) Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời; (2) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống	

				cháy nổ, bảo vệ môi trường; (3) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (4) Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống). * Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .	
08	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	193	Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyền yêu cầu bằng văn bản tạm ngừng tổ chức lễ hội trong các trường hợp nào?	Việc tổ chức lễ hội sẽ bị yêu cầu tạm ngừng bằng văn bản trong các trường hợp sau: 1. Tổ chức lễ hội sai lệch nội dung, giá trị của lễ hội; 2. Tổ chức lễ hội gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội; vi phạm các quy định về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường gây hậu quả nghiêm trọng; gây cháy nổ, làm chết người; 3. Xảy ra thiên tai, dịch bệnh có ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội ở địa phương; 4. Có hoạt động phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt về giá trị di sản, truyền thống của lễ hội gây hoang mang trong nhân dân.	
		194	Lễ hội nào cần phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tổ chức?	Lễ hội phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tổ chức gồm: 1. Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp huyện được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn 02 năm trở lên. 2. Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có nhiều xã thuộc một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương tham gia tổ chức (sau đây	

				gọi là lễ hội cấp huyện) được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên. 3. Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề cấp xã được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn 02 năm trở lên. 4. Lễ hội truyền thống cấp huyện, cấp xã được tổ chức hàng năm nhưng có thay đổi về cách thức tổ chức, nội dung, địa điểm so với truyền thống.	
		195	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ thông báo tổ chức lễ hội gồm: Văn bản Thông báo tổ chức lễ hội Nội dung Văn bản Thông báo tổ chức lễ hội: tên lễ hội, sự cần thiết tổ chức lễ hội; dự kiến thành phần, số lượng khách mời; Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. * Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
09	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa	196	Các trường hợp nào không được xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa?	Các trường hợp không xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa: Khu dân cư vi phạm một trong các trường hợp sau: 1. Có khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. 2. Có điểm, tụ điểm ma túy, mại dâm. 3. Có hoạt động lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật.	
		197	Trình tự xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa được	Trình tự xét tặng: 1. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ bản đăng ký tham gia thi đua và bảng tự đánh giá của khu dân cư để tổng hợp danh sách khu dân cư	

			quy định như thế nào? đủ điều kiện bình xét. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập cuộc họp bình xét, thành phần gồm: a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, đại diện các đoàn thể cấp xã và Trưởng ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; b) Đại diện khu dân cư trong danh sách được bình xét. 3. Tổ chức cuộc họp bình xét: a) Cuộc họp được tiến hành khi đạt 60% trở lên số người được triệu tập tham dự; b) Hình thức bình xét: Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết; c) Kết quả bình xét: Khu dân cư được đề nghị tặng danh hiệu văn hóa và Giấy công nhận khi có từ 60% trở lên thành viên dự họp đồng ý. 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả cuộc họp bình xét, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu và Giấy công nhận Khu dân cư văn hóa.	
		198	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu? * Hồ sơ xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa gồm: (1) Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp xã; (2) Bản đăng ký tham gia xây dựng danh hiệu Khu dân cư văn hóa; Bảng tự đánh giá thực hiện tiêu chí bình xét Khu dân cư văn hóa (có	

				các biểu mẫu ban hành theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP); (3) Biên bản họp bình xét danh hiệu Khu dân cư văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp xã (có biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP). * Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
10	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	199	TTHC này được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.	
		200	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa gồm: (1) Văn bản đề nghị tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp xã (kèm theo Danh sách các khu dân cư đủ điều kiện); (2) Bản sao Quyết định tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa trong 05 năm liên tục; (3) Biên bản họp xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp xã (có biểu mẫu ban hành theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP). * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng	

				thi đua - khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa.	
11	Thủ tục cấp phép kinh doanh karaoke (thẩm quyền cấp huyện)	201	Để thực hiện thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke, cần những điều kiện gì?	1. Phòng karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng, chống cháy nổ; 2. Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
		202	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật nào?	1. Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế hoạt động và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng. 2. Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 9/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 3. Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. 4. Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
		203	Hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh karaoke gồm những gì? Thời	* Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh, số phòng, diện tích từng phòng; (2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ giấy chứng	

			gian thực hiện trong bao lâu?	nhận đăng ký hộ kinh doanh. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp huyện được phân cấp có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
Cấp xã					
12	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	204	Danh hiệu Gia đình văn hóa được thực hiện theo trình tự nào?	Trình tự xét tặng: 1. Trưởng khu dân cư căn cứ vào Bản đăng ký tham gia thi đua và bảng tự đánh giá của hộ gia đình để tổng hợp danh sách gia đình đủ điều kiện bình xét. 2. Trưởng khu dân cư triệu tập cuộc họp bình xét, tổ chức chấm điểm theo thang điểm, thành phần gồm: a) Cấp ủy, Trưởng khu dân cư, Trưởng ban Công tác Mặt trận, đại diện các ngành, tổ chức đoàn thể; b) Đại diện hộ gia đình trong danh sách được bình xét. 3. Tổ chức cuộc họp bình xét: a) Cuộc họp được tiến hành khi đạt 60% trở lên số người được triệu tập tham dự; b) Hình thức bình xét: Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết; c) Kết quả bình xét: Các gia đình được đề nghị tặng danh hiệu Gia đình văn hóa khi có từ 60% trở lên thành viên dự họp đồng ý. 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả cuộc họp bình xét, Trưởng khu dân cư lập hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp	

				xã quyết định. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm.	
		205	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa gồm: (1) Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa của Trưởng thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố; (2) Bản đăng ký tham gia thi đua xây dựng danh hiệu Gia đình văn hóa của hộ gia đình; Bảng tự đánh giá thực hiện tiêu chí bình xét Gia đình văn hóa (có các biểu mẫu ban hành theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP); (3) Biên bản họp bình xét ở khu dân cư (<i>Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP</i>). * Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
13	Thủ tục xét tặng Giấy khen gia đình văn hóa	206	Trình tự thực hiện thủ tục xét tặng Giấy khen gia đình văn hóa được quy định như thế nào?	Trình tự tặng Giấy khen Gia đình văn hóa: 1. Trưởng khu dân cư tổng hợp danh sách các hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa đủ điều kiện tặng Giấy khen Gia đình văn hóa. 2. Trưởng khu dân cư triệu tập cuộc họp bình xét, thành phần gồm: a) Cấp ủy, Trưởng khu dân cư, Trưởng ban Công tác Mặt trận, đại diện các ngành, các tổ chức đoàn thể; b) Đại diện hộ gia đình trong danh sách được bình xét. 3. Tổ chức cuộc họp bình xét: a) Cuộc họp được tiến hành khi đạt 60% trở lên số người được triệu	

			tập tham dự; b) Hình thức bình xét: Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết; c) Kết quả: Các gia đình được đề nghị tặng Giấy khen Gia đình văn hóa khi có từ 60% trở lên thành viên dự họp đồng ý. Trong trường hợp số lượng gia đình được đề nghị tặng Giấy khen vượt quá 15% tổng số gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa 3 năm liên tục thì căn cứ số phiếu đồng ý, lấy từ cao xuống thấp. 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả cuộc họp bình xét, Trưởng khu dân cư lập hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tặng Giấy khen, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định tặng Giấy khen Gia đình văn hóa.	
	207	Hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	* Hồ sơ xét tặng giấy khen gia đình văn hóa gồm: (1) Văn bản đề nghị tặng Giấy khen Gia đình văn hóa của Trưởng Khu dân cư (kèm theo danh sách hộ gia đình đủ tiêu chuẩn); (2) Bản sao Quyết định công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa của các hộ gia đình trong 03 năm liên tục; (3) Biên bản họp xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa của khu dân cư (<i>Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP</i>). * Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
VIII.	VỤ GIA ĐÌNH (Từ câu 208 - 249)			
Cấp tỉnh				

01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	208	Tôi muốn thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Tôi muốn hỏi các điều kiện để thực hiện được các TTHC xin đăng ký thành lập cơ sở trên?	* Điều kiện thực hiện thủ tục: 1. Có trụ sở cố định, có nguồn kinh phí để đảm bảo hoạt động của cơ sở; 2. Người đứng đầu cơ sở có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc các trường hợp đang trong thời gian chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án hoặc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở chữa bệnh, đưa vào cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; 3. Có nhân viên tư vấn và người làm việc tại cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP, gồm các tiêu chuẩn: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt; b. Có chứng chỉ nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình. c. Người làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình phải được tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình. 4. Cơ sở có diện tích tối thiểu là 30m², có phòng được bố trí là nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình, đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, môi trường. Trên đây là những điều kiện cơ bản. Tùy vào điều kiện thực tiễn của địa phương mà có những thay đổi nhất định về nguồn kinh phí để đảm bảo hoạt động của cơ sở.	
		209	Hồ sơ đăng ký thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình gồm	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (<i>Mẫu số M4b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-</i>	

		những giấy tờ, văn bản gì và phải làm bao nhiêu bộ hồ sơ?	<i>BVHTTDL</i>); (2) Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau: - Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của nạn nhân bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. (3) Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở hoạt động đặt trên địa bàn; (4) Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có).	
--	--	---	---	--

02	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của			(5) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu; (6) Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản photo Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (có đối chiếu với bản chính). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc. * Số lượng hồ sơ: 02 bộ. Trong đó: - 01 bộ nộp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao. - 01 bộ lưu tại cơ sở.	
		210	Tôi phải nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tại đâu? Thời hạn giải quyết là bao lâu?	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh/thành phố. - Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (ngày tiếp nhận văn bản trực tiếp hoặc ngày nhận văn bản tính theo dấu bưu điện).	
		211	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (<i>Mẫu số M8 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>);	

	cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình		gia đình của cơ sở tôi bị rách nát, tôi muốn làm thủ tục để cấp lại. Tôi cần chuẩn bị hồ sơ gồm những gì?	(2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng); (3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).	
		212	Tôi đã nộp đầy đủ hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, sau bao lâu thì tôi có kết quả. Nếu đơn đề nghị của tôi không được chấp thuận, tôi có được thông báo không?	* Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (ngày tiếp nhận văn bản trực tiếp hoặc ngày nhận văn bản tính theo dấu bưu điện). Nếu hồ sơ thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình không được chấp thuận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố nơi đăng ký phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
03	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	213	Trường hợp nào cần phải đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình? Nếu đổi, tôi	- Trường hợp cần phải đổi giấy chứng nhận cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình là: những cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, có sự thay đổi về tên gọi, địa chỉ đặt trụ sở, người đứng đầu, nội dung hoạt động theo Hồ sơ đăng ký thành lập cơ sở đã được cấp. - Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở	

			cần đi tới đâu để thực hiện thủ tục này?	Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh/thành phố nơi đặt trụ sở.	
		214	Hồ sơ TTHC đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình gồm những gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (<i>Mẫu M8a1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở; (3) Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động); (4) Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).	
04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	215	Tôi muốn thành lập cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Vậy tôi phải chuẩn bị những văn bản, giấy tờ gì trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (<i>Mẫu số M4a ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL</i>); (2) Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau: - Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của người gây bạo lực gia đình khi được	

			tiếp nhận vào cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình; - Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. (3) Xác nhận bằng văn bản của UBND xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính hoạt động đặt trên địa bàn; (4) Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có). (5) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu; (6) Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo photo Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc.	
		216	Tôi muốn nộp hồ sơ cấp Giấy * Trình tự thực hiện: 1. Hồ sơ thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	

		chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, tôi phải nộp hồ sơ này ở đâu, trình tự như thế nào?	của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố nơi đặt trụ sở của cơ sở tư vấn trên. 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi có kết quả thẩm định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao hoàn thiện hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
	217	Tôi phải nộp bao nhiêu bộ hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình và thủ tục này	* Số bộ hồ sơ cần phải nộp: 02 bộ trong đó: + 01 bộ nộp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao. + 01 bộ lưu tại cơ sở. * Quy định tại các văn bản: 1. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.	

			được quy định tại văn bản nào?	2. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình; 3. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL. 4. Quyết định số 5153/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2012 quyết định về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ VHTTDL. 5. Quyết định số 4387/QĐ-BVHTTDL ngày 16/12/2013 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2013 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
05	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	218	Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình gồm những văn bản, giấy tờ gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (<i>Mẫu M8a ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hỏng); (3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).	
		219	Thời gian đề nghị	* Thời hạn giải quyết:	

			cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình bao nhiêu lâu?	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Nếu không được cấp lại, cơ quan chức năng nhận và xử lý hồ sơ là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không được cấp lại.	
06	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	220	Trong trường hợp nào tôi phải đi đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình?	Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phải làm thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau: Có sự thay đổi về tên gọi, địa chỉ đặt trụ sở, người đứng đầu, nội dung hoạt động thì nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố.	
		221	Tôi muốn đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, tôi phải chuẩn bị hồ sơ như thế nào?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (<i>Mẫu M8a1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở; (3) Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động); (4) Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).	
		222	Tôi đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị đổi giấy chứng nhận	1. Nơi thực hiện đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình: Hồ sơ sau khi hoàn thiện sẽ được gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Văn	

			đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, tôi phải nộp ở đâu và trình tự thực hiện như thế nào?	hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành nơi cơ sở tư vấn đặt trụ sở. Cơ quan sẽ tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì phải có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Trường hợp từ chối đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. * Kết quả thực hiện TTHC: 1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. 2. Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt (trường hợp Quy chế hoạt động được sửa đổi, bổ sung).	
07	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	223	Tôi đã tham gia khóa đào tạo tập huấn về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình và muốn xin vào làm ở cơ	1. Nơi thực hiện TTHC cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố nơi bạn sinh sống. 2. Trình tự thực hiện TTHC cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình gồm các bước sau: + Định kỳ hằng năm hoặc trên cơ sở căn cứ vào số lượng người	

			sở chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình nhưng họ yêu cầu cần phải có giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình. Tôi phải thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận này ở đâu, trình tự như thế nào?	đăng ký thi lấy Chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; Chứng chỉ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao thông báo ít nhất trên một tờ báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp về việc tổ chức thi và lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc về phòng, chống bạo lực gia đình. + Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao thành lập hội đồng thi và đánh giá kết quả thi. + Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình gửi hồ sơ đăng ký tham dự kỳ thi tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao để tham gia kỳ thi do Sở tổ chức. + Phòng chuyên môn lập danh sách những người có điểm thi đạt yêu cầu đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình. + Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, người dự kiểm tra có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.	
		224	Hồ sơ đề nghị tham dự kỳ thi cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đăng ký tham dự kiểm tra; (2) Giấy xác nhận đã qua khóa đào tạo tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình;	

			chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình gồm những văn bản gì?	(3) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan nơi người đăng ký công tác hoặc của UBND cấp xã nơi người đăng ký cư trú; (4) 02 ảnh cỡ 3 x 4cm. Số lượng hồ sơ: Không quy định.	
		225	Tôi phải có những điều kiện gì mới được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình?	Để được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình, bạn phải có đủ các điều kiện sau: 1. Có Giấy chứng nhận đã qua đào tạo, tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; 2. Đạt điểm tối thiểu là 50 điểm trở lên trong thang điểm 100 của mỗi môn thi do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức.	
08	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	226	Tôi muốn được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, tôi phải chuẩn bị hồ sơ gì?	Để được cấp giấy chứng nhận hồ sơ nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, bạn phải chuẩn bị hồ sơ để đăng ký tham dự kỳ thi lấy Chứng nhận nghiệp vụ về tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức. Bạn căn cứ vào Thông báo việc tổ chức thi của Sở được đăng tải ít nhất trong một tờ báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp, chuẩn bị hồ sơ tham dự và gửi tới Sở. * Hồ sơ gồm: (1) Đơn đăng ký tham dự kiểm tra; (2) Giấy xác nhận đã qua khóa đào tạo tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; (3) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan nơi người đó công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú;	

				(4) 02 ảnh cỡ 3 x 4cm.	
		227	Tôi đã biết kết quả thi lấy giấy chứng nhận nghiệp vụ về tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình nhưng chưa đạt. Tôi có thể phúc khảo được không? Thủ tục như thế nào?	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ra thông báo kết quả kiểm tra, bạn có quyền yêu cầu Hội đồng kiểm tra phúc tra hoặc gửi khiếu nại về kết quả kiểm tra tới Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi bạn đăng ký tham dự kỳ thi. - Cơ quan nhận đơn phúc khảo của bạn sẽ có trách nhiệm rà soát, chấm lại bài kiểm tra của bạn và gửi thông báo kết quả chấm phúc tra/khiếu nại tới bạn.	
09	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	228	Tôi muốn được cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình, tôi phải có các điều kiện gì?	* Các điều kiện gồm: 1. Tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức: có phẩm chất đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nhưng đã được xóa án tích; trong quá trình hành nghề phải tuân thủ quy chế hoạt động của cơ sở và các quy định khác của pháp luật. 2. Tiêu chuẩn về kiến thức: - Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên. Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với những nhân viên chăm sóc tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ. - Có chứng chỉ nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình do Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp.	

				3. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm: Có ít nhất 01 năm hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực tư vấn về pháp luật, tâm lý, chăm sóc y tế, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.	
		229	Để được cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình, tôi phải đến đâu để thực hiện thủ tục này? Hồ sơ gồm những gì?	Để được cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình, bạn phải đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi bạn đang sinh sống để thực hiện. * Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên chăm sóc (<i>Mẫu M9a ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp; (3) Giấy xác nhận quá trình công tác hoặc hoạt động trong lĩnh vực tư vấn của cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú; (4) Bản sao chứng thực Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình; (5) 03 ảnh cỡ 3 x 4cm. Số lượng hồ sơ: Không quy định.	
		230	Mất bao nhiêu thời gian để hoàn thành thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình?	* Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình cho người đề nghị. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	

10	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	231	Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình của tôi bị mất, tôi có thể xin cấp lại được không và hồ sơ gồm những gì? Thời hạn giải quyết trong bao lâu?	Bạn có thể làm thủ tục xin cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình của bạn trong trường hợp bị mất thẻ, bị rách hoặc hư hỏng. * Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại thẻ (<i>Mẫu M9a1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Thẻ cũ (trong trường hợp thẻ bị rách hoặc hư hỏng); (3) Bản sao chứng thực Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc. * Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc cho bạn. Trường hợp không cấp lại thẻ, cơ quan chức năng phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do gửi tới bạn theo địa chỉ có trong hồ sơ.	
		232	Tôi phải đến đâu để đề nghị cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình? Tôi có thể gửi qua hệ thống trên mạng internet không?	- Bạn có thể đến nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố nơi bạn sinh sống. - Hiện nay thủ tục này chưa áp dụng mức độ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Do đó chưa thể gửi đăng ký qua mạng internet. Bạn cần nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ sẽ có trách nhiệm thông báo tới người đăng ký các thông tin liên quan đến hồ sơ theo địa chỉ ghi trên hồ sơ.	
11	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên	233	Tôi muốn hỏi điều kiện để cấp thẻ	Điều kiện để cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình:	

	tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình		nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình? Tôi phải đến đâu để thực hiện thủ tục này?	1. Tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nhưng đã được xóa án tích; trong quá trình hành nghề phải tuân thủ quy chế hoạt động của cơ sở và các quy định khác của pháp luật. 2. Tiêu chuẩn về kiến thức: - Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên. Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng đối với những nhân viên tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Có chứng chỉ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình do Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hoá và Thể thao cấp. 3. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm: có ít nhất 01 năm hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực tư vấn về pháp luật, tâm lý, chăm sóc y tế, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận. - Khi có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn trên và có nhu cầu muốn cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình, bạn đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi bạn sinh sống để nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ.	
		234	Hồ sơ đề nghị cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình gồm những văn bản, giấy tờ gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên tư vấn (<i>Mẫu M9b ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp; (3) Giấy xác nhận quá trình công tác hoặc hoạt động trong lĩnh vực tư vấn của cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú;	

				(4) Bản sao chứng thực Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; (5) 03 ảnh cỡ 3 x 4cm.	
12	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	235	Hồ sơ đề nghị gồm những giấy tờ gì? Thời gian giải quyết việc cấp lại thẻ trong bao lâu?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn (<i>Mẫu số M9b1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Thẻ cũ (trong trường hợp thẻ bị rách hoặc hư hỏng); (3) Bản sao chứng thực Giấy Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. * Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm cấp lại Thẻ cho nhân viên tư vấn.	
Cấp huyện					
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	236	Tôi muốn thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình cấp huyện thì tôi phải đến đâu để đăng ký được cấp giấy chứng nhận đăng ký?	Bạn muốn thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình cấp huyện thì chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, đúng quy định đến nộp tại Phòng Văn hóa - Thông tin huyện nơi đặt trụ sở cơ sở tư vấn.	
		237	Tôi muốn hỏi trình tự và thời gian thực hiện thủ	* Trình tự thực hiện: 1. Bạn chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định đến nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Phòng Văn hóa - Thông tin huyện nơi	

			tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình cấp huyện?	đặt trụ sở cơ sở tư vấn. 2. Phòng Văn hóa - Thông tin tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bạn. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi 01 bộ hồ sơ và biên bản thẩm định tới Ủy ban nhân dân cấp huyện. 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận hoạt động thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
		238	Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình cấp huyện gồm những giấy tờ gì? Tôi	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (<i>Mẫu số M4b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL</i>); (2) Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau: - Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;	

		phải làm bao nhiêu bộ?	- Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của nạn nhân bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. (3) Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở hoạt động đặt trên địa bàn; (4) Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có). (5) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu; (6) Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo photo Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ	
--	--	------------------------	--	--

				chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc. * Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó: + 02 bộ nộp cho Phòng Văn hóa - Thông tin. + 01 bộ lưu tại cơ sở.	
14	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình cấp huyện	239	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình gồm những văn bản, giấy tờ gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (<i>Mẫu M8b ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng); (3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất)	
		240	Tôi muốn làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình thì phải nộp hồ sơ ở đâu và bao nhiêu bộ?	- Ông/bà có nhu cầu làm TTHC cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình thì chuẩn bị hồ sơ hợp lệ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở cơ sở hỗ trợ. - Nếu Giấy chứng nhận không được cấp lại thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do tới địa chỉ của ông/bà ghi trong hồ sơ.	

15	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	241	Tôi muốn đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình vì có thay đổi về địa chỉ đăng ký có được không? Nếu được thì Hồ sơ đề nghị đổi gồm những văn bản gì?	Ông/bà có thể đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở nạn nhân bạo lực gia đình đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nếu có sự thay đổi về tên gọi, địa chỉ đặt trụ sở, người đứng đầu, nội dung hoạt động. * Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (<i>Mẫu M8b1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở; (3) Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động); (4) Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).	
		242	Trình tự và thời gian thực hiện TTHC đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình như thế nào?	* Trình tự thực hiện: 1. Phòng Văn hóa - Thông tin tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Văn hóa - Thông tin phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định tới Ủy ban nhân dân cấp huyện. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ và	

				biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. 3. Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt đồng thời với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở. Trường hợp từ chối đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
16	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình cấp huyện	243	Hồ sơ TTHC cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình cấp huyện gồm những thành phần gì?	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (<i>Mẫu số M4a ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL</i>); (2) Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau: - Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của người gây bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình; - Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ	

			nạn nhân bạo lực gia đình. (3) Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính hoạt động đặt trên địa bàn; (4) Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có). (5) Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu; (6) Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản photo Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc.	
		244	Tôi muốn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, * Trình tự thực hiện: 1. Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Phòng Văn hoá - Thông tin nơi đặt trụ sở cơ sở. 2. Phòng Văn hoá - Thông tin tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ.	

			chống bạo lực gia đình cấp huyện thì trình tự thực hiện như thế nào?	* Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhận hồ sơ phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới Ủy ban nhân dân cấp huyện. 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.	
17	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	245	Tôi muốn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì phải đến đâu để thực hiện thủ tục này?	Ông/bà muốn thực hiện TTHC cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì mang hồ sơ hợp lệ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở của cơ sở tư vấn.	
		246	Hồ sơ cấp lại Giấy	* Hồ sơ gồm:	

			chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình gồm những văn bản, giấy tờ gì?	(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (<i>Mẫu M8a ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hỏng); (3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).	
		247	Trình tự thực hiện TTHC cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình như thế nào, mất bao nhiêu thời gian?	* Trình tự thực hiện: 1. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định. 2. Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở cơ sở. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình. Nếu không đồng ý việc cấp lại, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. 2. Cơ sở được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp lại) cho Phòng Văn hoá - Thông tin để theo dõi, quản lý.	
18	Thủ tục đổi Giấy chứng	248	Trình tự để thực hiện TTHC đổi	* Trình tự thực hiện: 1. Hoàn thiện hồ sơ theo quy định gửi bưu điện hoặc gửi trực tiếp	

	nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) và thời hạn giải quyết như thế nào?	đến thì nộp hồ sơ cho Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện nơi đặt trụ sở cơ sở tư vấn. 2. Phòng Văn hóa - Thông tin tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận cho bên nộp hồ sơ. * Thời hạn giải quyết: 1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Văn hóa - Thông tin phải có kết quả thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn cơ sở hoàn thiện hồ sơ, thời hạn có kết quả thẩm định được tính lại từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi có kết quả thẩm định, cơ quan thẩm định phải gửi một bộ hồ sơ và biên bản thẩm định cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tới Ủy ban nhân dân cấp huyện. 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ và biên bản thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. 4. Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt đồng thời với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở. Trường hợp từ chối đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.	
		249	Hồ sơ đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của	* Hồ sơ gồm: (1) Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (<i>Mẫu M8a1 ban hành kèm</i>	

			cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình gồm những gì?	<i>theo Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL</i>); (2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở; (3) Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động); (4) Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có sửa đổi, bổ sung).	
IX.	VỤ THƯ VIỆN (Từ câu 250 - 258)				
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có số bản sách ban đầu: - Từ 500 đến dưới 1.000 bản. - Từ 1.000 đến dưới 2.000 bản. - Từ 2.000 bản trở lên.	250	Thành lập thư viện tư nhân phục vụ người dân trên địa bàn không vì mục đích lợi nhuận có cần xin giấy phép không? Quy định tại văn bản nào?	1. Tổ chức, cá nhân người Việt Nam đáp ứng đủ quy định luật định có quyền thành lập thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và thực hiện việc đăng ký hoạt động thư viện theo quy định tại Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2. Việc thành lập thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài không vì mục đích lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018).	
		251	Nhằm chia sẻ với bà con và giúp mọi người trên địa bàn có điều kiện tiếp cận sách, tác phẩm	Thư viện tư nhân là cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập trong lĩnh vực thư viện, do một hoặc một nhóm người thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và hoạt động theo quy định của pháp luật. Nhà nước khuyến khích việc thành lập thư viện tư nhân, coi trọng và đối xử bình đẳng đối với	

			văn học từ nguồn sách huy động được, chúng tôi muốn thành lập và mở cửa thư viện để phục vụ cộng đồng. Đề nghị cho biết các điều kiện để thành lập thư viện tư nhân hiện được quy định như thế nào?	các sản phẩm và dịch vụ của thư viện tư nhân. Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng được thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây: 1. Thư viện phải có vốn tài liệu ban đầu về một hay nhiều môn loại tri thức khoa học với số lượng ít nhất là 500 bản sách và 1 tên ấn phẩm định kỳ, được xử lý theo quy tắc nghiệp vụ thư viện. 2. Có diện tích đáp ứng yêu cầu về bảo quản vốn tài liệu và phục vụ công chúng với số lượng chỗ ngồi đọc ít nhất 10 chỗ, không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông; đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan văn hóa. 3. Có đủ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và các trang thiết bị chuyên dùng ban đầu như giá, tủ để tài liệu; bàn, ghế cho người đọc; hộp mục lục hoặc bản danh mục vốn tài liệu thư viện để phục vụ tra cứu; tùy điều kiện cụ thể của thư viện có thể có các trang thiết bị hiện đại khác như máy tính, các thiết bị viễn thông. 4. Người đứng tên thành lập và làm việc trong thư viện: a) Người đứng tên thành lập thư viện phải có quốc tịch Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên; có đầy đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi; am hiểu về sách báo và lĩnh vực thư viện. b) Người làm việc trong thư viện: tùy theo quy mô của thư viện, người làm việc trong thư viện phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên và được bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ thư viện.	
		252	Người khuyết tật có được thành lập	Việc thành lập thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng không nhằm mục đích kinh doanh được thực hiện theo Nghị định số	

		thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng không?	02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Người đứng tên thành lập thư viện tư nhân phải đáp ứng các quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP; cụ thể: phải có quốc tịch Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi, am hiểu về sách báo và lĩnh vực thư viện. Người khuyết tật đáp ứng đủ điều kiện trên thì được đứng tên thành lập thư viện.	
	253	Tôi đang tìm hiểu các quy định của pháp luật liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Tôi muốn hỏi hồ sơ đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng gồm những gì? Có bao gồm các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện thành lập thư viện?	Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hồ sơ đăng ký hoạt động thư viện gồm có: - Đơn đăng ký hoạt động thư viện (<i>Mẫu số 01 ban hành theo Nghị định số 02/2009/NĐ-CP</i>); - Danh mục vốn tài liệu thư viện hiện có (<i>Mẫu số 02 ban hành theo Nghị định số 02/2009/NĐ-CP</i>); - Sơ yếu lý lịch của người đứng tên thành lập thư viện có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú; - Nội quy thư viện. Số lượng hồ sơ cần nộp là 01 bộ. Như vậy theo quy định hiện hành, hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng không bao gồm	

				các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện thành lập thư viện. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xác minh sau khi tiếp nhận hồ sơ và trong quá trình kiểm tra hoạt động của thư viện.	
		254	Chúng tôi muốn thành lập thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, tuy nhiên thiếu điều kiện “Người làm thư viện phải được bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ thư viện”. Vậy tôi muốn hỏi những cơ quan, đơn vị nào thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng này và tôi có thể tham gia hoặc cử người tham gia khóa học này ở đâu? Kinh phí khoảng bao nhiêu?	Theo quy định của Pháp lệnh thư viện, ngoài cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, các thư viện công lập có nhiệm vụ “tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác thư viện” (khoản 7 Điều 13 Pháp lệnh Thư viện). Theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, ông/bà có thể đăng ký với các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn hoặc các thư viện công cộng nhà nước, đặc biệt là Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện cấp tỉnh, thư viện cấp huyện trên địa bàn để tham dự các lớp, các khóa bồi dưỡng kiến thức, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thư viện. Nhằm khuyến khích việc thành lập thư viện tư nhân để phục vụ rộng rãi công chúng, Nhà nước có chính sách “Người làm việc trong thư viện tư nhân được miễn phí khi tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thư viện do ngành văn hóa tổ chức” (khoản 4 Điều 3 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP).	
		255	Nhóm chúng tôi hiện đã có khoảng	Ngày 06/01/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2009/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư	

			3.000 bản sách và muốn tổ chức thành thư viện, tổ chức một số hoạt động về đọc sách, liên quan đến sách để phục vụ người dân ở cộng đồng không nhằm mục đích kinh doanh. Tôi phải làm thủ tục với cơ quan nào? Thời gian thực hiện trong bao lâu?	nhân có phục vụ cộng đồng. Vốn tài liệu ban đầu của thư viện là cơ sở để xác định cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện. Trường hợp của bạn có 3.000 bản sách và có đủ các điều kiện khác quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP, người đứng tên thành lập thư viện gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi thư viện đóng trụ sở theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP), cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện tư nhân.	
		256	Thư viện dòng họ chúng tôi được xây dựng nhằm giúp con cháu trong dòng họ học tập và giải trí. Đến nay, thư viện có khoảng 1.500 đầu sách với nhiều thể loại	Nhằm phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân có môi trường tiếp cận thông tin và phục vụ học tập suốt đời của người dân, Nhà nước khuyến khích việc thành lập thư viện tư nhân để phục vụ rộng rãi cộng chúng; coi trọng và đối xử bình đẳng đối với các sản bản và dịch vụ của thư viện tư nhân. Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi	

			thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Để phát huy giá trị của sách, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân trên địa bàn, được sự đồng ý của họ tộc, chúng tôi dự kiến mở cửa thư viện phục vụ bà con quê hương. Tôi phải đăng ký ở đâu?	bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, với số bản sách hiện có từ 1.000 đến dưới 2000 bản sách, Phòng Văn hóa Thông tin cấp huyện nơi có trụ sở thư viện là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.	
		257	Là người yêu sách, là giáo viên dạy văn đã nghỉ hưu, cá nhân tôi hiện có tủ sách với gần 300 đầu sách (với gần 500 bản), đa số sách văn học, sách thiếu nhi và cho nhiều trẻ em trong xã và xã bên cạnh qua đọc,	Ngoài số vốn sách hiện đang có, nếu đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, ông/bà có thể thành lập và đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Với việc lựa chọn này, sau khi thành lập, thư viện có thể nhận được sự hỗ trợ từ cơ quan nhà nước, thư viện cộng đồng trên địa bàn (như: bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ thư viện miễn phí, được nhận sách luân chuyển từ thư viện công cộng nhà nước, hưởng các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ về khuyến khích xã hội hóa...) Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư	

			mượn sách. Tiếp xúc và thấy khát khao được đọc sách của trẻ em của trẻ em quê nhà, tôi muốn tổ chức một không gian và triển khai các hoạt động về sách, về kỹ năng, sử dụng đọc sách giúp các em có môi trường sinh hoạt lành mạnh và hỗ trợ việc học tập ở trường. Tôi có thể thực hiện đăng ký với cơ quan nào?	nhân có phục vụ cộng đồng và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/1/2012 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ông/bà nộp hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở thư viện để được hướng dẫn cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.	
		258	Tôi đã làm thủ tục đăng ký thành lập thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tôi sống. Thời gian đó, thư viện của tôi	Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng được thành lập và thực hiện việc đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Nghị định số 02/2009/NĐ-CP và các văn bản hiện hành chỉ quy định thẩm quyền của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện căn cứ vốn tài liệu ban đầu của thư viện (khoản 2 Điều 6), các trường hợp đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy chứng	

		mới có 500 bản sách và chủ yếu phục vụ nhu cầu đọc và mượn sách của người dân. Sau 5 năm, được sự hỗ trợ từ bạn bè, đồng nghiệp xã hội, thư viện đã phát triển với 2.000 bản sách và mở rộng phạm vi phục vụ, tổ chức nhiều hoạt động khác liên quan đến sách như: các buổi nói chuyện giới thiệu sách, mời tác giả về nói chuyện, Tôi có cần phải đăng ký lại hoạt động thư viện không?	nhận đăng ký hoạt động thư viện (Điều 7). Trường hợp của ông/bà hỏi không phải đăng ký lại hoạt động thư viện khi số lượng bản sách tăng và mở rộng quy mô hoạt động. Tuy nhiên, theo quy định, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện có thông tin tên thư viện... Vì vậy, để thuận lợi trong quá trình hoạt động, nếu có thay đổi về thông tin tên thư viện (đổi tên thư viện), người thành lập thư viện hoặc được đại diện theo pháp luật của thư viện làm thủ tục thông báo (kèm giấy chứng nhận đã được cấp) với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn.	
--	--	---	---	--